



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 29/2026
Từ 27/7- 31/7/2026

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

TOÀN VĂN PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC TÔ LÂM TẠI HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 3

Sáng ngày 29/7/2026, Bộ Chính trị tổ chức Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã có bài phát biểu chỉ đạo quan trọng. Ban Biên tập Bản tin điện tử Cải cách hành chính trân trọng giới thiệu toàn văn bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước.



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm phát biểu chỉ đạo Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV

- Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

Thưa các đồng chí lãnh đạo các ban, bộ, ngành Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các địa phương, các tổ chức đảng trong toàn hệ thống chính trị.

Thưa toàn thể các đồng chí cán bộ, đảng viên và đồng bào cả nước,

Hôm nay, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện các Nghị quyết, Kết luận, Quy định của Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV. Qua các chuyên đề, chúng ta đã làm rõ nội dung cốt lõi, điểm mới và những yêu cầu triển khai thực hiện. Tôi đánh giá cao tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm của các đồng chí.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Hội nghị Trung ương 3 đã thống nhất cao nhiều nội dung, quyết định nhiều chủ trương lớn về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, phát triển và bảo vệ đất nước. Đây là bước cụ thể hóa quan trọng Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, gắn nhiệm vụ năm 2026 với mục tiêu cả nhiệm kỳ, đến năm 2030, năm 2045. Các quyết sách cùng hướng tới nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, khả năng quản trị, phát triển, bảo vệ đất nước; làm cho bộ máy của hệ thống chính trị vận hành hiệu quả hơn, nguồn lực được khơi thông, đời sống Nhân dân được nâng cao, đất nước phát triển.

Chúng ta đã thống nhất nhận thức: Triển khai phải rõ việc, rõ người, rõ thời hạn, rõ hiệu quả, rõ trách nhiệm. Chất lượng thực thi là thước đo năng lực lãnh đạo, cầm quyền và hiệu quả vận hành của hệ thống; phải chuyển nhận thức thành hành động, quyết tâm thành kết quả.

Trên tinh thần đó, tôi đề nghị toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị tập trung quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện tốt 5 vấn đề.

Thứ nhất, thống nhất nhận thức, nắm vững tư tưởng chỉ đạo, những điểm mới và mối quan hệ hữu cơ giữa các quyết sách, bước chuyển chiến lược của Trung ương; hiểu đúng để hành động thống nhất.

Điều cần nhận thức sâu sắc là các quyết sách của Trung ương là một hệ thống liên thông, gắn kết cùng hướng tới đổi mới đồng bộ phương thức lãnh đạo, quản trị, phát triển và bảo vệ đất nước. Công tác xây dựng Đảng, tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ phải giúp nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và chất lượng vận hành; không gian phát triển, nguồn lực quốc gia phải được quản trị thống nhất, sử dụng hiệu quả; mô hình phát triển phải dựa vào năng suất, tri thức, công nghệ, đổi mới sáng tạo và con người, phải bám sát thực tiễn Việt Nam; quốc phòng, an ninh, đối ngoại, môi trường phải chủ động phòng ngừa, nâng cao sức chống chịu, khả năng thích ứng và bảo vệ vững chắc đất nước. Các nhiệm vụ đó là một thực thể hữu cơ; khâu nào chậm, yếu đều ảnh hưởng đến kết quả chung.

Trong xây dựng Đảng, phải kết hợp giữa “xây” và “chống”, giữa kỷ luật nghiêm minh và khuyến khích đổi mới. Thi hành Điều lệ Đảng phải tuyệt đối chấp hành Điều lệ, đúng thẩm quyền; vấn đề mới cần thí điểm phải rõ phạm vi, thời hạn, trách nhiệm và được tổng kết. Quy định về những điều đảng viên không được làm giúp nhận diện, ngăn chặn vi phạm, để cán bộ, đảng viên tự soi, tự sửa; đồng thời bảo vệ tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Trong quản trị không gian và nguồn lực phát triển, phải vượt qua sự chia cắt theo địa giới, ngành, lĩnh vực, nhiệm kỳ; đặt mỗi địa phương, mỗi nguồn lực trong tổng thể liên kết vùng và lợi ích quốc gia. Hoàn thiện pháp luật đất đai phải giữ vững nguyên tắc sở hữu toàn dân, đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, là không gian sinh tồn và phát triển. Quản lý và sử dụng đất phải đảm bảo lợi ích chung của toàn dân, góp phần nâng cao đời sống Nhân dân, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Nhà nước không xem xét lại quyền sử dụng đất hợp pháp theo chính sách, pháp luật đất đai qua các thời kỳ. Nhà nước bảo đảm cải thiện chỗ ở, sinh kế của người có đất thu hồi.

Phát triển kinh tế biển phải gắn bảo vệ hệ sinh thái, nâng cao đời sống Nhân dân, giữ vững chủ quyền và phát triển đất nước. Kinh tế biển chỉ là một thành tố trong mục tiêu xây dựng Quốc gia biển mạnh. Chúng ta phải tích cực chuẩn bị các điều kiện để đến năm 2045, Việt Nam trở thành quốc gia giàu từ biển, phát triển bền vững từ biển, có nền quản trị biển hiện đại, có công nghệ biển tiên tiến.

Đổi mới mô hình phát triển không chỉ là điều chỉnh tăng trưởng, mà là đổi mới cách tạo ra, phân bổ và thụ hưởng thành quả phát triển; lấy Nhân dân và con người làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực. Khoa học, công nghệ, dữ liệu, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao phải trở thành động lực chủ yếu. Tăng trưởng phải được tạo ra từ từng ngành, địa bàn, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người lao động; để mọi chủ thể có thêm cơ hội đóng góp và thụ hưởng.

Trong bảo vệ đất nước và phát triển bền vững, phải quán triệt quan hệ thống nhất giữa an ninh và phát triển. Phát triển phải tạo thêm tiềm lực, sức chống chịu; bảo đảm an ninh phải giữ vững môi trường ổn định cho phát triển. Phải chuyển từ trạng thái tập trung ứng phó, khắc phục hậu quả sang chủ động nhận diện, dự báo, phòng ngừa, thích ứng; bảo vệ vững chắc Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; đồng thời bảo đảm an ninh con người, dữ liệu, năng lượng, nguồn nước, hạ tầng trọng yếu. Không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng trước mắt.

Thứ hai, khẩn trương cụ thể hóa đồng bộ các quyết sách thành chương trình, kế hoạch hành động sát thực tiễn, có trọng tâm, trọng điểm, rõ thứ tự ưu tiên và liên thông giữa các nhiệm vụ

Nghị quyết phải đi cùng chương trình hành động. Chương trình hành động phải mang hơi thở, nhịp sống, đặc thù của từng bộ, ngành, địa phương, cơ sở để có thể thực thi hiệu quả. Mỗi chương trình phải rõ mục tiêu, nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, phối hợp, thẩm quyền, nguồn lực, tiến độ, sản phẩm, dữ liệu đánh giá và người chịu trách nhiệm. Không hành chính hóa việc thực hiện; không lấy số lượng kế hoạch, hội nghị thay cho kết quả.

Ngay sau Hội nghị hôm nay, các cấp ủy, cơ quan, địa phương phải rà soát chương trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các Nghị quyết của Đảng và Văn kiện Hội nghị Trung ương 3. Nhiệm vụ cùng mục tiêu, đối tượng, địa bàn phải được tích hợp; nội dung chồng chéo phải được xử lý; nguồn lực phải điều phối theo mục tiêu chung. Không để nhiều đầu mối cùng làm nhưng không có cơ quan chịu trách nhiệm đến cùng.

Cần phân loại rõ công việc. Việc đã rõ chủ trương, đủ căn cứ và điều kiện phải thực hiện ngay. Việc cần thể chế hóa phải xác định cơ quan, thời hạn, sản phẩm cụ thể. Việc mới, khó, chưa có tiền lệ phải làm rõ nguyên tắc, thẩm quyền, phạm vi thí điểm, nguồn lực, cơ chế kiểm soát. Không lấy lý do chưa có tiền lệ để trì hoãn; cũng không nóng vội, duy ý chí.

Thể chế hóa phải kịp thời, đồng bộ, chuyển chủ trương của Đảng thành quy định rõ ràng, khả thi. Cấp nào có thẩm quyền phải chủ động giải quyết; vấn đề vượt thẩm quyền phải báo cáo ngay, đồng thời đề xuất phương án xử lý. Không chỉ chuyển văn bản lên cấp trên rồi chờ đợi; không để khoảng trống pháp lý, hướng dẫn thiếu thống nhất làm chậm công việc, phát sinh thêm thủ tục, chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

Về hệ thống chính quyền địa phương 2 cấp, Trung ương không đặt vấn đề sắp xếp, điều chỉnh lại địa giới hành chính cấp xã, vì cơ bản cả hệ thống đang hoạt động ổn định, hiệu quả. Tỉnh, thành phố nào thấy thật sự cần thiết phải điều chỉnh, căn cứ chủ trương của Đảng, Pháp luật của Nhà nước, quy hoạch, thực tiễn quản trị và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân thì đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định. Phương án đề xuất điều chỉnh địa giới hành chính phải khoa học, thận trọng, khả thi, tạo đồng thuận, phải phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương và phục vụ Nhân dân tốt hơn. Kiên quyết loại bỏ tư tưởng “*thuận cán bộ, khó Nhân dân*”. Ban thường vụ, Ban chấp hành tỉnh, thành ủy phải chịu trách nhiệm về đề xuất đó.

Tiến độ triển khai Nghị quyết phải được thiết kế trong từng nhiệm vụ. Trong 6 tháng cuối năm 2026, phải bảo đảm bộ máy vận hành thông suốt, xử lý điểm nghẽn cấp bách, phần đầu hoàn thành cao nhất các mục tiêu kinh tế - xã hội. Trong nhiệm kỳ khóa XIV, phải cơ bản thể chế hóa các quyết sách, hoàn thiện phân cấp, phân quyền, tạo nền tảng cho mô hình phát triển mới. Hướng tới năm 2030, năm 2045, phải nâng cao năng lực tự chủ, sức cạnh tranh, khả năng thích ứng và sức chống chịu của đất nước.

Thứ ba, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, bảo đảm đầy đủ các điều kiện thi hành để hệ thống chính trị vận hành thông suốt, tương tác hiệu quả.

Sau một năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp, bộ máy hoạt động ổn định, thông suốt, hiệu quả nhưng chất lượng chưa đồng đều, nhất là ở cơ sở. Mục tiêu hiện nay là tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị, phục vụ Nhân dân. Phải tiếp tục hoàn thiện chức năng, thẩm quyền, năng lực thực thi. Phải chuyển mạnh hơn nữa, nhanh hơn nữa từ quản lý sang phục vụ, kiến tạo; từ xử lý phân tán sang quản trị tổng hợp dữ liệu; từ chờ hướng dẫn sang chủ động giải quyết, chịu trách nhiệm.

Tổ chức thực hiện phải đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, phát huy đúng chức năng, thẩm quyền của từng cơ quan. Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra; Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp thể chế hóa, quyết định, giám sát; Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương bố trí nguồn lực, tổ chức thực hiện; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội. Phải bảo đảm sự liên thông giữa lãnh đạo, thể chế hóa, thực hiện và giám sát; không làm thay chức năng của nhau.

Trung ương tập trung chiến lược, thể chế, nền tảng dùng chung, nguồn lực lớn và kiểm tra. Cấp tỉnh cụ thể hóa chủ trương, tổ chức không gian phát triển, điều phối nguồn lực, bảo đảm điều kiện cho cấp xã hoạt động thông suốt. Cấp xã là tuyến đầu của quản trị công, trực tiếp giải quyết mọi nhu cầu, công việc của người dân, doanh nghiệp; phải đủ năng lực quản trị sự phát triển. Phải tự trưởng thành qua tổ chức triển khai công việc.

Trung ương phân quyền cho địa phương. Cấp tỉnh phân cấp những nhiệm vụ cấp xã có thể làm. Cấp xã phải nỗ lực đảm đương những nhiệm vụ được giao, không đẩy lên trên việc thuộc trách nhiệm của mình. Khi cấp xã thiếu điều kiện thực thi, cấp tỉnh phải chủ động tháo gỡ, nếu nội dung công việc vượt qua thẩm quyền thì báo cáo Trung ương xem xét. Mỗi nhiệm vụ phải có một đầu mối chịu trách nhiệm chính, có cơ chế phối hợp rõ ràng, có nguồn dữ liệu dùng chung và kết quả phải đo, đếm được.

Phân cấp, phân quyền phải đồng bộ với nhân lực, tài chính, dữ liệu, công nghệ và kiểm soát quyền lực. Dữ liệu phải đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, được chia sẻ theo thẩm quyền; chấm dứt việc người dân phải cung cấp lại thông tin Nhà nước đã có trong hệ thống. Hệ thống thông tin phải phục vụ điều hành, cảnh báo, giám sát, quy trách nhiệm; không tạo thêm thủ tục, phần mềm, báo cáo hình thức.

Thứ tư, tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đề cao trách nhiệm nêu gương và vai trò quyết định của người đứng đầu.

Cán bộ là nhân tố quyết định chất lượng tổ chức thực hiện. Nghị quyết đúng, nguồn lực đủ nhưng cán bộ thiếu năng lực, thiếu trách nhiệm, không dám làm thì công việc vẫn trì trệ. Đánh giá cán bộ phải dân chủ, công khai, công tâm, khách quan; gắn với vị trí việc làm, sản phẩm, tiến độ, hiệu quả, uy tín trong Đảng, tín nhiệm trong Nhân dân; lấy kết quả thực hiện nghị quyết làm căn cứ.

Các cấp ủy, địa phương phải bố trí cán bộ đúng năng lực, chuyên môn, nhất là ở cấp xã và vị trí trực tiếp thực thi quyết sách; đào tạo theo vị trí việc làm. Kịp thời thay thế, cho từ chức cán bộ yếu kém, né tránh, đùn đẩy; trọng dụng, bảo vệ cán bộ liêm chính, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Phải phân biệt rõ cán bộ dám đổi mới với hành vi lợi dụng thí điểm, chính sách đặc thù hoặc cơ chế bảo vệ cán bộ để vụ lợi, hợp thức hóa, bao che sai phạm.

Người đứng đầu phải trực tiếp chỉ đạo việc lớn, việc khó, điểm nghẽn kéo dài; kiểm tra tiến độ, lắng nghe cơ sở, doanh nghiệp, Nhân dân; quyết định theo thẩm quyền, chịu trách nhiệm đến cùng. Không chỉ giao việc rồi chờ báo cáo; không nhận thành tích nhưng đẩy trách nhiệm khi chậm trễ. Người lãnh đạo phải sâu sát thực tiễn, hiểu địa bàn, lĩnh vực phụ trách, kịp thời nhận diện và giải quyết vấn đề.

Mỗi cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thường xuyên tự soi, tự sửa, nêu gương bằng kết quả cụ thể. Kỷ luật nghiêm minh không phải để cán bộ sợ trách nhiệm, mà để mỗi người biết rõ giới hạn, đúng vai, đúng thẩm quyền, yên tâm đổi mới, cống hiến.

Thứ năm, thiết lập kỷ luật thực thi nghiêm minh; tăng cường kiểm tra, giám sát, thông tin, tuyên truyền và đánh giá bằng dữ liệu, sản phẩm, kết quả thực tế; lấy lợi ích và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo cuối cùng.

Kiểm tra, giám sát phải tiến hành từ đầu, trong suốt quá trình thực hiện, tập trung vào nơi có nguy cơ chậm tiến độ, khâu dễ phát sinh lợi ích nhóm, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và vấn đề Nhân dân quan tâm. Phải theo dõi, cảnh báo sớm, tháo gỡ kịp thời; không chờ đến khi nhiệm vụ chậm, nguồn lực bị lãng phí hoặc hậu quả phát sinh mới kiểm tra, xử lý.

Phải làm rõ chủ trương đã được thể chế hóa đến đâu, bộ máy vận hành tốt hơn thế nào? điểm nghẽn nào được tháo gỡ? nguồn lực nào được khơi thông? người dân, doanh nghiệp được hưởng lợi gì? Một nhiệm vụ chỉ hoàn thành khi có sản phẩm vận hành, dữ liệu kiểm chứng và hiệu quả thực tế. Kết quả phải là căn cứ đánh giá cán bộ; biểu dương nơi làm tốt, bảo vệ người dám đổi mới; xử lý nghiêm biểu hiện né tránh, đùn đẩy, hình thức, trục lợi.

Phải thường xuyên lắng nghe Nhân dân, doanh nghiệp, trí thức, chuyên gia, cán bộ cơ sở; coi phản hồi thực tiễn là kênh kiểm chứng chính sách. Khi vướng mắc phát sinh trên diện rộng, phải xem xét đồng thời trách nhiệm thực hiện và bất cập của cơ chế; không quy mọi hạn chế cho cơ sở, cũng không lấy chính sách để bao biện cho yếu kém. Qua kiểm tra phải tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh cách làm, tổng kết thực tiễn, hoàn thiện thể chế.

Công tác thông tin, tuyên truyền phải được xác định trong từng chương trình hành động; bảo đảm kịp thời, chính xác, dễ hiểu, thuyết phục; làm rõ mục tiêu, lợi ích, lộ trình, trách nhiệm để Nhân dân hiểu đúng, tin tưởng, đồng hành. Phải chủ động đấu tranh với thông tin sai trái, xuyên tạc; đồng thời lắng nghe phản biện có cơ sở. Đồng thuận xã hội trước hết được tạo ra bằng chính sách đúng, thực hiện công bằng, công khai và kết quả người dân cảm nhận được.

Trong mọi chương trình hành động, phải đặt con người ở vị trí trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực. Hiệu quả kinh tế phải thống nhất với hiệu quả xã hội; tăng trưởng đi đôi với tiến bộ, công bằng, văn hóa, môi trường, quốc phòng, an ninh. Không đánh đổi lợi ích lâu dài lấy thành tích trước mắt; không để người yếu thế gánh chi phí bất hợp lý. Giá trị của nghị quyết phải thể hiện ở chất lượng sống, cơ hội phát triển, sự an toàn, niềm tin và hạnh phúc của Nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị hôm nay mở ra giai đoạn tổ chức thực hiện với yêu cầu cao hơn về trách nhiệm, kỷ luật và hiệu quả. Những vấn đề Trung ương đã quyết định phải được chuyển ngay thành chương trình, nhiệm vụ, sản phẩm, kết quả cụ thể. Vì vậy, tôi đề nghị các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, địa phương và người đứng đầu bắt tay ngay vào công việc; xác định đúng trọng tâm, rõ đầu mối, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, bảo đảm đầy đủ điều kiện thực hiện. Kết quả công việc phải được kiểm chứng bằng chuyển biến thực tế, hiệu quả phục vụ, sự hài lòng của Nhân dân.

Mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cán bộ, đảng viên phải biến nhận thức thành hành động, quyết tâm thành sản phẩm. Với sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, hành động đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự đồng lòng của Nhân dân, chúng ta nhất định đưa các văn kiện Hội nghị Trung ương 3 vào cuộc sống, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

TIẾP TỤC HOÀN THIỆN, VẬN HÀNH HIỆU QUẢ MÔ HÌNH TỔ CHỨC TỔNG THỂ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm ký ban hành Kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (Kết luận số 76-KL/TW, ngày 28/7/2026).

Theo Kết luận số 76-KL/TW (Kết luận), sau 1 năm triển khai mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình vận hành mô hình mới vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập.

Trong giai đoạn tới, cần tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy bên trong, bảo đảm hệ thống chính trị đủ năng lực tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo theo hướng lãnh đạo bằng đường lối, chiến lược, thể chế, công tác cán bộ, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

Kết luận nhấn mạnh, tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy từ Trung ương đến cấp xã theo hướng tinh gọn, rõ chức năng, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, không chồng chéo, không bỏ sót nhiệm vụ; phân định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và phương thức quản trị của từng cấp chính quyền. Thực hiện thí điểm mô hình tổ chức đảng trong giai đoạn mới gắn với thống nhất tên gọi các tổ chức đảng từ Trung ương tới cấp xã. Hình thành các đơn vị hành chính cấp xã mang tính hạt nhân tiêu biểu để lan tỏa, nhân rộng, dẫn dắt phát triển, gắn với mục tiêu xây dựng cấp xã thực sự trở thành trung tâm vận hành mới ở cơ sở.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc và yêu cầu thực tiễn. Thực hiện cải cách tiền lương gắn kết chặt chẽ với lộ trình tinh gọn bộ máy và vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Thể chế hóa cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Xác định năng lực thực thi của cán bộ cấp xã là thước đo quan trọng kiểm định sự thành công của mô hình mới.

Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và phát huy trách nhiệm người đứng đầu. Thực hiện nghiêm túc, triệt để nguyên tắc “quyền hạn giao đến đâu, trách nhiệm giải trình và cơ chế kiểm soát tới đó”. Kiểm soát quyền lực phải đi đôi với khuyến khích đổi mới, sáng tạo; chuyển mạnh sang giám sát dựa trên dữ liệu số. Xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả vận hành của mô hình mới.

Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, thiết lập cơ chế điều hành tập trung, thống nhất, bảo đảm tính trực thuộc của các tổ chức chính trị - xã hội vào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và bảo đảm các tổ chức chính trị-xã hội hoạt động theo luật và điều lệ của từng tổ chức phù hợp với Điều lệ Đảng. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong tham gia xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, liêm chính, phục vụ; củng cố đồng thuận xã hội, niềm tin của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Xử lý hiệu quả tài sản công, hồ sơ lưu trữ và bảo đảm nguồn lực cho cơ sở. Rà soát toàn diện điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin ở cấp xã. Có cơ chế phân bổ ngân sách, tăng tỷ lệ để lại nguồn thu phù hợp cho cấp xã; bảo đảm cơ sở có đủ điều kiện vận hành, phục vụ Nhân dân và tổ chức phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn.

Lấy chuyển đổi số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo làm phương thức đột phá trong vận hành mô hình mới. Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành và địa phương theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”. Quyết liệt khắc phục những hạn chế về hạ tầng số ở cơ sở cũng như đồng bộ phần mềm để sử dụng hiệu quả dữ liệu dùng chung; coi năng lực số là tiêu chuẩn bắt buộc của đội ngũ cán bộ trong mô hình quản trị mới.

Cũng theo Kết luận, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo, rà soát xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể trình cấp có thẩm quyền quyết định để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Nguồn: [nhandan.vn](#)

CHỈ BAN HÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI KHI THỰC SỰ CẦN THIẾT

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu vừa ký ban hành Công văn của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Thông báo số 01-TB/BCĐTW, Chương trình số 04-CTr/BCĐTW và Công văn số 06/CTQH.

Cụ thể, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xác định việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

Đồng thời cần kiểm soát chặt việc ban hành mới thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh; chỉ ban hành khi thực sự cần thiết, hợp pháp, hợp lý, chi phí tuân thủ thấp hơn lợi ích quản lý mang lại và không có giải pháp nào tối ưu hơn.

Lãnh đạo Chính phủ cũng lưu ý chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm trên cơ sở quản trị rủi ro; từ quản lý bằng giấy phép sang quản lý bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn, dữ liệu số, trách nhiệm giải trình và công tác thanh tra, kiểm tra.

Các bộ, ngành đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời đưa chính sách đi vào cuộc sống; tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền đi đôi với đánh giá năng lực thực thi và tăng cường kiểm tra, giám sát. Cùng với đó, cần khẩn trương hoàn thiện hồ sơ các dự án trình Quốc hội tại Kỳ họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2026, bảo đảm chất lượng, tiến độ.

Thủ tướng yêu cầu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thường xuyên sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của những chính sách, pháp luật đã ban hành, nhất là các chính sách, pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp, xác định những khó khăn, vướng mắc để đề xuất các giải pháp khắc phục với cơ quan, người có thẩm quyền.

Đồng thời, thường xuyên rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn.

Bộ Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển doanh nghiệp nhà nước; khẩn trương trình Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong tháng 7/2026.

Nguồn: [tienphong.vn](#)

ĐỀ XUẤT 7 NHÓM CHÍNH SÁCH ĐỊNH HƯỚNG SỬA ĐỔI LUẬT ĐẤT ĐAI

Tiếp tục chương trình Phiên họp thứ 4, chiều ngày 28/7/2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật Đất đai (sửa đổi).

Giá đất do Nhà nước quyết định

Trình bày những định hướng chính sách sửa đổi Luật Đất đai năm 2024, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng cho biết, Chính phủ đã thông qua 7 nhóm chính sách.

Theo đó, nhóm chính sách thứ nhất là đổi mới công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo hướng tích hợp, số hóa, đơn giản hóa hệ thống quy hoạch phù hợp tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; nâng cao chất lượng quy hoạch, kiểm soát chặt việc điều chỉnh quy hoạch và ưu tiên quỹ đất cho kết cấu hạ tầng, nhà ở xã hội, giáo dục, y tế và các động lực tăng trưởng mới.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo hướng công khai, minh bạch; quy định rõ các trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất; hoàn thiện cơ chế khai thác quỹ đất cơ quan, trụ sở dôi dư và ưu tiên đất cho giáo dục, y tế, nhà ở cho thuê, nhà ở xã hội và các lĩnh vực ưu tiên phát triển.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo hướng hài hòa lợi ích Nhà nước, người dân và nhà đầu tư; rút ngắn thời gian giải phóng mặt bằng; bổ sung cơ chế linh hoạt đối với dự án trọng điểm, cấp bách và trường hợp có sự đồng thuận cao của người dân.

Chuyển mạnh từ tư duy “bồi thường tài sản bị thu hồi” sang tư duy “tái thiết cuộc sống cho người dân khi Nhà nước thu hồi đất,” bảo đảm người có đất bị thu hồi có chỗ ở, điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ.

Thứ tư, đổi mới cơ chế tài chính đất đai và giá đất theo hướng chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy quản trị phát triển về đất đai. Giá đất do Nhà nước quyết định dựa trên dữ liệu đầy đủ, công khai, minh bạch; điều tiết địa tô chênh lệch, điều tiết hợp lý giá trị tăng thêm từ đất đai, phòng, chống đầu cơ, thao túng giá, qua đó khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai phục vụ phát triển kinh tế-xã hội.

Thứ năm, hoàn thiện quy định về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, chế độ sử dụng đất theo hướng khơi thông nguồn lực tài nguyên thông qua mở rộng cơ chế sử dụng đất đa mục đích, khai thác không gian đa chiều, không gian trên cao và lấn biển, thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai; phát triển thị trường quyền sử dụng đất và bổ sung cơ chế đối với một số loại đất, mô hình phát triển mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ sáu, đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và phân cấp, phân quyền trong quản lý đất đai; hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; xử lý các tồn tại lịch sử trong cấp Giấy chứng nhận; đơn giản hóa trình tự, thủ tục hành chính phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp gắn với nâng cao trách nhiệm của địa phương và tăng cường kiểm tra, giám sát của Trung ương.

Thứ bảy, đổi mới, tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; khắc phục bằng được tình trạng không sử dụng đất, để đất hoang hóa, ô nhiễm, suy thoái; các tồn tại lịch sử trong quản lý, sử dụng đất; hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai.

Tách bạch xác định giá đất với cơ chế bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Tài chính Phan Văn Mai, đại diện cơ quan thẩm tra, nêu rõ Ủy ban tán thành với sự cần thiết, cấp bách sửa đổi Luật Đất đai năm 2024.

Về thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Chính sách 3), Ủy ban đề nghị báo cáo làm rõ về sự cần thiết, căn cứ đề xuất các trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đối với các dự án đầu tư kinh doanh mới được bổ sung; tiếp tục hoàn thiện quy định theo hướng quy định rõ ràng về tiêu chí dự án thuộc phạm vi thu hồi đất trong trường hợp thật cần thiết để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Cơ quan thẩm tra cũng đề nghị rà soát kỹ lưỡng các trường hợp cho phép thu hồi đất trước khi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất trước khi hoàn thành việc bố trí tái định cư, bảo đảm thật sự cần thiết, cấp bách, vì lợi ích chung, do chính sách này có tác động lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, ảnh hưởng đến tâm lý của người dân, dư luận xã hội; nghiên cứu bổ sung một số yêu cầu đối với trường hợp này như: phải phê duyệt phương án sơ bộ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; có phương án tạm cư; có cam kết về mức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi thu hồi đất...

Về cơ chế tài chính về đất đai, giá đất (Chính sách 4), Ủy ban Kinh tế và Tài chính đề nghị tiếp tục rà soát, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ nghị quyết Trung ương về việc Nhà nước điều tiết, kiểm soát và quyết định giá đất khi đưa vào sử dụng căn cứ vào mục tiêu phát triển của từng thời kỳ, bảo đảm thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, chi phí đầu vào thấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế xác định giá đất cho sản xuất, kinh doanh bảo đảm hợp lý; tách bạch xác định giá đất (công cụ kinh tế để quản lý và điều tiết nguồn lực đất đai) với cơ chế bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (chính sách bảo đảm an sinh và quyền lợi của người dân khi thu hồi đất).

Phát biểu kết luận, Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Hồng Diên nêu rõ Ủy ban Thường vụ Quốc hội cơ bản thống nhất với các định hướng lớn về chính sách sửa đổi Luật Đất đai năm 2024 và sự cần thiết, cấp bách phải sửa đổi toàn diện Luật này, tạo lập nền tảng thể chế đồng bộ để giải phóng nguồn lực, thu hút đầu tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo cho mô hình phát triển mới của đất nước.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị quán triệt sâu sắc quan điểm, định hướng của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, bám sát và thể chế hóa đầy đủ quan điểm đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, là tư liệu sản xuất đặc biệt, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước.

Mục tiêu chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy quản lý phát triển về đất đai; hướng tới xây dựng một nền quản trị đất đai hiện đại, đồng bộ, công khai, minh bạch và hiệu quả.

Theo đó, mỗi quy định được đề xuất sửa đổi cần phải trả lời rõ 3 câu hỏi lớn: Có thực sự giải phóng nguồn lực đất đai cho phát triển hay không? Có góp phần nâng cao chất lượng quản trị quốc gia, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính không cần thiết, tạo thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp hay không? Có bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân và doanh nghiệp hay không?

Phó Chủ tịch Quốc hội yêu cầu tiếp tục rà soát để sửa đổi một cách toàn diện, căn cơ Luật Đất đai; các cơ chế, chính sách đề xuất phải thực sự khả thi, bảo đảm thực sự tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, cắt giảm thủ tục hành chính không cần thiết.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất trình Quốc hội xem xét cho ý kiến đối với định hướng chính sách sửa đổi Luật Đất đai năm 2024 tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất vào đầu tháng 8/2026.

Nguồn: vietnamplus.vn

BỘ CÔNG THƯƠNG TRIỂN KHAI PHONG TRÀO THI ĐUA THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG 2 CON SỐ

Ngày 28/7/2026, Bộ trưởng Bộ Công Thương Lê Mạnh Hùng ký Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Phong trào thi đua quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng bền vững “2 con số” giai đoạn 2026 - 2030.

Phát động phong trào thi đua hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững “2 con số”

Kế hoạch xác định ba quan điểm chỉ đạo. Theo đó, phong trào thi đua được tổ chức dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng, thống nhất quản lý của Nhà nước; phát huy vai trò, trách nhiệm tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức Bộ Công Thương, các tầng lớp nhân dân, giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; sự nỗ lực, chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và từng người dân nhằm thống nhất nhận thức, tư duy hành động, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Phong trào thi đua gắn chặt với nhiệm vụ hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng tổ chức thi hành pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; lấy kết quả thực hiện mục tiêu tăng trưởng và nâng cao đời sống nhân dân làm thước đo của Phong trào thi đua.

Các đơn vị thuộc Bộ, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ và doanh nghiệp trực thuộc Bộ tổ chức Phong trào thi đua bám sát việc thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị, mục tiêu, chỉ tiêu

phát triển kinh tế - xã hội của từng đơn vị, doanh nghiệp hướng về cơ sở với phương châm: người dân là gốc, là trung tâm, là chủ thể của phát triển.

Về mục tiêu thi đua, Kế hoạch nhằm tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tri thức, kinh tế tuần hoàn và đẩy mạnh quản trị quốc gia, quản trị đơn vị đáp ứng yêu cầu kiến tạo, phát triển bền vững và phục vụ nhân dân.

Đồng thời, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần đoàn kết, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng hành động của mỗi tập thể, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức Bộ Công Thương trên tất cả các lĩnh vực, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng bền vững “2 con số” giai đoạn 2026 - 2030.

Kế hoạch cũng đề ra chỉ tiêu hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; các chỉ tiêu trong Chương trình hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”, cùng các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của từng đơn vị.

Trong đó, chỉ tiêu quan trọng nhất là phấn đấu tăng trưởng GDP bình quân đạt từ 10%/năm trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân; thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, thuộc nhóm 30 nền kinh tế có quy mô GDP hàng đầu thế giới.

Triển khai các nội dung thi đua và khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu

Theo Kế hoạch, phong trào thi đua tập trung vào các nội dung sau đây, gồm thi đua xây dựng đồng bộ thể chế kiến tạo và phát triển bền vững, tạo đột phá tăng trưởng, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, liên thông thị trường (tài chính, lao động, khoa học công nghệ...), giải phóng sức sản xuất, huy động nguồn lực, khuyến khích làm giàu chính đáng.

Thi đua khơi thông, phát huy và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; hỗ trợ doanh nghiệp, đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, năng lượng bền vững; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thi đua củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; ứng phó, khắc phục kịp thời tình trạng khẩn cấp, khôi phục hoạt động sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội.

Thi đua phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thúc đẩy liên kết, phát triển vùng, phát triển kinh tế biển, phát triển đô thị; tập trung đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm quốc

gia, hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng kỹ thuật và xã hội, giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng, khơi thông nguồn lực cho phát triển.

Cùng với đó, phong trào thi đua tập trung xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, liêm chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; triển khai đồng bộ, sáng tạo các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả.

Đối với doanh nghiệp, Kế hoạch đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu bình quân từ 8-12%/năm, lợi nhuận tăng trưởng ổn định từ 5-10%/năm, nộp ngân sách tăng 5%/năm, năng suất lao động tăng từ 6-8%/năm.

Đồng thời tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào sản xuất kinh doanh, sử dụng năng lượng hiệu quả, sản xuất xanh - sạch - tiết kiệm, chú trọng phát triển kinh tế số, kinh tế tri thức, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo đảm môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động.

Nguồn: [congthuong.vn](#)

BỘ NỘI VỤ CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ VIÊN CHỨC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 259/2026/NĐ-CP

Ngày 21/7/2026, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 862/QĐ-BNV về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Theo đó, Bộ Nội vụ chính thức công bố 02 thủ tục hành chính mới thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ, bao gồm: thủ tục thi tuyển viên chức và thủ tục xét tuyển viên chức.

Đồng thời, Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 168/QĐ-BNV ngày 12/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (gồm các thủ tục về thi tuyển viên chức, xét tuyển viên chức và tiếp nhận vào làm viên chức không giữ chức vụ quản lý theo quy định cũ).

Việc ban hành Quyết định số 862/QĐ-BNV nhằm kịp thời cập nhật, chuẩn hóa quy trình, thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết các thủ tục tuyển dụng viên chức, tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định số 259/2026/NĐ-CP.

Thủ tục thi tuyển viên chức: Quy trình 6 bước chặt chẽ, giải quyết tối đa trong 140 ngày

Theo công bố kèm Quyết định số 862/QĐ-BNV, thủ tục thi tuyển viên chức được thực hiện qua 6 bước công khai, chi tiết với tổng thời hạn giải quyết tối đa là 140 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển.

Bước 1. Nộp Phiếu đăng ký dự tuyển: Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng

Bước 2. Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển: Trong thời hạn từ 15 đến 30 ngày (đối với kỳ thi có từ 500 người trở lên), Hội đồng tuyển dụng hoàn thành kiểm tra, thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi và gửi giấy triệu tập. Người không đủ điều kiện sẽ được thông báo nêu rõ lý do.

Bước 3. Tổ chức thi tuyển 02 vòng: Vòng 1: Tổ chức chậm nhất 30 ngày (hoặc 45 ngày nếu mở rộng thời gian) kể từ ngày hết hạn nhận phiếu. Kết quả thi được thông báo ngay sau khi kết thúc bài thi. Người đạt kết quả vòng 1 đương nhiên được tham dự vòng 2; **Vòng 2:** Thi nghiệp vụ chuyên ngành (hình thức viết, phỏng vấn hoặc kết hợp) được tổ chức chậm nhất 10 ngày sau vòng 1. Thời gian chấm thi viết và công bố kết quả là 15 ngày (tối đa 30 ngày nếu từ 1.000 thí sinh trở lên). Thời hạn nhận đơn phúc khảo là 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả.

Bước 4. Phê duyệt và thông báo kết quả: Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất chấm thi, Hội đồng báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong 02 ngày làm việc tiếp theo, danh sách trúng tuyển được đăng tải công khai và gửi thông báo công nhận tới người trúng tuyển.

Bước 5. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng: Trong 15 ngày kể từ ngày công bố danh sách trúng tuyển, người trúng tuyển nộp bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ ưu tiên (không cần chứng chỉ tin học, ngoại ngữ). Cơ quan tuyển dụng chủ động đề nghị cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Nếu có thí sinh bị hủy kết quả trúng tuyển do gian lận hoặc không nhận việc, cơ quan được xem xét tuyển dụng người có kết quả thấp hơn liền kề.

Bước 6. Ký kết hợp đồng làm việc và nhận việc: Trong 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thiện hồ sơ, cơ quan tuyển dụng chuyển kết quả và hồ sơ đến đơn vị sử dụng viên chức. Trong 05 ngày làm việc tiếp theo, người đứng đầu đơn vị tiến hành ký kết hợp đồng làm việc. Hợp đồng làm việc có giá trị pháp lý như Quyết định tuyển dụng.

Thủ tục xét tuyển viên chức: Quy trình tối ưu 5 bước, thời hạn tối đa 80 ngày

Đối với hình thức xét tuyển viên chức, quy trình được tối ưu hóa với thời hạn giải quyết tối đa 80 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị sự nghiệp chủ động bổ sung nhân sự chất lượng.

Bước 1. Nộp Phiếu đăng ký dự tuyển: Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng

Bước 2. Tổ chức xét tuyển 02 vòng.

Vòng 1: Hội đồng tuyển dụng kiểm tra điều kiện dự tuyển trên Phiếu đăng ký trong thời hạn 15 đến 30 ngày. Thí sinh đáp ứng đủ điều kiện sẽ bước vào vòng 2.

Vòng 2: Tiến hành chậm nhất 15 ngày kể từ khi thông báo triệu tập. Hình thức thi gồm Vấn đáp (30 phút, tối đa 15 phút chuẩn bị) hoặc Thực hành. Nội dung thi tập trung kiểm tra kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ; đánh giá năng lực tư duy, giao tiếp, phán đoán, thái độ theo thang điểm 100. Quy định mới rõ ràng: *Không thực hiện kiểm tra, sát hạch về ngoại ngữ đối với trường hợp xét tuyển* (trừ quyết định riêng của cơ quan tuyển dụng).

Bước 3. Phê duyệt và công bố kết quả: Việc tổng hợp kết quả, báo cáo phê duyệt và thông báo công khai danh sách trúng tuyển được thực hiện trong thời hạn lần lượt là 05 ngày và 02 ngày làm việc tương tự quy trình thi tuyển.

Bước 4. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng: Thí sinh trúng tuyển có 15 ngày để hoàn thiện bản sao văn bằng, chứng chỉ và giấy tờ ưu tiên. Các hành vi gian lận kê khai phiếu đăng ký dự tuyển sẽ bị xử lý nghiêm (xóa tên và không tiếp nhận phiếu đăng ký trong 01 kỳ tuyển dụng tiếp theo).

Bước 5. Ký kết hợp đồng làm việc: Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoàn thiện.

Phuong Nhung/Moha.gov.vn

SỐ HÓA DỮ LIỆU GIẢM NGHÈO

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo đã được xây dựng, cùng với việc triển khai kế hoạch thu thập, làm sạch dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên phạm vi toàn quốc.

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu số về hộ nghèo, hộ cận nghèo đang được Bộ Nông nghiệp và Môi trường đẩy mạnh, tạo nền tảng nâng cao hiệu quả quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2035. Đồng thời, đây cũng là giải pháp quan trọng nhằm giảm nghèo thông tin, bảo đảm chính sách an sinh xã hội được triển khai minh bạch, chính xác và đến đúng đối tượng thụ hưởng.

Theo đó, gần 5 triệu dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo được cập nhật lên hệ thống số, góp phần giảm nghèo thông tin, nâng cao hiệu quả quản lý và bảo đảm các chính sách an sinh xã hội được triển khai minh bạch, chính xác, đến đúng đối tượng.

Sau khi được làm sạch và chuẩn hóa, dữ liệu tiếp tục được chuyển đến Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc, Bộ Nội vụ để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội. Hệ thống dữ liệu liên thông sẽ tăng cường khả năng chia sẻ thông tin giữa các bộ, ngành, địa phương, góp phần cắt giảm thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Đáng chú ý, việc số hóa dữ liệu không chỉ phục vụ công tác quản lý mà còn góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo thông tin. Khi dữ liệu được chuẩn hóa và kết nối đồng bộ, người dân được xác định chính xác đối tượng thụ hưởng, hạn chế tình trạng thiếu thông tin hoặc sai lệch dữ liệu dẫn đến bỏ sót quyền lợi. Đồng thời, các cơ quan chức năng có thêm công cụ để chủ

động cung cấp thông tin, hướng dẫn người dân tiếp cận chính sách giảm nghèo, hỗ trợ sinh kế và các dịch vụ an sinh xã hội.

Việc hình thành cơ sở dữ liệu thống nhất cũng tạo điều kiện để chính quyền các cấp nắm chắc diễn biến về hộ nghèo, hộ cận nghèo, từ đó xây dựng các giải pháp hỗ trợ sát thực tiễn. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng điều hành, đồng thời tăng tính công khai, minh bạch trong quá trình triển khai các chương trình giảm nghèo.

Nguồn: daibieunhandan.vn

BỘ Y TẾ SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LƯƠNG Y, ĐẨY MẠNH PHÂN CẤP GẮN VỚI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ

Chiều ngày 28/7/2026, Thứ trưởng Thường trực Bộ Y tế Vũ Mạnh Hà chủ trì Hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2024/TT-BYT, ngày 12/3/2024 của Bộ Trưởng Bộ Y tế quy định cấp giấy chứng nhận lương y, giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại.

Hoàn thiện quy định để phù hợp yêu cầu phân cấp, cải cách hành chính

Theo Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền, dự thảo Thông tư đã được Ban soạn thảo, Tổ biên tập nhiều lần thảo luận, tiếp thu ý kiến; đồng thời được đăng tải lấy ý kiến rộng rãi và xin ý kiến các đơn vị liên quan, trong đó có Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ), Vụ Pháp chế (Bộ Y tế) nhằm xử lý những nội dung còn có ý kiến khác nhau.

Trong đó, nhiều ý kiến đề nghị làm rõ thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận lương y; việc thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch; quy trình xây dựng đề kiểm tra, sát hạch đối với giấy chứng nhận lương y, người có bài thuốc gia truyền và người có phương pháp chữa bệnh gia truyền.

Các đại biểu cũng đề xuất tiếp tục hoàn thiện trình tự, thủ tục hành chính; chuẩn hóa biểu mẫu, quy trình tiếp nhận hồ sơ; quy định cụ thể thời gian tiếp nhận, xử lý hồ sơ nhằm bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong quá trình triển khai.

Bên cạnh đó, nhiều ý kiến tập trung vào việc làm rõ danh xưng “lương y”, rà soát đối tượng được cấp giấy chứng nhận; hoàn thiện quy định về đào tạo lương y cũng như thủ tục chuyển quyền kế thừa đối với bài thuốc gia truyền.

Kết luận hội nghị, Thứ trưởng Thường trực Bộ Y tế Vũ Mạnh Hà đánh giá cao các ý kiến đóng góp của các thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên tập, đồng thời thống nhất cần tiếp tục làm rõ danh xưng “lương y” để bảo đảm phù hợp với thực tiễn và yêu cầu quản lý.

Thứ trưởng Thường trực Bộ Y tế Vũ Mạnh Hà giao các đơn vị liên quan tổ chức hội thảo chuyên đề nhằm đánh giá đầy đủ về đối tượng, danh mục, chương trình đào tạo đối với lương y, làm cơ sở hoàn thiện các quy định trong Thông tư.

Đối với bài thuốc gia truyền, đặc biệt là các bài thuốc đang được sử dụng rộng rãi và đã được chứng minh hiệu quả, Thứ trưởng Thường trực Bộ Y tế Vũ Mạnh Hà đề nghị nghiên cứu các giải pháp phù hợp nhằm hỗ trợ kiểm nghiệm độc tính, đồng thời xem xét đưa các bài thuốc đủ điều kiện vào danh mục được thanh toán bảo hiểm y tế.

Thứ trưởng Thường trực Bộ Y tế cũng thống nhất chủ trương phân cấp, phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận; thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch và tổ chức sát hạch đối với lương y, người có bài thuốc gia truyền và người có phương pháp chữa bệnh gia truyền.

Tuy nhiên, Thứ trưởng Thường trực Bộ Y tế Vũ Mạnh Hà đề nghị tiếp tục nghiên cứu phương án giao cơ quan chuyên môn trực thuộc địa phương trực tiếp thực hiện nhằm bảo đảm tính chuyên môn và thống nhất trong quản lý.

Nguồn: suckhoedoisong.vn

RÚT NGẮN THỜI GIAN LÀM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHO NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1997/QĐ-BTC công bố thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Theo Quyết định số 1997/QĐ-BTC, 2 thủ tục hành chính ban hành mới gồm: Đăng ký thay đổi nội dung, cập nhật, bổ sung thông tin, cấp lại giấy chứng nhận, hiệu đính thông tin đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội, chi nhánh, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội; Đăng ký hoạt động lần đầu của chi nhánh, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội; Đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.

Cả 2 thủ tục trên đều thuộc lĩnh vực đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội, với cơ quan giải quyết là cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Theo quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1997/QĐ-BTC, đối với các thủ tục đăng ký thay đổi, Ngân hàng Chính sách xã hội phải thực hiện đăng ký trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi phát sinh thay đổi đối với các nội dung như người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở chính, nội dung hoạt động, thông tin đăng ký thuế hoặc vốn điều lệ. Trong đó, thời điểm xác định thay đổi vốn điều lệ là khi báo cáo tài chính năm được Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội phê duyệt.

Đối với chi nhánh và phòng giao dịch, việc đăng ký hoạt động lần đầu cũng phải được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày thành lập. Khi có thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở,

người đứng đầu, chi nhánh chủ quản hoặc thông tin đăng ký thuế, Ngân hàng Chính sách xã hội cũng phải thực hiện đăng ký thay đổi trong thời hạn tương tự.

Quyết định số 1997/QĐ-BTC quy định, hồ sơ có thể được nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc thực hiện trực tuyến trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

Thời gian giải quyết thủ tục được rút ngắn tùy từng trường hợp kể từ khi cơ quan đăng ký kinh doanh nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Theo đó, thủ tục đăng ký thay đổi nội dung hoạt động hoặc đăng ký lần đầu cho chi nhánh, phòng giao dịch được giải quyết trong 3 ngày làm việc. Thủ tục hiệu đính thông tin hoàn thành sau 2 ngày làm việc. Riêng thủ tục cập nhật, bổ sung dữ liệu hay cấp lại giấy chứng nhận chỉ xử lý trong 1 ngày làm việc.

Theo quy định, các thủ tục này không thu phí, lệ phí. Cơ quan giải quyết là cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nguồn: congthuong.vn

CỤC THUẾ NÂNG CẤP ỨNG DỤNG ETAX MOBILE VỚI NHIỀU TIỆN ÍCH GIA TĂNG

Ngày 30/7, Cục Thuế thông [tin](#) đã chính thức áp dụng ứng dụng eTax Mobile phiên bản 3.4.2 mới, hỗ trợ người nộp thuế tra cứu thông tin nhanh chóng và thuận tiện.

Phiên bản 3.4.2 được xây dựng trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của người nộp thuế và đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ phát sinh trong thực tế. Điểm nổi bật của đợt nâng cấp này là sự thay đổi toàn diện tại giao diện trang chủ. Tại khu vực Tổng quan, người dùng có thể dễ dàng theo dõi ngay sau khi đăng nhập các thông tin thiết thực, như tình trạng tạm hoãn xuất cảnh, thông tin nghĩa vụ thuế, thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, danh sách địa điểm kinh doanh cùng thông tin doanh nghiệp đối với cá nhân là người đại diện. Việc tập trung các dữ liệu thiết yếu trên một màn hình giúp người nộp thuế nắm bắt nhanh chóng tình trạng thực hiện nghĩa vụ mà không cần thực hiện nhiều thao tác tra cứu như trước.

Bên cạnh đó, ứng dụng bổ sung chức năng tra cứu thông tin thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trực quan ngay trên màn hình Tổng quan. Tính năng này cho phép người dân chủ động theo dõi số thuế phải nộp, tình trạng thực hiện nghĩa vụ tài chính và các thông tin liên quan đến tài sản, từ đó hạn chế tình trạng chậm nộp thuế do thiếu thông tin. Đồng thời, phiên bản mới cũng điều chỉnh cách hiển thị dữ liệu tại chức năng Tra cứu thông tin nghĩa vụ thuế theo hướng chỉ hiển thị các khoản phải nộp đã được xác nhận, không hiển thị các khoản nộp đang trong trạng thái chờ xử lý nhằm tránh nhầm lẫn trong quá trình thực hiện nghĩa vụ tài chính của người nộp thuế.

Để tăng cường tương tác hai chiều, phân hệ gửi phản hồi về nghĩa vụ thuế đã được nâng cấp ngay tại màn hình tra cứu tương ứng, giúp người nộp thuế kịp thời phản ánh các thông tin chưa chính xác đến Cơ quan Thuế và rút ngắn thời gian giải quyết vướng mắc. Đáng chú ý, ứng dụng đã đưa vào vận hành phân hệ Chatbot AI 2.0 hoạt động như một trợ lý ảo. Công cụ này hỗ trợ giải đáp nhanh về tình trạng nợ thuế, cưỡng chế thuế hay tạm hoãn xuất cảnh bằng ngôn ngữ tự nhiên đồng thời hướng dẫn người nộp thuế là cá nhân kinh doanh thực hiện lập tờ khai thuận tiện.

Việc nâng cấp ứng dụng eTax Mobile là bước đi trong lộ trình hiện đại hóa ngành thuế, lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ. Những cải tiến này giúp giảm bớt thời gian, thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp đồng thời góp phần thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia, hướng tới xây dựng một hệ sinh thái tài chính số công khai và minh bạch.

Nguồn: vietnamplus.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG**HÀ NỘI: XÂY DỰNG NỀN HÀNH CHÍNH GẦN DÂN,
SÁT DÂN TỪ NHỮNG MÔ HÌNH GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Thành phố Hà Nội đang đổi mới phương thức quản trị ở cấp cơ sở theo hướng chủ động phục vụ người dân. Những mô hình sáng tạo được triển khai tại các xã, phường đã góp phần đưa dịch vụ công đến gần hơn với người dân, nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền.

Chính quyền chủ động đến gần người dân

Mô hình chính quyền địa phương hai cấp trao thêm nhiều thẩm quyền cho cấp xã, đưa chính quyền cơ sở trở thành nơi trực tiếp giải quyết phần lớn các thủ tục liên quan đến đời sống hằng ngày của người dân. Điều này vừa tạo thuận lợi trong giải quyết công việc ngay tại cơ sở, vừa đặt ra yêu cầu mới đối với cải cách hành chính. Nếu chỉ dừng ở việc phân cấp mà không đổi mới phương thức phục vụ, khoảng cách giữa chính quyền với người dân sẽ khó được rút ngắn.

Thực tế cho thấy, nhiều người dân, nhất là người cao tuổi, người khuyết tật, người có hoàn cảnh khó khăn hoặc chưa thành thạo công nghệ số vẫn gặp không ít trở ngại khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Xuất phát từ thực tiễn đó, các xã, phường của Hà Nội đã thay đổi tư duy phục vụ.

Xã Quảng Bị là một trong những địa phương tạo dấu ấn với mô hình “3 chủ động - 2 hỗ trợ - 1 niềm tin”. Điểm khác biệt của mô hình nằm ở cách tiếp cận người dân. Theo đó, các tổ công tác đã chủ động xuống từng thôn, từng hộ gia đình để rà soát nhu cầu, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, hỗ trợ tiếp cận dịch vụ công và các chính sách an sinh xã hội.

Với phương châm “đến tận nơi - hỗ trợ tận tình - phục vụ tận tâm”, sau 6 tháng triển khai, tổ hỗ trợ của xã đã trực tiếp đến tận nhà hỗ trợ 143 trường hợp là người cao tuổi, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn thực hiện thủ tục hành chính. Đồng thời, 754 người cao tuổi được hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ hưởng trợ cấp hưu trí xã hội và thực hiện thủ tục ủy quyền nhận trợ cấp qua tài khoản.

Hơn 500 hồ sơ dịch vụ công trực tuyến được hướng dẫn thực hiện thành công; hàng nghìn lượt người dân được hỗ trợ cài đặt, kích hoạt tài khoản VNeID; trên 20.000 tài khoản an sinh xã hội được tích hợp trên ứng dụng số; 99% người dân hài lòng với chất lượng phục vụ của chính quyền địa phương.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quảng Bị Tô Thị Đào cho biết, mục tiêu lớn nhất của mô hình không chỉ là giải quyết nhanh thủ tục hành chính mà còn xây dựng một chính quyền phục vụ, gần dân, vì dân. Bên cạnh đó, khi chính quyền chủ động tìm đến người dân và đồng hành

trong suốt quá trình thực hiện chính sách thì niềm tin của người dân đối với bộ máy cơ sở cũng được củng cố.

Ở xã Hoài Đức, phương châm “đến trước nhu cầu - tiên phong phục vụ” được hiện thực hóa thông qua mô hình “Bình dân học vụ số” và các tổ công nghệ lưu động. Dù khối lượng công việc lớn, xã đã thực hiện hai buổi tối mỗi tuần để cán bộ trực tiếp xuống địa bàn.

Diễn hình như tại nhà sinh hoạt cộng đồng chung cư Tân Việt, cán bộ xã trực tiếp hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, cài đặt eTax Mobile, kích hoạt tài khoản số và hỗ trợ làm sạch dữ liệu đất đai.

Xây dựng nền hành chính phục vụ

Thành phố Hà Nội xác định lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm của mọi hoạt động. Thành phố đặt mục tiêu đến năm 2030 có ít nhất 95% người dân hài lòng với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; đẩy mạnh giải quyết thủ tục trực tuyến và không phụ thuộc địa giới.

Một trong những yêu cầu xuyên suốt là tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Kết quả chỉ số hài lòng sẽ là căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cũng như năng lực quản lý, điều hành của lãnh đạo các cơ quan hành chính.

Theo Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trần Thị Diệu Oanh, Trưởng khoa Luật, Học viện Hành chính và Quản trị công, đây là mục tiêu cao nhưng hoàn toàn cần thiết đối với một Thủ đô đang hướng tới nền hành chính kiến tạo và phục vụ.

Cải cách hành chính không chỉ để giải quyết thủ tục nhanh hơn mà quan trọng hơn là để người dân cảm thấy thuận tiện hơn, công bằng hơn, được tôn trọng hơn trong quá trình tiếp cận dịch vụ công. Để hiện thực hóa mục tiêu này, quy trình hành chính cần được thiết kế từ góc nhìn của người dân.

Mỗi thủ tục phải hướng tới việc giảm số lần đi lại, giảm giấy tờ phải kê khai và tận dụng tối đa dữ liệu mà cơ quan nhà nước đã có. Chuyển đổi số chỉ thực sự có ý nghĩa khi giúp người dân thực hiện thủ tục đơn giản hơn chứ không làm phát sinh thêm những rào cản mới. Dù hạ tầng số hiện đại đến đâu thì người dân cũng chỉ hài lòng khi cảm nhận được sự tận tình, trách nhiệm và tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ.

Mục tiêu chung của thành phố đang được cấp xã nỗ lực hiện thực hóa. Tại xã Phú Xuyên, xã đang thực hiện 425 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã; trong đó có 237 thủ tục cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 172 thủ tục cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính.

Thời gian qua, xã tiếp nhận 14.835 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó có 14.175 hồ sơ được giải quyết đúng hạn và trước hạn, không có hồ sơ quá hạn. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 99%; 100% hồ sơ được số hóa, lưu trữ điện tử và trả kết quả đúng quy định. Đặc biệt, tỷ lệ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đạt 100%. Thời gian tới, xã tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số...

Tại xã Bát Tràng, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành đã đi vào thực chất. Cán bộ thường xuyên hướng dẫn người dân tạo tài khoản, nộp hồ sơ trực tuyến và sử dụng các tiện ích số. 6 tháng đầu năm 2026, xã tiếp nhận 6.395 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó hơn 3.450 hồ sơ được nộp trực tuyến; 100% hồ sơ được số hóa; tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt 99,98%.

Toàn bộ cán bộ, công chức xã đã được tham gia các lớp tập huấn về chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và chương trình “Bình dân học vụ số”, góp phần thay đổi tư duy, nâng cao kỹ năng số và xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiện đại.

Dù mỗi địa phương lựa chọn một cách làm khác nhau, nhưng đều hướng tới một mục tiêu chung là đưa dịch vụ công đến gần người dân hơn; hướng đến chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng phục vụ, tinh thần trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức. Đây cũng chính là nền tảng quan trọng để Hà Nội xây dựng nền hành chính hiện đại và phục vụ nhân dân trong giai đoạn phát triển mới.

Nguồn: hanoimoi.vn

PHÚ THỌ: QUYẾT TÂM BỨT PHÁ CHỈ SỐ PAR INDEX VÀ SIPAS

Đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm được tỉnh Phú Thọ xác định trong năm 2026.

Trên nền tảng những kết quả đạt được trong năm 2025, tỉnh triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, chú trọng chuyển đổi số siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, quyết tâm nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); hướng tới xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Năm 2025, công tác cải cách hành chính của tỉnh tiếp tục ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực. Theo kết quả công bố của Bộ Nội vụ, Chỉ số PAR Index của Phú Thọ đạt 90,96 điểm, xếp thứ 15/34 tỉnh, thành phố, thuộc nhóm A và cao hơn mức bình quân cả nước 1 điểm; Chỉ số SIPAS đạt 82,69%, xếp thứ 21/34 tỉnh, thành phố, thấp hơn mức bình quân cả nước 0,4%. Kết quả này phản ánh sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị trong đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, một số tiêu chí, tiêu chí thành phần vẫn bị trừ điểm hoặc chưa đạt kết quả như kỳ vọng, tập trung ở công tác tuyên truyền cải cách hành chính; công khai, cập nhật thủ tục hành chính; chất lượng giải quyết hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; hiệu quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và trải nghiệm của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực

tuyến. Những tồn tại đó cho thấy công tác cải cách hành chính cần tiếp tục tạo chuyển biến thực chất trong chất lượng quản trị và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Để tạo bước đột phá trong năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 234/KH-UBND về nâng cao Chỉ số PAR Index và SIPAS; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị về nâng cao Chỉ số PAR Index và SIPAS tỉnh Phú Thọ năm 2026. Mục tiêu đặt ra, đưa Chỉ số PAR Index vào nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước và Chỉ số SIPAS vào nhóm 15 địa phương dẫn đầu cả nước. Theo đó, các sở, ban, ngành, địa phương được yêu cầu rà soát toàn diện từng tiêu chí, tiêu chí thành phần; xây dựng kế hoạch khắc phục cụ thể đối với từng nội dung còn hạn chế, bảo đảm rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm, rõ kết quả; đồng thời gắn kết quả thực hiện với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và trách nhiệm của người đứng đầu.

Cùng với việc nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, tỉnh đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Trọng tâm là rà soát, đơn giản hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã; thực hiện công khai, minh bạch, thống nhất thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, khai thác và tái sử dụng dữ liệu số nhằm rút ngắn thời gian, giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

Song song với đó, tỉnh chú trọng kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, tinh thần trách nhiệm và đạo đức công vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ; xử lý nghiêm các hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu, chậm trễ trong giải quyết công việc. Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính cũng được đổi mới theo hướng đa dạng hình thức, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và sự đồng thuận của người dân; phát huy hiệu quả các kênh tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước.

Với quyết tâm chính trị cao, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cùng sự vào cuộc đồng bộ của các cấp, các ngành, Phú Thọ đang từng bước tạo dựng nền hành chính hiện đại, dân chủ, chuyên nghiệp và phục vụ. Việc nâng cao Chỉ số PAR Index và SIPAS không chỉ nhằm cải thiện thứ hạng trên bảng xếp hạng quốc gia mà quan trọng hơn là tạo chuyển biến thực chất trong chất lượng quản trị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính và đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của người dân, doanh nghiệp. Đây cũng là nền tảng quan trọng để cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

Nguồn: baophutho.vn

THÁI NGUYÊN: HƠN 72% SỐ NGƯỜI HƯỞNG LƯƠNG NGÂN SÁCH THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên vừa ban hành Nghị quyết quy định biên chế cán bộ, công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2026. Theo đó, toàn tỉnh được giao 37.062 cán bộ, công chức và người làm việc, trong đó lĩnh vực giáo dục chiếm hơn 72% tổng số.

Cụ thể, biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan chính quyền địa phương cấp tỉnh là 1.568 người, cấp xã 3.317 người. Số người làm việc hưởng lương từ ngân sách tại các đơn vị sự nghiệp công lập là 32.177 người.

Trong khối đơn vị sự nghiệp công lập, lĩnh vực giáo dục tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất với 26.916 người, gồm 3.407 người ở cấp tỉnh và 23.509 người ở cấp xã, tương đương hơn 72% tổng số cán bộ, công chức và người làm việc hưởng lương từ ngân sách trên địa bàn tỉnh.

Lĩnh vực y tế được giao 3.706 người, trong khi các lĩnh vực văn hóa, thể thao, thông tin và các lĩnh vực khác chiếm phần còn lại.

Theo nghị quyết, Sở Giáo dục và Đào tạo là đơn vị có tổng số cán bộ, công chức và người làm việc lớn nhất cấp tỉnh với 3.116 người, tiếp đến là Sở Y tế với 1.480 người và Sở Nông nghiệp và Môi trường với 724 người. Các con số này bao gồm cả đội ngũ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

Ở cấp xã, Ủy ban nhân dân phường Phan Đình Phùng được giao số lượng cán bộ, công chức và người làm việc cao nhất toàn tỉnh với 1.253 người, cao gần 1,7 lần so với Ủy ban nhân dân xã Phú Lương (733 người) và gấp hơn 11 lần Ủy ban nhân dân xã Thượng Quan (109 người).

Tuy nhiên, phần lớn nhân lực của phường Phan Đình Phùng là đội ngũ làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, chủ yếu thuộc lĩnh vực giáo dục. Trong tổng số 1.253 người, chỉ có 63 cán bộ, công chức, còn lại 1.190 người làm việc, gồm 1.114 người thuộc ngành giáo dục, 49 người thuộc lĩnh vực y tế và 27 người làm việc ở các lĩnh vực khác.

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, trước đó Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 30/12/2025) tạm giao 41.089 biên chế và người làm việc cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm 2026. Đến ngày 20/6/2026, số cán bộ, công chức và người làm việc thực tế trên địa bàn tỉnh là 36.872 người.

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết lần này là căn cứ để các cơ quan, đơn vị và địa phương bố trí, quản lý, sử dụng biên chế và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong năm 2026 theo quy định.

Nguồn: tienphong.vn

HUNG YÊN PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO THI ĐUA THỰC HIỆN THẮNG LỢI MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG 2 CON SỐ

Chiều ngày 29/7/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên tổ chức Lễ phát động phong trào thi đua và ký kết giao ước thi đua quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng bền vững 2 con số giai đoạn 2026 - 2030.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên Nguyễn Mạnh Quyền đã phát động phong trào thi đua với nhiều nội dung; trong đó tập trung thực hiện một số chỉ tiêu trọng tâm: tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của tỉnh Hưng Yên đạt 10-11%/năm, phấn đấu đạt hơn 11%/năm.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh hằng năm đạt và vượt dự toán được giao; tổng thu ngân sách nhà nước đến năm 2030 đạt khoảng 65.000 tỷ đồng; tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026-2030 đạt 1,1 triệu tỷ đồng; thu hút vốn đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt và vượt kế hoạch hằng năm.

Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công hằng năm tính đến hết 31/12 hằng năm đạt từ 95% kế hoạch trở lên, đến hết 31/1 năm sau đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết đúng hoặc trước hạn đạt từ 98% trở lên ở cả hai cấp tỉnh và cấp xã.

Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước đạt từ 95% trở lên; 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đạt từ 70% trở lên và phấn đấu tăng dần hằng năm.

Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội (theo giá so sánh) giai đoạn 2026 - 2030 bình quân đạt hơn 10%/năm. Các chỉ tiêu về đô thị hóa, lao động qua đào tạo, giảm nghèo, bảo hiểm y tế và các chỉ tiêu xã hội khác đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I.

Sáu tháng đầu năm 2026, kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực; tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt 10,72%, vượt kịch bản đề ra và thuộc top 5 cả nước; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thực hiện 40.741 tỷ đồng, đạt 48,4% dự toán; giải ngân được 16.589 tỷ đồng, đạt 40,3% so kế hoạch vốn Thủ tướng chính phủ giao. Chính quyền địa phương hai cấp đi vào hoạt động ổn định, thông suốt; đời sống văn hóa xã hội được nâng cao; các chính sách an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm, chăm lo; quốc phòng-an ninh được bảo đảm.

Phát biểu tại lễ phát động thi đua, Bí thư Tỉnh ủy Phạm Quang Ngọc nhấn mạnh: Hưng Yên đã xác định rõ khát vọng phát triển, tầm nhìn dài hạn và quyết tâm chính trị cao để hiện thực hóa mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Để thực hiện mục tiêu đó, tăng trưởng kinh tế bền vững 2 con số là nhiệm vụ phải được duy trì xuyên suốt giai đoạn 2026 - 2030, tạo nền tảng và nguồn lực cho phát triển đồng bộ kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng-an ninh và nâng cao đời sống nhân dân.

Ngay sau hội nghị, từng cơ quan, đơn vị, địa phương phải cụ thể hóa các nội dung cam kết thành chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể; lấy kết quả thực hiện làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và hiệu quả hoạt động của từng cơ quan, đơn vị.

Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên đề nghị các ban, sở, ngành, địa phương tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác thi đua, khen thưởng theo hướng thực chất, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và sản phẩm cụ thể; phát huy hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực quản trị, điều hành, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Đặc biệt, cấp ủy, chính quyền cấp xã phải chủ động, gần dân, sát cơ sở, nâng cao năng lực tổ chức thực thi, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn, không để khoảng cách giữa chính quyền với nhân dân...

Nguồn: nhandan.vn

THANH HÓA: THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH “TRẠM CÔNG DÂN SỐ” TRÊN ĐỊA BÀN 5 XÃ, PHƯỜNG

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa vừa ban hành Kế hoạch triển khai thí điểm mô hình “Trạm công dân số” trên địa bàn tỉnh.

Đây là một hệ thống Kiosk đa tiện ích tự phục vụ thông minh, đóng vai trò “điểm chạm vật lý số” kết nối trực tiếp người dân với hệ sinh thái tiện ích dịch vụ, mọi giao dịch đều được định danh xác thực bằng căn cước công dân gắn chip hoặc tài khoản VNeID mức độ 2.

“Trạm công dân số” tích hợp các trang thiết bị và đáp ứng các nhóm tính năng chính như sau:

Đối tượng và hình thức sử dụng

Đối tượng sử dụng là người dân, tổ chức, khách du lịch,...

Công dân sử dụng Căn cước/CCCD gắn chip; ứng dụng VNeID để quét mã QRcode đăng nhập phần mềm thiết bị để sử dụng. Thông tin của công dân sau khi đăng nhập và đăng xuất không được lưu trữ để đảm bảo an toàn thông tin.

Điều kiện về trang thiết bị

“Trạm công dân số” được bố trí theo dạng Cabin, chia ra thành Cabin Kiosk dịch vụ đa tiện ích và Cabin sức khỏe số; đảm bảo yêu cầu hiện đại, thẩm mỹ, sang trọng, lịch sự.

Kiosk đa tiện ích được tích hợp đầy đủ chức năng gồm máy tính, màn hình cảm ứng, bàn phím, máy in A4, máy scan A3, camera nhận diện khuôn mặt, đầu đọc Căn cước có gắn chip, đầu đọc QR Code và nút bấm SOS; các thiết bị y tế và đo chỉ số sức khỏe cá nhân (máy đo huyết áp, nhịp tim; máy đo chiều cao, cân nặng, phân tích các chỉ số cơ thể,...); các máy móc trang thiết bị khác như: hệ thống camera giám sát an ninh, máy điều hòa nhiệt độ, hệ thống đèn chiếu sáng và đèn LED trang trí, màn hình LED tuyên truyền,...

Các tính năng, chức năng trên Kiosk

Dịch vụ công: Nộp hồ sơ thủ tục hành chính, thanh toán phí, lệ phí, tra cứu thông tin, tiến độ thực hiện thủ tục hành chính,... trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai sẽ tiếp tục khảo sát nhu cầu người dân, doanh nghiệp để bổ sung, tích hợp thêm các thủ tục hành chính thuộc nhiều lĩnh vực khác.

An ninh trật tự và phòng chống tội phạm: Cung cấp các tính năng gọi SOS đến Công an xã, phường; Tổ gác, liên hệ cảnh sát khu vực, bản đồ an ninh số,...

Y tế và sức khỏe: Kiểm tra sức khỏe tại chỗ, tra cứu thông tin bảo hiểm y tế, thanh toán viện phí, đăng ký khám chữa bệnh,...

Giao thông: Tra cứu lộ trình và phương tiện, kiểm tra phạt nguội, nộp phạt vi phạm giao thông,...

Du lịch số: Thông tin địa điểm du lịch, nhà hàng, khách sạn, sản vật,...

Tài chính: Thanh toán hóa đơn, giao dịch ngân hàng cơ bản,...

Ngoài ra còn có nhiều tiện ích khác như: Đặt vé máy bay, đặt khách sạn, mua vé xem phim, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc,...

Thời gian và phạm vi triển khai

Mô hình dự kiến triển khai thí điểm từ tháng 8/2026 đến tháng 12/2026 tại các điểm công cộng, cơ quan hành chính và trung tâm dịch vụ trên địa bàn 5 xã, phường, gồm: Hạc Thành, Sầm Sơn, Tĩnh Gia, Tiên Trang, Hoằng Tiến.

Nguồn: baothanhhoa.vn

NGHỆ AN: TIẾN ĐỘ HOÀN THÀNH CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ ĐẤT ĐAI MỚI ĐẠT HƠN 57%

Chiều 29/7/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tổ chức cuộc họp trực tuyến với các địa phương để đánh giá tiến độ thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh.

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, đến thời điểm hiện tại, 130/130 đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành công tác đo lập bản đồ địa chính dạng số cho tất cả các loại đất, với tổng số thửa đất đã được đo đạc là 4.117.473 thửa.

Trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, toàn tỉnh đã có 2.282.806 thửa đất vào hệ thống (tăng hơn 970.000 thửa so phiên họp ngày 12/6/2026).

Trong đó, nhóm 1 (đúng - đủ - sạch - sống) đạt 1.177.536 thửa; nhóm 2 (đã có cơ sở dữ liệu nhưng cần chuẩn hóa) đạt 1.105.270 thửa. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã bàn giao đợt 1

với 1,34 triệu bản ghi cho Trung tâm Dữ liệu quốc gia về dân cư để đối khớp, làm sạch thông tin chủ sử dụng.

Sở cũng đã tiến hành khảo sát, rà soát khoảng 10.500ha cần đo đạc lại/bổ sung tại 18 xã (31 xã cũ) và đang tổ chức lập 4 Thiết kế kỹ thuật - dự toán để xử lý các vùng dồn điền đổi thửa, biến động đất đai.

Một số địa phương dẫn đầu về số lượng dữ liệu thu thập, xử lý tốt gồm: Hợp Minh (30.429 dữ liệu), Bích Hào (28.871 dữ liệu), Yên Thành (22.403 dữ liệu), Hùng Châu (21.610 dữ liệu), Văn Du (20.301 dữ liệu).

Bên cạnh kết quả đạt được, Ban Chỉ đạo cũng thẳng thắn chỉ ra những vướng mắc: khối lượng hồ sơ cũ (trước năm 2007) bị thất lạc nhiều; một số địa phương còn lúng túng sau khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; tiến độ tại một số xã như: Kim Bảng, Hoa Quân, Văn Kiều, Phúc Lộc... còn chậm.

Chủ trì cuộc họp, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An Phùng Thành Vinh đánh giá tiến độ thực hiện đã có chuyển biến tích cực, nhiều địa phương đạt 80-90% khối lượng công việc. Tuy nhiên, kết quả chung của toàn tỉnh mới đạt 57,07%, còn chậm so yêu cầu, trong khi khối lượng công việc còn lại rất lớn và chủ yếu là những phần việc khó.

Chỉ rõ các hạn chế cần sớm khắc phục, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhấn mạnh, giai đoạn tới là phần việc khó nhất khi phải thu thập thông tin từ người dân để hoàn thiện dữ liệu của hơn 1,8 triệu thửa đất chưa có thông tin. Nếu tiếp tục triển khai với tiến độ hiện nay, tỉnh sẽ không hoàn thành mục tiêu. Do vậy, các địa phương cần tập trung cao độ, đôn đốc và cập nhật tiến độ thường xuyên, kể cả thuê chuyên gia và lực lượng cán bộ địa chính có kinh nghiệm để hỗ trợ các địa phương trong giai đoạn cao điểm... phân đầu hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trước ngày 31/10 theo chỉ đạo của Chính phủ.

Đặc biệt, các địa phương phải thống nhất số liệu giữa Văn phòng Đăng ký đất đai và Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm hoàn thành đối soát, chốt số liệu trước ngày 6/8 để báo cáo Trung ương.

Nguồn: baohinhphu.vn

HÀ TỈNH TỪNG BƯỚC CHUẨN HÓA, KẾT NỐI, ĐỒNG BỘ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI VỚI CSDL QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh vừa ban hành Chỉ thị số 15-CT/TU về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn Hà Tĩnh, trong đó nhấn mạnh, thời gian qua, các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện và đã đạt một số kết quả tích cực; Hà Tĩnh đã triển khai thực hiện Chiến dịch 90 ngày làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025 của Bộ Công an - Bộ Nông

ng nghiệp và Môi trường; từng bước chuẩn hóa, kết nối, đồng bộ dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Đến ngày 27/7/2026, tổng số thửa đất trên địa bàn toàn tỉnh là 2.785.027. Số thửa đất đã có dữ liệu thuộc tính là 1.406.521, đạt 50,5% so với tổng số thửa đất; số thửa đất đã được rà soát, bổ sung thông tin, làm “đúng - đủ - sạch - sống” là 1.022.637, đạt tỷ lệ 72,7% so với tổng số thửa đất đã có dữ liệu thuộc tính. Hà Tĩnh nằm trong nhóm các địa phương có kết quả khá về tỷ lệ dữ liệu đất đai đạt tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”.

Tuy nhiên, toàn tỉnh vẫn còn 383.884 thửa đã có dữ liệu thuộc tính cần làm sạch; 1.378.506 thửa mới chỉ có dữ liệu không gian (chiếm 49,5% so với tổng số thửa đất). Nguyên nhân chủ yếu là do công tác cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính tại một số địa phương còn chậm; hồ sơ, tài liệu đất đai hình thành qua nhiều thời kỳ thiếu đồng bộ, một số xã, phường cần phải thực hiện đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính; hạ tầng công nghệ thông tin, năng lực quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai còn hạn chế. Bên cạnh đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số địa phương chưa quyết liệt; việc phối hợp giữa các ngành, đơn vị, địa phương chưa đồng bộ; trách nhiệm người đứng đầu có nơi chưa được phát huy đầy đủ.

Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/2/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA ngày 29/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Công an, nhằm hoàn thành việc xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đối với 1.566.823 thửa đất còn lại trên địa bàn tỉnh trong năm 2026 (gồm 990.461 thửa đất chưa có dữ liệu thuộc tính và 576.362 thửa đất có dữ liệu nhưng chưa bảo đảm tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”), Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm.

Tăng cường quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, quy định của Trung ương và của tỉnh về đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cấp bách của năm 2026, gắn với thực hiện chuyển đổi số, cải cách hành chính và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, cá nhân theo phương châm “*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền*”. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân phối hợp cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu phục vụ rà soát, chuẩn hóa, làm giàu, làm sạch dữ liệu đất đai.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai theo hướng công khai, minh bạch, đơn giản, thuận tiện; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu. Tăng cường kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ quan thuế và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, bảo đảm khai thác, sử dụng hiệu quả, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung triển khai Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/2/2026 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 2959/KH-

BNNMT-BCA ngày 29/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Công an; Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 10/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch hành động số 11-KH/BCĐ ngày 29/6/2025 của Ban Chỉ đạo tỉnh; thực hiện quyết liệt công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ trước ngày 30/11/2026.

Đồng thời, chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát toàn bộ khối lượng công việc; xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện cụ thể; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ, chất lượng thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm, chậm tiến độ hoặc báo cáo không trung thực. Bố trí đầy đủ nguồn lực, kinh phí và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác đo đạc, lập hồ sơ địa chính, xây dựng, vận hành và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai; bảo đảm đầu tư đồng bộ, hiệu quả, tiết kiệm, tránh trùng lặp, lãng phí.

Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường giám sát việc thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh; tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các cơ chế, chính sách, nguồn lực thuộc thẩm quyền; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tăng cường kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chỉ thị của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các trường hợp thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo hoặc thực hiện không nghiêm túc các nhiệm vụ được giao.

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đất đai; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và Nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai; tạo sự đồng thuận, thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện.

Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực phối hợp thực hiện đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; kịp thời phản ánh, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Đảng ủy Công an tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Công an tỉnh phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc rà soát, xác thực thông tin người sử dụng đất theo quy định, phục vụ làm giàu, làm sạch và đồng bộ dữ liệu đất đai với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

Đảng ủy các xã, phường tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai thuộc trách nhiệm, thẩm quyền cấp xã; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn liên quan trong việc rà soát, đối soát, chuẩn hóa, cập nhật, bổ sung thông tin đối với các thửa đất chưa bảo đảm tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”, hoàn thành trước ngày 30/11/2026. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; không để chậm trễ, kéo dài nhiệm vụ được giao. Chủ động rà soát, phân loại khó khăn, vướng mắc để xử lý kịp thời theo quy định; đối với các nội dung vượt thẩm quyền, báo cáo đầy đủ, kịp thời cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Nguồn: baohatinh.vn

QUẢNG TRỊ BÀN GIẢI PHÁP THÁO GỖ KHÓ KHĂN CHO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP

Ngày 29/7/2026, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị Lê Đức Tiến chủ trì buổi làm việc với các sở, ngành, địa phương và 6 doanh nghiệp công nghiệp khu vực phía Bắc tỉnh nhằm đánh giá tình hình hoạt động, lắng nghe kiến nghị và bàn giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Theo Sở Công Thương Quảng Trị, thời gian qua, các sở, ngành và địa phương đã tích cực phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc giải quyết nhiều kiến nghị liên quan đến cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, hạ tầng kỹ thuật, phát triển vùng nguyên liệu, xúc tiến thương mại, tiếp cận tín dụng và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Tuy nhiên, nhiều khó khăn vẫn chưa được giải quyết dứt điểm do liên quan đến nhiều ngành hoặc vượt thẩm quyền của địa phương, cần tiếp tục tổng hợp để báo cáo, kiến nghị các bộ, ngành Trung ương xem xét.

Tại buổi làm việc, đại diện các doanh nghiệp phản ánh nhiều vướng mắc đang ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất. Trong lĩnh vực chế biến nông sản, nguồn nguyên liệu ngày càng thiếu hụt do diện tích vùng trồng thu hẹp, dịch bệnh trên cây trồng và sự cạnh tranh trong thu mua nguyên liệu.

Các doanh nghiệp sản xuất gặp khó khăn về nguồn điện phục vụ sản xuất, nhu cầu mở rộng quỹ đất, chi phí logistics tăng cao và thiếu hệ thống công nghiệp phụ trợ. Doanh nghiệp năng lượng tái tạo tiếp tục chịu tác động từ giá mua điện tạm tính, đồng thời gặp vướng mắc về hạ tầng đầu nối và xử lý nước thải.

Ở lĩnh vực dệt may, tình trạng thiếu lao động, khó tuyển dụng và giữ chân người lao động, cùng với chi phí nguyên phụ liệu và vận chuyển tăng, đang làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Trong khi đó, các doanh nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản còn gặp khó trong công tác giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án. Các

doanh nghiệp chế biến gỗ và sản xuất viên nén sinh học cũng chịu áp lực do cạnh tranh nguồn nguyên liệu, chi phí sản xuất tăng, khó tiếp cận nguồn vốn tín dụng và thiếu lao động kỹ thuật.

Trên cơ sở các kiến nghị, đại diện các sở, ngành và địa phương đã trực tiếp trao đổi, làm rõ những nội dung thuộc thẩm quyền, đồng thời đề xuất nhiều giải pháp tháo gỡ liên quan đến cấp điện phục vụ sản xuất, đầu tư và nâng cấp hạ tầng khu công nghiệp, cải cách thủ tục hành chính, tiếp cận tín dụng, tuyển dụng lao động, điều chỉnh quy hoạch, thủ tục môi trường và phát triển vùng nguyên liệu.

Phát biểu kết luận, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị Lê Đức Tiến khẳng định phát triển doanh nghiệp luôn được tỉnh xác định là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị yêu cầu các sở, ngành và địa phương tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động, quyết liệt xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Đối với những nội dung vượt thẩm quyền, cần sớm tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo hoặc kiến nghị Trung ương tháo gỡ theo quy định.

Ông Tiến cũng nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ, xây dựng môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh minh bạch, ổn định và thuận lợi; đồng thời đồng hành cùng doanh nghiệp trong quá trình ổn định sản xuất, mở rộng đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp và hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Đối với cộng đồng doanh nghiệp, lãnh đạo tỉnh Quảng Trị đề nghị tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả sản xuất, kinh doanh; quan tâm bảo đảm quyền lợi, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động; chủ động huy động nguồn lực để mở rộng đầu tư, phát triển sản xuất tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn, góp phần nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Trị.

Nguồn: vneconomy.vn

LÂM ĐỒNG: HOÀN THIỆN DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Để thực hiện các thủ tục hành chính thuận lợi, minh bạch, tỉnh Lâm Đồng đang khẩn trương triển khai đợt cao điểm làm sạch, chuẩn hóa và đồng bộ dữ liệu đất đai.

Dữ liệu số phục vụ người dân

Sáng đầu tuần, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Cam Ly - Đà Lạt đông người hơn thường lệ. Đang chờ đến lượt mình làm thủ tục, anh Trần Quang Ngọc ở xã Quảng Sơn cho biết: “Hơn 10 năm trước, tôi mua hơn 5 sào đất tại phường Cam Ly - Đà Lạt. Hôm nay tôi đến để nộp hồ sơ tách thửa chia đất cho con ra ở riêng”.

Nói rồi anh Ngọc cẩn thận mở chiếc túi hồ sơ đã cũ. Từng giấy tờ được anh nhẹ nhàng lấy ra, vuốt phẳng và để ngay ngắn trên mặt bàn. Trong chiếc túi là cả một xấp hồ sơ dày, kèm theo nhiều bản photocopy dự phòng đề phòng đề lỡ thiếu giấy tờ còn kịp bổ sung.

Không riêng anh Ngọc, nhiều người dân vẫn phải mang theo những tập hồ sơ dày khi thực hiện thủ tục hành chính, dù không ít thông tin đã được lưu trữ trong các hệ thống quản lý. Khoảng cách giữa dữ liệu đã có và việc khai thác thông tin giải quyết hành chính đó là lý do để Lâm Đồng quyết tâm hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai. Bởi, chủ trương này không phải để có thêm một hệ thống dữ liệu, mà để dữ liệu thực sự phục vụ người dân. Chỉ khi dữ liệu được kết nối, chia sẻ và sử dụng hiệu quả, chuyển đổi số mới hiện diện trong từng thủ tục được rút gọn, số lần đi lại được giảm bớt và mức độ hài lòng của người dân thực sự tăng lên.

Một cán bộ tiếp nhận hồ sơ chia sẻ, nếu dữ liệu đất đai được chuẩn hóa, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nhiều thông tin sẽ được xác thực tự động. Người không còn kê khai đi kê khai lại những thông tin đã có, doanh nghiệp thực hiện các giao dịch về đất đai thuận lợi hơn. Cơ quan giải quyết thủ tục cũng giảm bớt thời gian kiểm tra, đối chiếu.

Hướng đến nền hành chính số

Theo đánh giá của Ủy ban nhân dân tỉnh, hiện nay, tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quá chậm, hiện mới đạt 22,7% thửa đất chuẩn hóa (397.196 thửa), còn tới 77,3% (1.350.053 thửa) chưa đạt tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”, còn nhiều địa bàn chưa được đo đạc. Điều này cho thấy, nếu chỉ nhìn vào số lượng hồ sơ thì chưa phản ánh đúng chất lượng dữ liệu.

Theo Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Trọng Yên, khi dữ liệu đã tạo lập nhưng không khai thác được hoặc dữ liệu có số lượng nhưng không bảo đảm chất lượng, không phục vụ được người dân, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước thì sẽ không tạo ra giá trị trong quản trị và phát triển. Xây dựng cơ sở dữ liệu không chạy theo số lượng hình thức. Không báo cáo thành tích theo khối lượng chưa được kiểm chứng, phải bảo đảm số lượng đi đôi với chất lượng.

Vì vậy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh hết sức lưu ý và yêu cầu người đứng đầu các địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp nếu chậm tiến độ hoặc chất lượng dữ liệu không đạt yêu cầu. Dữ liệu xử lý đến đâu phải được chuẩn hóa, xác thực, đồng bộ đến đó. Việc hoàn thành cơ sở dữ liệu không chỉ căn cứ vào số lượng thửa đất đã được cập nhật mà chỉ được công nhận khi dữ liệu đạt tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”, được đồng bộ lên hệ thống và khai thác ổn định trong thực tế

Nguồn: baolamdong.vn

ĐỒNG NAI: TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Sáng ngày 30/7/2026, Sở Nội vụ thành phố Đồng Nai tổ chức hội nghị tập huấn công tác cải cách hành chính năm 2026 cho lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác

tham mưu, triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn thành phố.

Hội nghị tập trung hướng dẫn các nhiệm vụ trọng tâm về cải cách hành chính năm 2026; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ; đồng thời tạo diễn đàn để các đơn vị trao đổi, làm rõ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai. Qua đó giúp các cơ quan, đơn vị rà soát việc thực hiện các tiêu chí cải cách hành chính, bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ minh chứng phục vụ công tác đánh giá.

Phát biểu tại buổi tập huấn, Phó Giám đốc Sở Nội vụ Hà Thanh Tùng cho biết: Sau hơn 1 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, thành phố Đồng Nai đã đạt nhiều kết quả tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội và cải cách hành chính. Đặc biệt, thành phố đồng thời xếp thứ 3 cả nước về Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2025. Kết quả này có được là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố cùng sự nỗ lực, trách nhiệm rất lớn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp.

Theo Phó Giám đốc Sở Nội vụ Hà Thanh Tùng, khối lượng công việc của đội ngũ cán bộ, công chức thời gian qua tăng lên nhiều lần so với trước đây; nhiều đơn vị phải làm việc với cường độ cao để bảo đảm tiến độ và chất lượng giải quyết công việc. Lãnh đạo Sở Nội vụ ghi nhận, biểu dương tinh thần trách nhiệm của đội ngũ làm công tác cải cách hành chính đã góp phần quan trọng vào kết quả chung của thành phố.

Nhấn mạnh cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, Phó Giám đốc Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai đồng bộ cả 6 lĩnh vực cải cách hành chính, không chỉ tập trung vào cải cách thủ tục hành chính mà cần quan tâm đầy đủ đến các tiêu chí về cải cách thể chế, tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, tài chính công và xây dựng chính quyền số. Đồng thời, thực hiện nhiệm vụ thường xuyên, lưu trữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu minh chứng trong quá trình triển khai, tránh tình trạng đến thời điểm đánh giá mới bổ sung hồ sơ mang tính đối phó.

Phó Giám đốc Sở Nội vụ Hà Thanh Tùng cũng cho biết: Các đoàn kiểm tra của Sở Nội vụ sẽ tập trung hướng dẫn, hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thay vì chỉ kiểm tra để chấm điểm. Mục tiêu cuối cùng của cải cách hành chính là nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: baodongnai.com.vn

TÂY NINH LẤY KẾT QUẢ THỰC THI DÂN CHỦ ĐỂ CHẤM ĐIỂM LÃNH ĐẠO

Trong bối cảnh nền hành chính công đang chuyển mình mạnh mẽ, tỉnh Tây Ninh đã và đang khẳng định quyết tâm chính trị cao trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Đây không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là chìa khóa then chốt để tạo dựng sự đồng thuận, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hai con số và củng cố niềm tin của nhân dân vào bộ máy chính quyền địa phương.

Bức tranh kinh tế - xã hội của Tây Ninh trong 6 tháng đầu năm 2026 thể hiện rõ mối liên hệ mật thiết giữa việc phát huy dân chủ và hiệu quả điều hành. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt con số ấn tượng 10,12%, vượt mục tiêu đề ra. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 15,14%, tổng thu ngân sách nhà nước đạt trên 33.651 tỷ đồng, tương đương hơn 61% dự toán năm.

Trong lĩnh vực cải cách hành chính - thước đo chuẩn xác cho việc thực thi dân chủ, tỉnh Tây Ninh đã gặt hái những kết quả thực chất với tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn đạt mức 99,91% trên tổng số hơn 743.000 hồ sơ, minh chứng cho một bộ máy công quyền thực sự vì dân.

Theo ông Lê Văn Hân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, việc thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc của UBND tỉnh và phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu là tiền đề quan trọng để duy trì đà tăng trưởng và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Để chuyển hóa các nguyên tắc dân chủ thành hành động thực tế, tỉnh đã xây dựng quy định cụ thể về các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn. Đây là bước đi cần thiết nhằm đồng bộ hóa quy định sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh (hợp nhất từ tỉnh Tây Ninh cũ và tỉnh Long An cũ).

Việc ban hành các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân; nâng cao ý thức, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Điểm mới mang tính đột phá là tỉnh lấy kết quả thực hiện dân chủ ở cơ sở làm một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức và lãnh đạo hằng năm.

Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cũng được xem là giải pháp mũi nhọn phù hợp với tiến trình xây dựng chính quyền số, xã hội số của tỉnh. Việc hỗ trợ trang thiết bị và ứng dụng khoa học kỹ thuật giúp công khai, minh bạch các hoạt động của chính quyền một cách nhanh chóng nhất đến người dân.

Thực tiễn và kỳ vọng

Một đặc thù của Tây Ninh hiện nay là việc vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp qua hơn một năm triển khai đã cho thấy hiệu quả tích cực trong việc rút ngắn khoảng cách giữa chính quyền và người dân.

Ông Phạm Xuân Bách, Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh nhận định: Việc thực hiện dân chủ trong cơ quan hành chính đã tạo chuyển biến về ý thức, đạo đức, phong cách làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là người có chức vụ, quyền hạn. Vai trò của cán bộ, công chức ngày càng được phát huy thông qua việc đóng góp ý kiến xây dựng các chương trình phát triển của địa phương.

Thực tế tại các cơ sở sử dụng lao động, việc thực hiện dân chủ mang lại hiệu quả thiết thực. Người lao động được biết, được bàn, được kiểm tra và quyết định các vấn đề liên quan đến quyền lợi của mình. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu xung đột lợi ích, tranh chấp lao động mà còn tạo sự gắn bó, thúc đẩy năng suất lao động, đóng góp trực tiếp vào kết quả thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) của tỉnh, đưa Tây Ninh vào Top 10 cả nước về thu hút FDI.

Dù đạt được nhiều kết quả khả quan, lãnh đạo tỉnh Tây Ninh vẫn thẳng thắn nhìn nhận những tồn tại, hạn chế trong công tác điều hành và thực hiện dân chủ. Đó là tình trạng chậm tham mưu, xử lý nhiệm vụ ở một số ít đơn vị; sự phối hợp giữa các cơ quan có lúc chưa chặt chẽ, nhất là trong các vấn đề phức tạp liên ngành như đất đai, đầu tư.

Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS) đạt 82,32%, xếp thứ 22/34, tuy ở mức khá nhưng vẫn cần được cải thiện mạnh mẽ hơn để tương xứng với vị thế của tỉnh. Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và chất lượng nguồn nhân lực số tại một số địa phương vẫn còn là rào cản cho việc thực thi dân chủ trên môi trường điện tử.

Trong 6 tháng cuối năm 2026, Tây Ninh đặt mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng 2 con số và hoàn thành 100% kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công. Để hiện thực hóa điều này, việc thực hiện các biện pháp bảo đảm dân chủ được xem là “chất xúc tác” quan trọng nhất.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra phương hướng tiếp tục thực hiện nghiêm quy chế làm việc, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ, đồng thời quyết liệt triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả hoạt động.

Tây Ninh đang từng bước hiện thực hóa phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Những biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở không chỉ đơn thuần là các quy định pháp lý, mà chính là cam kết của chính quyền Tây Ninh trong việc xây dựng một bộ máy phụng sự, vì sự phát triển phồn vinh của tỉnh và hạnh phúc của nhân dân, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tạo động lực mới cho hành trình phát triển trong giai đoạn tới.

Nguồn: vnanet.vn

VĨNH LONG DẪN ĐẦU CẢ NƯỚC VỀ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Chiều ngày 28/7/2026, Ban Chỉ đạo 57 tỉnh Vĩnh Long tổ chức Hội nghị sơ kết 1 năm 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng.

Phát biểu tại hội nghị, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo 57 tỉnh Vĩnh Long Trần Văn Lâu nhấn mạnh, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải trở thành nền tảng, động lực thực hiện mục tiêu tăng trưởng của tỉnh. Trong thời gian tới, các cấp, các ngành tập trung nguồn lực tháo gỡ những điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị; đẩy

nhanh giải ngân kinh phí cho các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực về kỹ năng số, năng lực đổi mới sáng tạo và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Các cơ quan, đơn vị cần đẩy mạnh rà soát, làm sạch, chuẩn hóa, kết nối và khai thác hiệu quả dữ liệu; bảo đảm an toàn, an ninh mạng và dữ liệu; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý số, tự động hóa quy trình trong hoạt động công vụ, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long cũng yêu cầu người đứng đầu các cấp ủy, cơ quan, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng, hiệu quả chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý; đồng thời gương mẫu sử dụng các nền tảng, công cụ số trong lãnh đạo, điều hành.

Theo Ban chỉ đạo 57 tỉnh Vĩnh Long, sau 1,5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, tỉnh Vĩnh Long đã tạo bước chuyển rõ nét từ nhận thức sang hành động, từng bước đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực phát triển mới của địa phương. Theo đó, thay vì triển khai theo từng nhiệm vụ riêng lẻ, tỉnh đã tiếp cận theo hướng tổng thể, gắn chuyển đổi số với cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản trị và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Một trong những điểm nhấn là tỉnh xây dựng mô hình theo dõi, điều hành việc thực hiện Nghị quyết số 57 trên nền tảng số và Trung tâm Điều hành thông minh (IOC), góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, giảm sử dụng báo cáo giấy. Cùng với đó, bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp tiếp tục được cải thiện. Đến nay, Vĩnh Long xếp thứ 1 trong số 34 tỉnh, thành phố; trong đó các tiêu chí về công khai, minh bạch và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đều đạt 100%.

Địa phương cũng đã xây dựng và đưa vào vận hành Cổng thông tin Không gian Thương hiệu và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long, thu hút 598 doanh nghiệp tham gia với hơn 1.034 sản phẩm và 259 giải pháp công nghệ được giới thiệu, góp phần kết nối cung - cầu công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá sản phẩm và thúc đẩy phát triển thị trường khoa học, công nghệ.

Trong quá trình chuyển đổi số, tỉnh đã hợp nhất 12 hệ thống thông tin dùng chung; duy trì vận hành nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, hợp không giấy, dữ liệu mở và Trung tâm Điều hành thông minh. Hiện hệ thống quản lý văn bản và điều hành có hơn 49.000 tài khoản, hệ thống thư điện tử công vụ có trên 36.500 tài khoản; việc triển khai hợp không giấy giúp tiết kiệm hơn 2,5 triệu trang giấy, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính.

Bên cạnh kết quả đạt được, tỉnh vẫn gặp nhiều khó khăn do nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế; việc thu hút doanh nghiệp công nghệ lớn chưa đáp ứng yêu cầu. Chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, nhất là ở cấp cơ sở, còn thiếu và chưa đồng đều về trình độ, kỹ năng.

Trong những tháng cuối năm 2026, Vĩnh Long tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và chế biến nông sản theo mô hình liên kết “3 nhà”, gắn kết kết quả nghiên cứu với hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Địa phương cũng hoàn thiện Đề án phát triển mạng lưới Trung tâm Đổi mới sáng tạo tại Vĩnh Long nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Về chuyển đổi số, tỉnh đặt mục tiêu đến cuối năm 2026 phủ sóng 5G đạt khoảng 50%; 100% hệ thống thông tin tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh được triển khai theo định hướng điện toán đám mây; duy trì 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình và thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính; trên 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, trên 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng với việc giải quyết thủ tục hành chính.

Cùng với đó, Vĩnh Long tiếp tục phát triển hạ tầng số, mở rộng liên thông và chia sẻ dữ liệu phục vụ định danh, xác thực điện tử, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, hồ sơ sức khỏe điện tử, học bạ số và các tiện ích số khác. Đồng thời, tỉnh nghiên cứu thu hút nguồn lực quốc tế cho nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế tuần hoàn, ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển hạ tầng logistics, công nghiệp chế biến sâu các mặt hàng nông, thủy sản chủ lực.

Nguồn: vnnet.vn

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN TRONG LĨNH VỰC LIÊN NGÀNH - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước là một nội dung cốt lõi của tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia. Tuy nhiên, thực tiễn pháp luật trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước có tính chất liên ngành đang tồn tại tình trạng chồng chéo nhiệm vụ, giao thoa chức năng và thiếu rõ ràng về trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước. Điều này làm giảm hiệu lực, hiệu quả, gia tăng chi phí hành chính, phát sinh tình trạng né tránh pháp luật. Từ góc độ nghiên cứu khoa học, bài viết phân tích thực trạng pháp luật về phân định thẩm quyền trong các lĩnh vực liên ngành ở Việt Nam hiện nay, làm rõ hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tiếp tục hoàn thiện pháp luật về phân định thẩm quyền đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính hiện đại, tinh gọn và hiệu quả.

1. Đặt vấn đề

Trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, các vấn đề quản lý nhà nước ngày càng mang tính liên ngành, liên lĩnh vực và đa chủ thể, nhiều vấn đề công không còn thuộc phạm vi quản lý riêng biệt của một cơ quan mà đòi hỏi sự tham gia đồng thời của nhiều cơ quan nhà nước khác nhau, các lĩnh vực như đầu tư công gắn với quy hoạch, đất đai, xây dựng, môi trường và tài chính; chuyển đổi số liên quan đến nội vụ, công an, tài chính, thông tin truyền thông; an toàn thực phẩm liên quan đến nông nghiệp, thương mại, nhập khẩu; quản lý biến đổi khí hậu liên quan đến tài nguyên môi trường, xây dựng, giao thông và chính quyền địa phương ...đều có đặc điểm liên ngành và đang đặt ra yêu cầu pháp luật phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia.

Tuy nhiên, hệ thống pháp luật hiện hành về phân định thẩm quyền vẫn còn chịu ảnh hưởng tương đối lớn của mô hình quản lý theo ngành dọc truyền thống. Điều này dẫn đến tình trạng chồng chéo chức năng nhiệm vụ; giao thoa thẩm quyền; nhiều cơ quan cùng quản lý một lĩnh vực hoặc khó xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm chính. Nghị quyết 18-NQ/TW¹ đã chỉ rõ yêu cầu phải khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ và thực hiện nguyên tắc “một việc chỉ do một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính”. Thực hiện yêu cầu này, thời gian qua pháp luật đã từng bước hoàn thiện cơ sở pháp lý về phân định thẩm quyền, thông qua Hiến pháp 2013 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025), Luật Tổ chức Chính phủ (2025), Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2025) và nhiều luật chuyên ngành. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng hệ thống pháp luật vẫn tồn tại nhiều bất cập, chồng chéo, giao thoa, thiếu thống nhất và trùng lặp nhiệm vụ; chưa phân định rõ trách nhiệm giữa các cấp chính quyền; cơ chế kiểm soát quyền lực chưa thực sự đầy đủ... Biểu hiện những bất cập này khá đa dạng, từ chưa tương thích giữa luật tổ chức bộ máy nhà nước với một số luật chuyên ngành, trùng lặp chức năng giữa các cơ quan cùng cấp, đến việc phân định

chưa rõ ràng giữa thẩm quyền của trung ương và địa phương... dẫn tới phát sinh tình trạng “tranh chấp thẩm quyền” hoặc “né tránh, đùn đẩy trách nhiệm” làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước, gia tăng chi phí tuân thủ pháp luật...

Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh cải cách nền hành chính, tổ chức tinh gọn bộ máy, thúc đẩy phân cấp, phân quyền, rõ người rõ việc gắn với chính quyền địa phương 02 cấp, yêu cầu hoàn thiện pháp luật về phân định thẩm quyền, đặc biệt trong các lĩnh vực liên ngành trở thành nhiệm vụ cấp thiết hơn bất cứ khi nào cả về lý luận và thực tiễn.

Từ những lý do trên, bài viết tập trung phân tích việc vận dụng một số nguyên tắc cốt lõi về phân định thẩm quyền nhà nước, đối chiếu các quy định pháp luật chuyên ngành để phân tích chỉ rõ hiện trạng và nguyên nhân của những chồng chéo nhiệm vụ, giao thoa chức năng, trùng lặp thẩm quyền, thiếu thống nhất và rõ ràng về trách nhiệm của các cơ quan trong quy định pháp luật về phân định thẩm quyền hiện nay, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện.

2. Cơ sở pháp lý và một số nguyên tắc cơ bản về phân định thẩm quyền

“Phân định thẩm quyền” là khái niệm sử dụng khá phổ biến trong khoa học pháp lý và quản lý nhà nước, được hiểu là quá trình xác lập, phân bổ và xác định ranh giới quyền hạn của từng cơ quan nhà nước trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót thẩm quyền². Trong Nhà nước pháp quyền, mọi cơ quan nhà nước chỉ được thực hiện quyền hạn trong phạm vi do pháp luật quy định, vì vậy, phân định thẩm quyền tất yếu phải được đặt trên nền tảng pháp lý rõ ràng. Phân định thẩm quyền hiện nay ở Việt Nam được hình thành từ các quy định của Hiến pháp 2013 (sửa đổi 2025), Luật Tổ chức Chính phủ (2025), Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2025), các luật chuyên ngành và hệ thống văn bản quy định về phân cấp, phân quyền. Trong đó, Hiến pháp là nền tảng pháp lý cao nhất quy định về phân định thẩm quyền trong bộ máy nhà nước, đặc biệt là phân định giữa trung ương và địa phương, các quy định tại Điều 94, Điều 111, 112 là cơ sở để phân định chức năng, xác định giới hạn thẩm quyền và xây dựng hệ thống pháp luật chuyên ngành.

“Phân định thẩm quyền” không chỉ là vấn đề kỹ thuật lập pháp mà còn là vấn đề cấu trúc của tổ chức quyền lực nhà nước, phân định thẩm quyền phản ánh cách thức Nhà nước thiết kế và vận hành quyền lực công, đồng thời quyết định mức độ hiệu quả của hệ thống quản trị quốc gia. Đặc biệt trong các lĩnh vực liên ngành, lĩnh vực quản lý có sự tham gia của nhiều cơ quan nhà nước khác nhau, với tính chất phức tạp và đa chiều, khó tách biệt tuyệt đối thẩm quyền, đòi hỏi phối hợp thẩm quyền thường xuyên, dễ phát sinh chồng chéo thẩm quyền nếu pháp luật không quy định rõ ràng... Do vậy, việc phân định thẩm quyền phải tuân thủ nghiêm ngặt những nguyên tắc pháp luật về phân định thẩm quyền phản ánh bản chất của quyền lực nhà nước và yêu cầu bảo đảm hiệu quả quản lý.

2.1. Nguyên tắc phân định thẩm quyền bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp của quyền lực nhà nước

Thẩm quyền là giới hạn pháp lý của quyền lực, chi phối toàn bộ quá trình tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước. Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025) quy

định “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước...”³ với hàm ý rằng, việc phân định thẩm quyền của cơ quan nhà nước phải được xác lập, giới hạn và kiểm soát, qua đó bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, bảo đảm mọi quyền lực đều có cơ sở pháp lý và được kiểm soát, cụ thể là:

Thứ nhất, “Thẩm quyền chỉ phát sinh từ pháp luật và bị giới hạn bởi pháp luật”, mọi thẩm quyền của cơ quan nhà nước phải được quy định bằng pháp luật, bảo đảm tính hợp pháp, minh bạch và có thể kiểm soát. Do vậy, mọi phân định thẩm quyền phải phù hợp với Hiến pháp, việc giao, xác định thẩm quyền phải dựa trên luật và các văn bản dưới luật hợp lệ, đúng trình tự, đúng chủ thể. Không có phân định thẩm quyền nào tồn tại ngoài khuôn khổ pháp luật, cơ quan nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép và trong phạm vi được quy định.

Thứ hai, phân định thẩm quyền bảo đảm tính thống nhất và thứ bậc của hệ thống pháp luật. Các quy định về thẩm quyền phải được thiết kế theo một trật tự thứ bậc rõ ràng (Hiến pháp - luật - văn bản dưới luật), bảo đảm không có sự mâu thuẫn hoặc chồng chéo giữa các văn bản. Việc vi phạm nguyên tắc này sẽ dẫn đến tình trạng “đa tầng thẩm quyền” không kiểm soát, làm suy giảm hiệu lực pháp luật và gây khó khăn cho hoạt động áp dụng và thực thi.

Thứ ba, bảo đảm tính chính danh, hiệu lực và hiệu quả của thẩm quyền. Tính chính danh giúp quyền lực nhà nước được thực hiện hợp hiến, hợp pháp và được xã hội thừa nhận, hiệu lực và hiệu quả để bảo đảm cho quyền lực đó có khả năng vận hành hiệu quả trong thực tiễn quản lý.

2.2. Phân định thẩm quyền bảo đảm phân công và kiểm soát quyền lực

Phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước được chi phối trực tiếp bởi cách thức thiết kế và vận hành hệ thống. Hiến pháp năm 2013 quy định⁴ “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Nguyên tắc đòi hỏi quyền lực nhà nước phải được tổ chức theo hướng phân chia hợp lý giữa các cấp, giữa các cơ quan chủ thể và đồng thời thiết lập cơ chế để các cơ quan giám sát, kiểm chế và kiểm soát lẫn nhau nhằm bảo đảm không có sự tập trung quyền lực tuyệt đối, ngăn ngừa nguy cơ lạm quyền.

Một là, xác lập ranh giới thẩm quyền rõ ràng giữa các cơ quan nhà nước dựa trên chức năng, nhiệm vụ và vị trí pháp lý của từng chủ thể trong bộ máy nhà nước. Ranh giới thẩm quyền là giới hạn pháp lý xác định phạm vi quyền hạn, trách nhiệm và phương thức hoạt động của từng cơ quan nhà nước, nhất là trong điều kiện quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan thì việc xác định ranh giới thẩm quyền là yêu cầu tất yếu, bảo đảm cho bộ máy nhà nước vận hành thống nhất, tránh chồng chéo quyền lực, đồng thời nâng cao trách nhiệm và hiệu quả quản lý.

Hai là, kết hợp chặt chẽ giữa phân công và phối hợp trong thực thi quyền lực. Phân công và phối hợp là hai yêu cầu có quan hệ hữu cơ không thể tách rời, phân công là để xác định rõ phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan, phối hợp để bảo đảm các cơ quan vận hành thống nhất, đồng bộ thực hiện hiệu quả. Hai yếu tố này phải được thiết kế đồng bộ trong

pháp luật về phân định thẩm quyền nhằm xây dựng nền hành chính minh bạch, hiệu lực và hiệu quả.

Ba là, thiết lập các cơ chế pháp lý để giám sát và hạn chế việc thực thi thẩm quyền. Xuất phát từ bản chất của quyền lực nhà nước luôn có khả năng bị lạm dụng nếu không được kiểm soát bằng các giới hạn pháp lý và cơ chế giám sát hữu hiệu. Vì vậy, yêu cầu đặc biệt trong hoàn thiện quy định về phân định thẩm quyền là việc thiết lập cơ chế pháp lý nhằm giám sát và hạn chế việc thực thi thẩm quyền của các cơ quan nhà nước và người có chức vụ, quyền hạn. Việc kiểm soát thực thi thẩm quyền không nhằm cản trở hoạt động quản lý mà nhằm bảo đảm quyền lực được sử dụng đúng mục đích, đúng phạm vi.

2.3. Phân định thẩm quyền rõ ràng và không chồng chéo

Hiến pháp năm 2013 quy định “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và luật”⁵, và “Quyền lực nhà nước... có sự phân công, phối hợp, kiểm soát...” (khoản 3 Điều 2) với hàm ý nguyên tắc rằng, thẩm quyền phải được xác định rõ ràng bằng pháp luật và phải phân định hợp lý giữa các cơ quan, tránh chồng chéo, đòi hỏi mỗi nhiệm vụ quyền hạn phải được xác định cụ thể về chủ thể, nội dung và phạm vi, đồng thời bảo đảm không có sự trùng lặp về phạm vi quyền hạn giữa các cơ quan nhà nước; bảo đảm mỗi nhiệm vụ quản lý nhà nước cần được giao cho một chủ thể chịu trách nhiệm chính, tránh tình trạng nhiều cơ quan cùng có thẩm quyền đối với một vấn đề, dẫn đến trùng lặp hoặc xung đột, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước.

Tính rõ ràng của quy định về thẩm quyền thể hiện ở việc pháp luật phải xác định đầy đủ các yếu tố cấu thành của thẩm quyền, bao gồm: (i) chủ thể có thẩm quyền; (ii) nội dung và phạm vi quyền hạn; (iii) điều kiện và giới hạn thực hiện; (iv) trình tự, thủ tục áp dụng; và (v) trách nhiệm pháp lý tương ứng. Không chồng chéo và trùng lặp thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước thể hiện là mỗi nhiệm vụ chỉ có một chủ thể chịu trách nhiệm chính, không “giao thoa”, không “kiểm soát” giữa các cấp chính quyền, trung ương không can thiệp vào việc đã giao cho địa phương, địa phương không vượt quá phạm vi được giao..

2.4. Phân định thẩm quyền gắn quyền hạn với trách nhiệm

Gắn quyền hạn với trách nhiệm là đảm bảo sự thống nhất giữa quyền hạn và trách nhiệm trong thực thi quyền lực, mọi quyền lực được trao đều phải đi kèm trách nhiệm pháp lý tương ứng; chủ thể được trao quyền phải đồng thời chịu trách nhiệm tương xứng về việc thực hiện quyền đó và kết quả đạt được. Hiến pháp năm 2013 quy định “Cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức... phải chịu trách nhiệm trước nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao” (Điều 8), đồng thời “Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội về công tác trước Quốc hội...”⁶ nhằm khẳng định rõ ràng quyền hạn không thể tồn tại độc lập mà luôn gắn với trách nhiệm pháp lý, không có “trách nhiệm không đi kèm thẩm quyền” và ngược lại. Thẩm quyền không chỉ là quyền được làm mà còn là nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả của hành vi công vụ, trách nhiệm không dừng ở thực hiện đúng quy trình mà phải gắn với kết quả cuối cùng. Một cơ quan chỉ có thể chịu trách nhiệm đầy đủ khi có đủ thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ được giao. Ngược lại, nếu quyền hạn bị hạn chế hoặc phân tán

trong khi trách nhiệm vẫn được giao đầy đủ, sẽ dẫn đến tình trạng “trách nhiệm vượt quá quyền hạn”. Ở chiều ngược lại, nếu trao quyền rộng nhưng không thiết lập cơ chế trách nhiệm tương ứng sẽ làm gia tăng nguy cơ lạm quyền. Gắn quyền hạn với trách nhiệm cũng đòi hỏi thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát và chế tài trách nhiệm phù hợp, nếu không sẽ dẫn tới nguy cơ lạm quyền hoặc né tránh trách nhiệm.

2.5. Phân định thẩm quyền phù hợp với năng lực và điều kiện thực thi

Việc phân định thẩm quyền giữa các cơ quan và giữa các cấp chính quyền phải căn cứ không chỉ vào chức năng pháp lý mà còn vào năng lực thể chế, nguồn lực và điều kiện thực tiễn của chủ thể được giao quyền, từ đó mới có thể bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước. Trong khoa học quản trị công, phân quyền hiệu quả không chỉ dựa trên “nên giao cho cấp nào” mà còn phải trả lời “cấp đó có đủ năng lực để thực hiện hay không”⁷. Việc phân định thẩm quyền không chỉ là vấn đề pháp lý mà còn là vấn đề thực thi.

Phân định thẩm quyền phải tương thích, phù hợp với năng lực và điều kiện thực thi, đòi hỏi sự gắn kết chặt chẽ giữa phân định thẩm quyền và phân bổ nguồn lực. phân định thẩm quyền không thể được xem xét một cách độc lập mà phải đặt trong mối quan hệ với các yếu tố bảo đảm thực hiện, đặc biệt là nguồn lực tài chính và nhân lực. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), việc phân cấp chỉ hiệu quả khi đi kèm với cơ chế phân bổ nguồn lực tương ứng nếu không, sẽ dẫn đến tình trạng “nhiệm vụ không có nguồn lực” làm suy giảm hiệu quả quản trị công. Thẩm quyền sau khi phân định chỉ có thể được thực hiện một cách hiệu quả khi chủ thể được giao quyền có đủ điều kiện để thực hiện, bao gồm: năng lực tổ chức, nguồn nhân lực, nguồn tài chính, cơ sở vật chất và trình độ quản trị. Nếu thẩm quyền được giao vượt quá năng lực thực tế, sẽ dẫn đến tình trạng “thẩm quyền hình thức” tức là quyền hạn tồn tại trên danh nghĩa nhưng không thể thực hiện đầy đủ trong thực tiễn. Ngược lại, nếu năng lực thực thi cao nhưng không được trao quyền tương xứng, sẽ gây lãng phí nguồn lực và làm giảm tính chủ động của chủ thể quản lý.

Nguyên tắc cũng đặt ra yêu cầu phân định thẩm quyền linh hoạt và thích ứng trong năng lực và điều kiện thực thi của các cơ quan và địa phương không phải là bất biến mà có thể thay đổi theo thời gian và bối cảnh phát triển. Do đó, hệ thống pháp luật cần có cơ chế điều chỉnh linh hoạt, cho phép mở rộng hoặc thu hẹp thẩm quyền phù hợp với sự thay đổi về năng lực. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và yêu cầu đổi mới quản trị công, khi năng lực của các chủ thể có thể thay đổi nhanh chóng.

3. Thực trạng quy định pháp luật về phân định thẩm quyền

Pháp luật Việt Nam đã có nhiều bước tiến trong việc xác lập và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về phân định thẩm quyền, nhưng thực tiễn áp dụng trong các lĩnh vực liên ngành cho thấy vẫn còn tình trạng chồng chéo, giao thoa, thiếu thống nhất... diễn ra trong các quy định phân định thẩm quyền trên cả ba trụ cột: giữa các văn bản pháp luật, giữa các chủ thể cùng cấp và giữa các cấp chính quyền.

3.1. Chồng chéo giữa các văn bản pháp luật

3.1.1. Xung đột, chưa tương thích giữa các luật cùng cấp

Thứ nhất, giữa Luật Tổ chức chính quyền địa phương và luật chuyên ngành liên quan đến phân cấp thẩm quyền. Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2025), quy định theo hướng xác lập nguyên tắc phân quyền, phân cấp giữa trung ương và địa phương, trong đó nhấn mạnh việc trao quyền chủ động cho chính quyền địa phương trong quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tuy nhiên, nhiều luật chuyên ngành lại thiết kế theo hướng tập trung thẩm quyền ở trung ương, làm suy giảm tính thực chất của phân cấp. Ví dụ, Luật Đầu tư công (2024) vẫn duy trì vai trò tập trung vào bộ, ngành trung ương qua các quy trình chặt chẽ về thẩm định, phê duyệt dự án, đặc biệt với các dự án sử dụng ngân sách TW, dự án trọng điểm nhóm A hoặc dự án liên quan đến đất rừng, an ninh, quốc phòng. Địa phương dù có thẩm quyền quản lý nhưng phải trình các bộ chuyên ngành thẩm định vốn, quy hoạch và trình Thủ tướng phê duyệt, dẫn đến tình trạng địa phương “được giao nhiệm vụ nhưng không có đủ quyền quyết định”, làm kéo dài quy trình và giảm tính chủ động của địa phương.

Hoặc Luật Đất đai năm 2024 đã phân cấp quản lý mạnh hơn cho địa phương so với Luật Đất đai năm 2013, tuy nhiên vẫn quy định một số thẩm quyền quan trọng như: giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phần lớn vẫn chịu sự kiểm soát chặt chẽ của trung ương thông qua các quy hoạch, kế hoạch và cơ chế phê duyệt, mọi quyết định giao/cho thuê đất của địa phương phải nằm trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt; Thủ tướng phê duyệt quy hoạch cấp tỉnh... Điều này đã dẫn đến sự giao thoa thẩm quyền giữa trung ương và địa phương, địa phương được phân quyền nhưng vẫn phụ thuộc vào trung ương.

Thứ hai, xung đột, chồng chéo giữa các luật chuyên ngành điều chỉnh cùng một lĩnh vực quản lý. Trong nhiều lĩnh vực liên ngành với nhiều cơ quan cùng có thẩm quyền đối với một hoạt động quản lý, điển hình như lĩnh vực quản lý nhà nước về các dự án đa ngành (đầu tư - xây dựng - đất đai) chịu sự điều chỉnh cùng một lúc ít nhất bởi 03 luật chuyên ngành: Luật Đầu tư (2025) quy định về chấp thuận chủ trương đầu tư, Luật Xây dựng (2020) quy định về thẩm quyền cấp phép xây dựng và Luật Đất đai (2024) quy định về giao đất, cho thuê đất. Theo quy định, 03 luật này cùng tham gia điều chỉnh một chuỗi hoạt động liên quan đến một dự án đầu tư và phân bổ thẩm quyền cho nhiều cơ quan khác nhau (tài chính, xây dựng, nông nghiệp và môi trường), trong khi một cơ chế điều phối thống nhất giữa các cơ quan trên vẫn chưa thực sự được hoàn thiện. Hệ quả là nhà đầu tư vẫn phải thực hiện nhiều thủ tục tại nhiều cơ quan khác nhau; quy trình xử lý bị kéo dài do phải “tuần tự hóa” các thủ tục; phát sinh xung đột trong việc xác định cơ quan chịu trách nhiệm chính không hề dễ dàng.

Tổng hợp thực tiễn cho thấy, trong lĩnh vực đầu tư - xây dựng - đất đai, một dự án có sử dụng đất: 1) Phải gia tăng số lượng thủ tục hành chính (phải thực hiện từ 8 đến 12 thủ tục hành chính riêng biệt), trong đó nhiều thủ tục có nội dung thẩm định trùng lặp⁸ (ví dụ: thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định quy hoạch, thẩm định thiết kế). 2) Kéo dài thời gian xử lý. Theo các báo cáo cải cách thủ tục hành chính và môi trường kinh doanh⁹, tổng thời gian thực hiện đầy đủ các thủ tục cho một dự án đầu tư có sử dụng đất có thể kéo dài từ 1,5 đến 3 năm, tùy thuộc vào quy mô và tính chất dự án. Trong đó, riêng các thủ tục liên quan đến đất đai và phê duyệt chủ trương đầu tư có thể chiếm 50-70% tổng thời gian. Nguyên nhân chính không chỉ nằm ở quy trình phức tạp, mà còn ở việc nhiều cơ quan cùng tham gia thẩm định

nhưng không có cơ chế phối hợp hiệu quả; phải thực hiện lại các bước thẩm định tương tự theo yêu cầu của từng luật; phát sinh yêu cầu xin ý kiến giữa các cơ quan do ranh giới thẩm quyền không rõ ràng¹⁰. 3) Gia tăng chi phí tuân thủ. Chi phí tuân thủ trong bối cảnh chồng chéo thẩm quyền không chỉ bao gồm chi phí tài chính trực tiếp mà còn bao gồm chi phí thời gian và chi phí cơ hội. Các nghiên cứu và khảo sát doanh nghiệp cho thấy doanh nghiệp phải chi trả cho việc chuẩn bị hồ sơ nhiều lần cho các cơ quan khác nhau; phát sinh chi phí tư vấn pháp lý để xử lý xung đột giữa các quy định; gia tăng chi phí không chính thức do quy trình kéo dài và thiếu minh bạch. Ước tính, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư - xây dựng có thể chiếm 5-10% tổng chi phí dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (một tỷ lệ tương đối cao so với chuẩn mực quốc tế). Theo OECD, sự phức tạp và chồng chéo của hệ thống pháp luật là nguyên nhân trực tiếp làm gia tăng chi phí tuân thủ¹¹.

Những lĩnh vực đa ngành có nhiều luật chuyên ngành cùng điều chỉnh như trong lĩnh vực đầu tư - xây dựng - đất đai như nêu trên rất cần một cơ chế điều phối thống nhất để điều chỉnh. Tuy nhiên đến nay cơ chế này vẫn gặp nhiều vướng mắc bất cập về pháp lý phân định thẩm quyền và trong tiến trình đang hoàn thiện chưa thể áp dụng hiệu quả, cụ thể là: a) Sự thiếu thống nhất giữa các quy định, thủ tục đất đai, môi trường và xây dựng thường chồng chéo, mâu thuẫn, dẫn đến việc các cơ quan hiểu và áp dụng khác nhau, gây khó khăn cho dự án; b) Việc phối hợp giữa cơ quan chức năng vẫn mang nặng tính thủ tục hành chính, quy trình xin ý kiến (thư từ, văn bản) qua lại giữa các sở ngành còn kéo dài, chưa thực sự liên thông dữ liệu mặc dù cơ chế phối hợp đã phân vai cơ quan chịu trách nhiệm chính, cơ quan có trách nhiệm phối hợp...; c) Tâm lý “sợ sai” và “đùn đẩy trách nhiệm”, cán bộ một số nơi còn tâm lý e ngại, sợ trách nhiệm, đùn đẩy hồ sơ qua lại, đặc biệt là các dự án phức tạp liên quan đến nhiều lĩnh vực; d) Thiếu dữ liệu số đồng bộ, mặc dù đã có cơ sở dữ liệu quốc gia, nhưng mức độ liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong liên ngành vẫn còn hạn chế.

Thứ ba, xung đột giữa Luật Tổ chức Chính phủ với luật về quản lý ngành, lĩnh vực. Luật Tổ chức Chính phủ (2025) quy định bộ, cơ quan ngang bộ là chủ thể thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực. Các đơn vị thuộc bộ (cục, vụ) chỉ là đơn vị tham mưu về quản lý nhà nước, không phải là chủ thể độc lập của quyền lực nhà nước. Tuy nhiên trong thực tế lập pháp phân định thẩm quyền, nhiều luật chuyên ngành lại trao quyền trực tiếp cho các cơ quan này, biến các cơ quan này thành chủ thể “quyền lực bán độc lập” dẫn đến sự không thống nhất giữa Luật Tổ chức Chính phủ và luật chuyên ngành. Có thể lấy một số ví dụ cụ thể như: Luật Xây dựng (2020) quy định thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu không chỉ thuộc Bộ Xây dựng mà còn giao trực tiếp cho các cơ quan chuyên môn về xây dựng¹² (các cục, vụ thuộc bộ hoặc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh). Trên thực tế, các cơ quan như Cục Quản lý hoạt động xây dựng (thuộc Bộ Xây dựng) thực hiện nhiều chức năng mang tính quyết định hành chính, trong khi về nguyên tắc thẩm quyền này phải được thực hiện dưới danh nghĩa của Bộ Xây dựng. Hệ quả là làm mờ ranh giới giữa thẩm quyền của Bộ Xây dựng với các đơn vị trực thuộc, khó xác định trách nhiệm pháp lý cuối cùng và tạo ra nhiều đầu mối thực hiện thẩm quyền trong cùng một lĩnh vực.

Hoặc Luật An toàn thực phẩm (2025) và các văn bản liên quan thiết lập mô hình quản lý theo chuỗi sản phẩm, quy định thẩm quyền quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm cho nhiều cơ quan, trong đó có các Cục chuyên ngành như Cục An toàn thực phẩm (thuộc Bộ Y tế) quản lý thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm; Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (thuộc Bộ Nông nghiệp và môi trường) quản lý thực phẩm tươi sống, nông sản; Cục Quản lý và phát triển thị trường trong nước (Bộ Công Thương) quản lý thực phẩm trong khâu lưu thông, phân phối... Các cơ quan này trực tiếp thực hiện cấp phép, thanh kiểm tra, xử lý vi phạm ... dẫn đến thực tế cùng một sản phẩm có thể chịu sự quản lý của nhiều cơ quan khác nhau ở cùng cấp; trách nhiệm quản lý bị phân tán giữa các đơn vị trực thuộc các bộ khác nhau cùng thực hiện chức năng tương tự; dẫn đến suy yếu nguyên tắc “chỉ một đầu mối chịu trách nhiệm”, làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản trị.

3.1.2. Xung đột giữa luật và văn bản dưới luật

Một dạng chồng chéo có tính phổ biến và gây tác động trực tiếp đến thực tiễn áp dụng pháp luật là xung đột giữa luật và các văn bản dưới luật (nghị định, thông tư). Về nguyên tắc, văn bản dưới luật chỉ có chức năng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật, không được làm thay đổi nội dung, phạm vi hoặc chủ thể thẩm quyền đã được xác lập trong luật. Tuy nhiên, thực tiễn không ít trường hợp văn bản dưới luật đã mở rộng, thu hẹp hoặc tái phân bổ thẩm quyền, dẫn đến sự thiếu thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Một là, *văn bản dưới luật mở rộng thẩm quyền vượt quá quy định của luật*. Biểu hiện khá phổ biến hiện nay là các văn bản dưới luật (nghị định, thông tư) quy định thêm thẩm quyền cho cơ quan hành chính mà luật không quy định hoặc chỉ quy định ở mức nguyên tắc. Luật Đầu tư (2025) quy định rõ thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc về Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và UBND cấp tỉnh tùy theo loại dự án, nhưng trong thực tiễn triển khai, một số nghị định hướng dẫn¹³ đã quy định thêm các bước xin ý kiến, thẩm định liên ngành bắt buộc từ các bộ, ngành trung ương, làm phát sinh một dạng “thẩm quyền thực tế” của các cơ quan này trong quá trình quyết định đầu tư, hệ quả là thẩm quyền quyết định bị “phân tán mềm” sang các cơ quan không được Luật giao quyền khiến cho quy trình xử lý trở nên phức tạp và kéo dài hơn so với thiết kế của luật.

Hai là, *văn bản dưới luật thu hẹp hoặc làm thay đổi phạm vi thẩm quyền do luật quy định*. Có những trường hợp văn bản dưới luật đặt ra các điều kiện, thủ tục bổ sung làm hạn chế khả năng thực hiện thẩm quyền đã được luật trao. Ví dụ, Điều 123 Luật Đất đai (2024) trao thẩm quyền giao đất, cho thuê đất cho UBND cấp tỉnh. Tuy nhiên, Nghị định¹⁴ hướng dẫn thi hành lại duy trì sự quản lý tập trung thông qua các cơ chế: xin ý kiến bộ, ngành đối với dự án quy mô lớn/đặc thù, thẩm định bổ sung về năng lực tài chính/chuyển mục đích, bắt buộc tuân thủ quy hoạch cấp trên, tạo ra sự phụ thuộc chặt chẽ giữa địa phương vào trung ương. Điều này dẫn đến việc thẩm quyền pháp lý của địa phương bị “co hẹp trên thực tế”, làm giảm tính chủ động trong quản lý đất đai và làm sai lệch tinh thần phân cấp của Luật.

Ba là, *văn bản dưới luật quy định không rõ ràng, gây chồng lấn trách nhiệm giữa các cơ quan*. Là việc văn bản dưới luật quy định không rõ ràng về trách nhiệm giữa các cơ quan, hoặc thiết lập cơ chế phối hợp nhưng không xác định cơ quan chủ trì. Ví dụ, Luật Xây dựng

(2020) quy định thẩm quyền cấp phép xây dựng thuộc về cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương. Tuy nhiên, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP quy định chi tiết vẫn còn một số bất cập so với yêu cầu quản lý thực tế và quy định của Luật Xây dựng, đó là vẫn còn vướng mắc trong phân cấp quản lý trật tự xây dựng, khó khăn khi áp dụng quy định mới về dừng cấp điện, nước và xử lý các hành vi đầu nối, cung cấp điện nước cho các công trình vi phạm; việc xác định thẩm quyền xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng vẫn còn chồng chéo chưa triệt để gây khó khăn cho địa phương; đặc biệt là quy định về cá nhân thực hiện công việc xây dựng bắt buộc phải có chứng chỉ hành nghề phù hợp. Tuy nhiên, việc liên kết giữa “biên chế” và “hợp đồng ngắn hạn” của nhân sự kỹ thuật trong các đơn vị tư vấn đôi khi chưa rõ ràng, ảnh hưởng đến thủ tục nghiệm thu.

3.2. Phân định thẩm quyền vẫn tồn tại chồng chéo thẩm quyền giữa các cơ quan cùng cấp

Chồng chéo thẩm quyền giữa các cơ quan cùng cấp là một trong những biểu hiện phổ biến và có tác động trực tiếp nhất đến hiệu quả quản lý nhà nước. Hiện tượng này xảy ra khi hai hoặc nhiều cơ quan ở cùng cấp hành chính (trung ương hoặc địa phương) cùng được giao hoặc cùng thực hiện các chức năng, nhiệm vụ tương tự mà không xác định rõ cơ quan chủ trì dẫn tới trùng lặp trong thực thi và phân tán trách nhiệm.

3.2.1. Trùng lặp chức năng quản lý giữa các bộ, ngành trung ương

Luật Tổ chức Chính phủ (2025) đã xác định nguyên tắc quản lý nhà nước cho các bộ theo ngành, theo lĩnh vực¹⁵ dẫn đến cách hiểu phổ biến chung là Luật tập trung quy định theo ngành dọc. Tuy nhiên, trên thực tế quản trị hiện nay có nhiều lĩnh vực mang tính liên ngành có đan xen chức năng thuộc phạm vi của nhiều bộ nhưng vẫn có thể thuộc một bộ chuyên ngành quản lý là tất yếu. Bên cạnh đó, pháp luật cũng thường quy định “nguyên tắc phối hợp” mà chưa quy định cụ thể cơ chế điều phối, trách nhiệm cuối cùng, chế tài khi phối hợp không hiệu quả... Vì vậy, trong thực tiễn thường phát sinh tình trạng gửi văn bản xin ý kiến, họp liên ngành, cử đại diện tham gia tổ công tác ... nhưng không xác định rõ trách nhiệm quyết định cuối cùng, không rõ trách nhiệm nếu chậm xử lý hoặc đùn đẩy trách nhiệm, đây chính là lý do được đánh giá cơ chế phối hợp hiện nay còn mang tính hình thức, không rõ phân vai, dẫn đến hệ quả mọi bộ đều có tiếng nói nhưng không có bộ nào chịu trách nhiệm cuối cùng. Đây là dạng chồng chéo “ngang cấp - liên ngành” do phân cấp không triệt để làm cho ranh giới quyền lực chưa thực sự rõ ràng.

3.2.2. Chồng chéo giữa các cơ quan trong cùng cấp trong chính quyền địa phương (Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - cơ quan chuyên môn)

Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2025) đặt mục tiêu: “phân định rõ thẩm quyền... giữa các cấp chính quyền địa phương”¹⁶. Tuy nhiên, trong thực tế vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã phát sinh dạng chồng chéo “song trùng trực thuộc”, cụ thể là:

Thứ nhất, chồng chéo giữa Hội đồng nhân dân (HĐND) - cơ quan quyết định chính sách và Ủy ban nhân dân (UBND) - cơ quan tổ chức thực hiện chính sách (tách biệt giữa quyết định và thực thi). Tuy nhiên, trên thực tế nhiều lĩnh vực như quy hoạch, đầu tư, ngân sách... không thể tách rời quyết định với tổ chức thực hiện do ranh giới đan xen vừa mang tính quyết

định, vừa mang tính điều hành. Cụ thể như: trong lĩnh vực quy hoạch, HĐND có quyền quyết định thông qua quy hoạch nhưng UBND lại là chủ thể thực chất, gần như toàn bộ dữ liệu, kỹ thuật và phương án do UBND chuẩn bị, UBND lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch và tổ chức triển khai... Điều này dẫn đến HĐND quyết định về mặt hình thức nhưng phụ thuộc lớn vào đề xuất của UBND và hệ quả là ranh giới giữa quyết định chính sách và điều hành thực thi chính sách không còn rõ ràng.

Thứ hai, chồng chéo giữa UBND và các cơ quan chuyên môn. Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2025) quy định Sở thuộc UBND cấp tỉnh¹⁷ đồng thời chịu sự chỉ đạo chuyên môn của bộ, ngành¹⁸. Sở là một cơ quan chịu hai trung tâm chỉ đạo (UBND cấp tỉnh chỉ đạo hành chính, Bộ quản lý chuyên môn chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ) nên dễ xảy ra xung đột ưu tiên trong thực hiện nhiệm vụ. Thực tế cho thấy, tại một thời điểm UBND cấp tỉnh yêu cầu ưu tiên phát triển kinh tế, trong khi Bộ thì yêu cầu tuân thủ quy trình quản lý ngành, khi hai yêu cầu này xung đột thì chưa rõ ai (UBND cấp tỉnh hay Bộ chuyên môn) là chủ thể quyết định cuối cùng.

3.2.3. Bất cập, chồng chéo thẩm quyền giữa các cơ quan cùng cấp do phát sinh từ cơ chế phân cấp - ủy quyền

Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2025) quy định “Phân cấp là việc cơ quan nhà nước cấp trên giao cho cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện... nhiệm vụ, quyền hạn...”¹⁹, đồng thời quy định “Cơ quan phân cấp có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp...”²⁰. Ý nghĩa pháp lý của các quy định này là trao quyền cho cấp dưới nhưng vẫn duy trì sự kiểm soát của cấp trên, phân cấp chưa phải là chuyển giao hoàn toàn độc lập mà là “phân cấp có kiểm soát”. Những quy định này làm phát sinh nghịch lý là cấp dưới chịu trách nhiệm thực hiện nhưng cấp trên vẫn duy trì quyền kiểm tra, hướng dẫn, dẫn đến ranh giới trách nhiệm chưa thực sự tách bạch, không rõ ràng giữa trách nhiệm thực hiện độc lập theo phân cấp và trách nhiệm thực hiện theo chỉ đạo từ trách nhiệm theo dõi của cấp trên, từ đó phát sinh chồng chéo thẩm quyền thực tế, tính tự chủ của chủ thể được phân cấp chưa thực sự đầy đủ..

3.2.4. Chồng chéo thẩm quyền giữa các cơ quan cùng cấp do thiếu văn bản hướng dẫn cụ thể

Công văn số 174/CV-BCĐ²¹ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tập trung tháo gỡ vướng mắc, khó khăn khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp có nêu 355 nhiệm vụ cần được các bộ, ngành ban hành văn bản để hướng dẫn thực hiện. Thực tiễn này cho thấy, hệ thống quy định hiện hành chưa đủ rõ để áp dụng trực tiếp, việc phân cấp, phân quyền vẫn phụ thuộc mạnh vào hướng dẫn của bộ, ngành. Bên cạnh đó, nhiều quy định của luật chuyên ngành chỉ dừng ở “quản lý nhà nước về ...”, “tổ chức thực hiện ...” mà không làm rõ được quyết định gì, giới hạn đến đâu, quy trình cụ thể như thế nào, chưa xác định rõ ranh giới trung ương và địa phương. Do đó, các bộ, ngành phải tiếp tục ban hành hướng dẫn, giải thích cách hiểu để bảo đảm áp dụng thống nhất, tránh tự diễn giải, áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan thực thi, gia tăng chồng chéo trong thực thi giữa các địa phương. Những tồn tại trên cho thấy, mặc dù địa phương có thẩm quyền theo luật nhưng vẫn phải chờ

thông tư, hướng dẫn của bộ, ngành, khiến địa phương tiếp tục phụ thuộc lớn vào cơ chế hướng dẫn và kiểm soát của các bộ, ngành trung ương.

3.3. Thiếu thống nhất trong phân định thẩm quyền giữa trung ương và địa phương

3.3.1. Quy định không đồng bộ giữa các luật chuyên ngành về phân định thẩm quyền giữa trung ương và địa phương

Một là, xu hướng “trung ương hóa thẩm quyền” trong các luật chuyên ngành. Hầu hết luật chuyên ngành quy định rất cụ thể, chi tiết thẩm quyền của bộ, cơ quan trung ương có quyền quyết định thực chất, như quyền ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật, quyền hướng dẫn, quyền kiểm tra, phê duyệt, quyết định cuối cùng... trong khi đó, lại quy định thẩm quyền rất chung chung mang tính khung đối với cấp địa phương.

Luật Đất đai (2024) quy định Chính phủ ban hành văn bản quy định chi tiết, Bộ Nông nghiệp và môi trường ban hành văn bản hướng dẫn kỹ thuật, quy chuẩn chuyên môn, kiểm tra việc thực hiện... trong khi đó, UBND cấp tỉnh chủ yếu tổ chức thực hiện, quản lý đất đai tại địa phương, thực hiện theo phân cấp... nhưng không làm rõ được quyết định những gì, có quyền quyết định cuối cùng hay không. Dù địa phương được giao đất, cho thuê đất nhưng phải căn cứ quy hoạch, căn cứ theo tiêu chuẩn và tuân thủ quy trình do trung ương quy định (như đã đề cập ở trên). Điều này cho thấy rõ quyền quyết định thực chất vẫn nằm ở trung ương.

Luật Đầu tư công (2024) quy định Bộ Tài chính có quyền thẩm định nguồn vốn; hướng dẫn tiêu chí; kiểm soát kế hoạch đầu tư công, trong khi đó, địa phương tổ chức thực hiện dự án, phân bổ trong khuôn khổ trung ương quyết định, đặc biệt trong các dự án quan trọng phải trình, xin ý kiến trung ương. Khi địa phương được quyền đầu tư nhưng tiêu chí, định mức, điều kiện kỹ thuật đều do trung ương quy định thì địa phương chỉ còn quyền lựa chọn trong phạm vi hẹp và quyền quyết định thực chất vẫn ở trung ương. Bên cạnh đó, trong nhiều lĩnh vực địa phương đề xuất, lập hồ sơ... nhưng trung ương thẩm định, cho ý kiến quyết định cuối cùng, điều này cho thấy địa phương có trách nhiệm thực hiện nhưng không nắm quyền quyết định thực chất, đây là cơ chế “địa phương thực hiện - trung ương quyết định”.

Hai là, sự không thống nhất giữa các luật khi phân công cùng một lĩnh vực. Xuất phát do chưa có một “khung phân định thẩm quyền chung” có tính thống nhất để làm cơ sở cho toàn bộ hệ thống pháp luật chuyên ngành, nên mỗi luật chuyên ngành được xây dựng riêng lẻ, logic riêng, tự thiết kế thẩm quyền theo nhu cầu và mục tiêu quản lý của từng bộ, ngành dẫn đến tình trạng cùng một vấn đề nhưng nhiều luật quy định khác nhau, thậm chí nhiều chủ thể cùng có quyền quyết định trong cùng một lĩnh vực.

Luật Đầu tư công (2024) nhấn mạnh thẩm định nguồn vốn, kiểm soát ngân sách trung ương; Luật Đất đai (2024) nhấn mạnh quản lý thống nhất tài nguyên; Luật Xây dựng (2020) nhấn mạnh tiêu chuẩn kỹ thuật, cấp phép... vì vậy, nếu cùng một dự án đầu tư sử dụng đất sẽ có đồng thời nhiều cơ quan cùng có quyền, mỗi khâu lại do những chủ thể khác nhau quyết định. Kết quả là không rõ ai (bộ nào) là người quyết định cuối cùng, ý kiến của bên nào có tính bắt buộc quyết định. Hệ quả cuối cùng về pháp lý và quản trị là chồng chéo thẩm quyền

không rõ ai chịu trách nhiệm chính, thủ tục hành chính bị kéo dài do phải xin ý kiến nhiều cơ quan, qua nhiều bước thẩm định.

Ba là, xung đột ngầm về thẩm quyền giữa luật chuyên ngành với Luật Tổ chức chính quyền địa phương luôn không tương thích. Xung đột ngầm về thẩm quyền là tình trạng các văn bản pháp luật không phủ định lẫn nhau trực tiếp nhưng được xây dựng trên các logic quản lý khác nhau dẫn tới khó áp dụng đồng dạng thẩm quyền trong thực tiễn. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm (2025) quy định theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền, đề cao tính tự chủ của địa phương (địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm). Trong khi đó, nhiều luật chuyên ngành vẫn duy trì cơ chế quản lý tập trung, kiểm soát mạnh của bộ, ngành. Hai logic này tồn tại song song nhưng không hoàn toàn tương thích, cụ thể:

Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2025) quy định “Việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương phải bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo về nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, giữa chính quyền địa phương các cấp và giữa các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương”²²; đồng thời quy định phân cấp, giao quyền, tăng tính chủ động cho địa phương²³... Tinh thần chung là địa phương phải có quyền chủ động, trách nhiệm rõ ràng. Tuy nhiên, luật chuyên ngành lại giữ cơ chế kiểm soát tập trung, như Luật Đất đai (2024) quy định Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành tiêu chuẩn, hướng dẫn chuyên môn, kiểm tra thực hiện. Luật Đầu tư công (2024) duy trì cơ chế thẩm định nguồn vốn, kiểm soát kế hoạch đầu tư công bởi trung ương... như vậy, luật tổ chức chính quyền địa phương muốn tăng tự chủ cho địa phương nhưng luật chuyên ngành vẫn giữ quyền kiểm soát thực chất ở Trung ương.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2025) quy định phân cấp nhưng luật chuyên ngành lại tạo cơ chế “xin ý kiến”. Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương xác định cơ quan được phân cấp chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện, hàm ý rằng địa phương có quyền quyết định trong phạm vi được giao, nhưng nhiều luật chuyên ngành và các văn bản hướng dẫn (lĩnh vực đầu tư, xây dựng, đất đai...) lại yêu cầu xin ý kiến bộ, thẩm định liên ngành, chấp thuận từ trung ương. Kết quả là địa phương có quyền trên danh nghĩa nhưng khó tự quyết trên thực tế.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2025) quy định “rõ trách nhiệm” nhưng luật chuyên ngành lại “chia nhỏ trách nhiệm”. Luật Tổ chức chính quyền địa phương nhấn mạnh phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm nhưng luật chuyên ngành, ví dụ Luật Đầu tư công lại chia một nhiệm vụ cho nhiều cơ quan, nhiều cấp cùng tham gia như: Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các sở chuyên môn... đều tham gia quyết định, dẫn đến không rõ cơ quan nào, ai chịu trách nhiệm cuối cùng.

3.3.2. Ranh giới giữa thẩm quyền trung ương và địa phương chưa rõ ràng

Thứ nhất, ranh giới giữa thẩm quyền của trung ương và địa phương chưa được xác lập rõ ràng. Thể hiện ở việc pháp luật chưa đưa ra tiêu chí cụ thể làm căn cứ để phân định thẩm quyền giữa trung ương và địa phương. Hiến pháp năm 2013 quy định “Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan

nhà nước ở trung ương và địa phương...”²⁴; tuy nhiên đây chỉ là nguyên tắc chung, chưa đưa ra tiêu chí cụ thể để phân định thẩm quyền giữa Trung ương và địa phương.

Quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2025): “Bảo đảm phân định rõ nội dung và phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm giữa các cấp chính quyền địa phương...”²⁵ vẫn chỉ dừng ở nguyên tắc, chưa xác lập hệ tiêu chí pháp lý rõ ràng việc nào thuộc trung ương, việc nào thuộc địa phương. Bên cạnh đó, hiện nay pháp luật Việt Nam chưa có quy định rõ “việc mang tính quốc gia do trung ương quyết định”, “việc mang tính địa phương do địa phương tự quyết”, do thiếu tiêu chí này nên Trung ương có xu hướng giữ lại nhiều quyền, địa phương không rõ phạm vi tự chủ thực sự trong một số lĩnh vực như: đầu tư, đất đai, quy hoạch, môi trường, chuyển đổi số, vệ sinh an toàn thực phẩm, thích ứng với biến đổi khí hậu... vừa liên quan lợi ích quốc gia, vừa gắn với đặc thù địa phương nhưng pháp luật không xác định rõ mức độ quyết định của từng cấp.

Thứ hai, Trung ương và địa phương cùng tham gia một nhiệm vụ, chồng lấn thẩm quyền khá phổ biến. Pháp luật chưa xác định ranh giới thẩm quyền rõ ràng, đầy đủ giữa “quyền quyết định”, “quyền tổ chức thực hiện” và “quyền kiểm tra, giám sát” giữa các cấp chính quyền. Về nguyên tắc, phân cấp, phân quyền phải xác định rõ: cấp nào quyết định; cấp nào tổ chức thực hiện; cấp nào chịu trách nhiệm cuối cùng. Tuy nhiên trên thực tế, nhiều nhiệm vụ hiện nay không giao trọn vẹn cho một cấp mà cả trung ương và địa phương đều cùng tham gia ở những mức độ khác nhau.

Theo Luật Đầu tư công năm 2024, trung ương có quyền ban hành tiêu chí phân bổ vốn; thẩm định nguồn vốn; quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án lớn. Địa phương có quyền đề xuất dự án; lập kế hoạch đầu tư; tổ chức thực hiện; điều chỉnh thực hiện dự án... Như vậy, cùng một dự án cả trung ương và địa phương đều tham gia quyết định, dẫn tới chưa rõ cấp nào chịu trách nhiệm khi có sai phạm hoặc chậm tiến độ, đội vốn, hiệu quả thấp.

Luật Quy hoạch 2025 quy định trung ương có quyền phê duyệt quy hoạch cấp quốc gia, định hướng quy hoạch vùng, ban hành tiêu chuẩn quy hoạch, địa phương có quyền lập quy hoạch tỉnh, tổ chức thực hiện quy hoạch. Tuy nhiên, quy hoạch địa phương phải phù hợp với quy hoạch cấp trên, dẫn tới địa phương không có toàn quyền hoạch định phát triển. Đây là hiện tượng chồng lấn thẩm quyền của cấp trên đối với cấp dưới, dẫn đến khó khăn trong phân định thẩm quyền, khó xác định rõ chủ thể chịu trách nhiệm chính, làm mờ trách nhiệm giải trình và tính tự chủ thực chất của chính quyền địa phương.

Diễn hình của phân định thẩm quyền ở nước ta là chưa rõ ràng theo chiều dọc, phân chia theo “khâu” nhưng không phân định theo “trách nhiệm”, biểu hiện trong nhiều lĩnh vực hiện hành pháp luật thiết kế thẩm quyền theo chuỗi: Trung ương ban hành chính sách, ban hành tiêu chuẩn và phê duyệt (chủ trương, quy hoạch, dự án...); địa phương tổ chức thực hiện, quản lý địa bàn, đồng thời đề xuất kiến nghị, điều chỉnh chính sách... như vậy pháp luật mới chỉ dừng ở việc “phân công theo công đoạn”, chưa xác định rõ “ai chịu trách nhiệm cuối cùng đối với kết quả”. Trung ương ban hành chính sách và cần thông tin từ địa phương, địa phương thực hiện phải điều chỉnh theo thực tiễn nên cả trung ương và địa phương cùng tham gia là tất

yếu, nhưng cần phân định rõ vai trò của trung ương và địa phương thì pháp luật hiện nay chưa quy định rõ, dẫn đến tình trạng phân cấp nhưng chưa triệt để.

Ranh giới giữa thẩm quyền trung ương và địa phương chưa rõ ràng còn là do cơ chế “phối hợp” thay thế cho “phân quyền rõ ràng”. Nhiều luật quy định các bên cùng chịu trách nhiệm, thực chất là không ai chịu trách nhiệm chính dẫn đến khó xác định trách nhiệm của cả trung ương và địa phương, làm giảm tính chủ động của địa phương, địa phương không dám quyết nên phải xin ý kiến, có trường hợp cũng là dựa vào đó để né tránh trách nhiệm...

3.3.3. Chưa có tiêu chí phân định rõ “việc của trung ương - việc của địa phương”

Như trên đã nêu và phân tích, do pháp luật chưa xác định đầy đủ tiêu chí “ai làm gì” cụ thể là “việc gì thuộc trung ương”, “việc gì thuộc địa phương”, cũng như chưa làm rõ phạm vi quyết định, mức độ tự chủ và trách nhiệm cuối cùng của mỗi cấp chính quyền. Hiến pháp năm 2013 quy định “Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương” (Điều 112) nhưng Hiến pháp chưa đưa ra tiêu chí cụ thể để phân định, trong khi đó các luật về tổ chức và luật chuyên ngành chủ yếu liệt kê nhiệm vụ và không xây dựng nguyên tắc phân định mang tính hệ thống. Do vậy, khó xác định được mức độ phân định, phân định mang tính tùy nghi theo từng luật, mỗi luật chuyên ngành tự quy định và phân định không dựa vào năng lực thực thi của địa phương (địa phương yếu vẫn được giao việc phức tạp, địa phương mạnh không được trao quyền tương xứng)...

Việc chưa có tiêu chí phân định dẫn tới khó xác định được chủ thể của thẩm quyền dễ dẫn tới cơ chế “Trung ương và địa phương cùng làm”, nhưng không rõ cấp nào chủ trì. Hệ quả là chồng chéo thẩm quyền, không rõ cơ quan, cá nhân nào chịu trách nhiệm cuối cùng nếu có sai sót.

4. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng chồng chéo, thiếu thống nhất trong quy định pháp luật về phân định thẩm quyền

4.1. Nguyên nhân từ thể chế và mô hình tổ chức quyền lực nhà nước

Nguyên nhân có tính nền tảng là đặc thù của mô hình tổ chức quyền lực nhà nước ta được xác lập trong Hiến pháp theo nguyên tắc “phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước”. Mô hình này nhấn mạnh yếu tố phối hợp giữa các nhánh quyền lực. Tuy nhiên, trong điều kiện các thiết chế kiểm soát quyền lực đủ mạnh và ranh giới chức năng chưa được xác định rõ, nguyên tắc phối hợp dễ bị “mở rộng” thành sự giao thoa hoặc chồng lấn thẩm quyền.

Bên cạnh đó, mô hình quản lý nhà nước vẫn mang tính tập trung tương đối cao, trong khi quá trình phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền đang trong giai đoạn chuyển đổi. Điều này dẫn đến tình trạng, trung ương có xu hướng giữ lại hoặc can thiệp vào nhiều thẩm quyền, địa phương được giao nhiệm vụ nhưng không có đầy đủ quyền hạn và ranh giới thẩm quyền giữa các cấp chưa ổn định.

4.2. Nguyên nhân từ kỹ thuật lập pháp và xây dựng pháp luật

Một là, *tư duy lập pháp theo ngành, lĩnh vực*. Các luật chuyên ngành thường được chủ trì xây dựng bởi các bộ quản lý ngành, dẫn đến xu hướng mỗi luật ưu tiên mục tiêu quản lý riêng của ngành mình, thiếu sự liên kết và điều phối với các luật khác, không bảo đảm tính thống

nhất của toàn bộ hệ thống pháp luật. Hệ quả là cùng một vấn đề có thể được điều chỉnh bởi nhiều luật với cách tiếp cận khác nhau, dẫn đến xung đột và chồng chéo thẩm quyền.

Hai là, thiếu cơ chế kiểm soát xung đột pháp luật. Hiện nay, quy trình xây dựng pháp luật tuy đã có nhiều cải thiện, nhưng vẫn thiếu các công cụ hiệu quả để phát hiện và xử lý xung đột pháp luật, như đánh giá tác động chính sách chưa được thực hiện đầy đủ và thực chất; thiếu cơ chế rà soát tính tương thích giữa các văn bản trước khi ban hành; chưa có thiết chế độc lập đủ mạnh để kiểm soát tính thống nhất của hệ thống pháp luật... dẫn đến việc nhiều quy định được ban hành mà không lường trước được sự chồng chéo với các quy định hiện hành.

Ba là, quy định thẩm quyền chưa rõ ràng, thiếu tính định lượng. Nhiều quy định pháp luật sử dụng các thuật ngữ mang tính định tính như “phối hợp”, “chủ trì”, “liên quan” mà không xác định rõ phạm vi thẩm quyền cụ thể; trình tự thực hiện; trách nhiệm cuối cùng của từng cơ quan. Cách quy định này tạo ra “khoảng trống pháp lý”, dẫn đến việc các cơ quan diễn giải và áp dụng khác nhau, làm gia tăng nguy cơ chồng chéo.

Bốn là, xu hướng “luật khung - luật ống” và phụ thuộc vào văn bản dưới luật. Nhiều luật chỉ quy định mang tính nguyên tắc, trong khi giao phần lớn nội dung chi tiết cho văn bản dưới luật. Điều này dẫn đến, văn bản dưới luật có xu hướng mở rộng hoặc điều chỉnh thẩm quyền làm suy yếu tính ổn định và thống nhất của luật, gia tăng nguy cơ xung đột theo chiều dọc giữa các cấp độ pháp lý.

4.3. Nguyên nhân từ tổ chức thực thi pháp luật

Thứ nhất, thiếu cơ chế điều phối liên ngành hiệu quả. Trong các lĩnh vực liên ngành, mặc dù pháp luật có quy định về phối hợp, nhưng không xác định rõ cơ quan chủ trì, thiếu thiết chế điều phối có thẩm quyền thực chất, cơ chế phối hợp chủ yếu mang tính hình thức..., dẫn đến việc mỗi cơ quan thực hiện thẩm quyền theo cách riêng, làm gia tăng chồng chéo.

Thứ hai, động cơ bảo vệ “lợi ích ngành”. Các cơ quan quản lý nhà nước có xu hướng mở rộng phạm vi thẩm quyền của mình, giữ lại hoặc bổ sung thêm quyền quản lý thông qua văn bản dưới luật, hạn chế việc phân chia hoặc chuyển giao thẩm quyền cho cơ quan khác. Đây là nguyên nhân mang tính “thể chế phi chính thức”, nhưng có tác động đáng kể đến cấu trúc phân định thẩm quyền.

Thứ ba, năng lực thực thi và điều kiện quản lý chưa đồng đều. Sự khác biệt về năng lực giữa các cơ quan và giữa các địa phương dẫn đến tình trạng tâm lý giữ quyền ở cấp trên để bảo đảm kiểm soát, ngại phân cấp do lo ngại rủi ro có thể xảy ra trong thực thi. Bên cạnh đó, do năng lực của mỗi địa phương là khác nhau dẫn đến việc áp dụng pháp luật khó thống nhất giữa các địa phương.

5. Kiến nghị giải pháp tiếp tục hoàn thiện pháp luật về phân định thẩm quyền

5.1. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về phân định thẩm quyền theo hướng rõ ràng, ổn định và nhất quán

Tiếp tục cụ thể hóa nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực được ghi nhận trong Hiến pháp theo hướng: xác định rõ ranh giới chức năng giữa các cấp chính quyền;

hạn chế tối đa tình trạng giao thoa, chồng lấn thẩm quyền; bảo đảm mỗi chức năng quyền lực có phạm vi hoạt động độc lập tương đối nhưng vẫn có cơ chế kiểm soát lẫn nhau.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi đồng bộ Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và luật chuyên ngành để bảo đảm tính thống nhất: các luật chuyên ngành phải tuân thủ nguyên tắc phân cấp, phân quyền đã được xác lập trong Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; hạn chế việc quy định thẩm quyền trực tiếp cho các đơn vị thuộc bộ; bảo đảm nguyên tắc “một việc - một cơ quan chủ trì - một đầu mối chịu trách nhiệm”.

5.2. Chuẩn hóa kỹ thuật lập pháp và kiểm soát xung đột pháp luật

Cần đổi mới kỹ thuật lập pháp theo hướng: quy định thẩm quyền bằng các tiêu chí rõ ràng, cụ thể, có thể kiểm chứng; hạn chế sử dụng các thuật ngữ định tính như “phối hợp”, “liên quan” mà không xác định rõ trách nhiệm; thiết kế các quy định có tính tích hợp, tránh phân mảnh theo ngành.

Tăng cường cơ chế kiểm soát xung đột pháp luật trong toàn bộ vòng đời của văn bản quy phạm pháp luật: nâng cao chất lượng đánh giá tác động chính sách, đặc biệt đối với nội dung phân định thẩm quyền; thiết lập cơ chế rà soát tính tương thích giữa các văn bản trước và sau khi ban hành; tăng cường vai trò của cơ quan thẩm tra và các thiết chế kiểm soát tính hợp hiến, hợp pháp.

Hạn chế tình trạng “luật khung - luật ống”, giảm sự phụ thuộc vào văn bản dưới luật. Các nội dung cốt lõi về thẩm quyền phải được quy định trực tiếp trong luật, tránh việc văn bản dưới luật làm thay đổi hoặc mở rộng thẩm quyền.

5.3. Tiếp tục nghiên cứu cơ sở khoa học về hoàn thiện phân cấp, phân quyền giữa trung ương và địa phương

Cần thiết kế lại cơ chế phân cấp theo hướng: phân định rõ ràng thẩm quyền giữa trung ương và địa phương; gắn quyền hạn với trách nhiệm và nguồn lực tương ứng; bảo đảm tính ổn định và lâu dài của thẩm quyền được phân cấp. Cần phân biệt rõ giữa phân quyền và ủy quyền: phân quyền phải đi kèm với quyền tự chủ thực chất của địa phương; ủy quyền cần được quy định rõ phạm vi, thời hạn và trách nhiệm pháp lý; tránh tình trạng “phân cấp hình thức” hoặc “ủy quyền tùy nghi”. Cần chuyển từ cơ chế kiểm soát mang tính can thiệp trực tiếp sang kiểm soát hậu kiểm và kiểm soát bằng pháp luật, nhằm tăng tính chủ động và linh hoạt của địa phương.

5.4. Thiết lập cơ chế điều phối liên ngành và bảo đảm “chỉ một đầu mối chịu trách nhiệm”

Trong các lĩnh vực liên ngành, cần thiết lập cơ chế điều phối hiệu quả nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo giữa các cơ quan cùng cấp: xác định rõ cơ quan chủ trì đối với từng lĩnh vực hoặc từng chính sách cụ thể; quy định cụ thể trách nhiệm phối hợp của các cơ quan liên quan; thiết lập thiết chế điều phối liên ngành có thẩm quyền thực chất (ví dụ: ban điều phối, cơ chế liên bộ). Thể chế hóa nguyên tắc “một việc - một đầu mối chịu trách nhiệm chính”, qua đó bảo đảm tính rõ ràng trong trách nhiệm giải trình và nâng cao hiệu quả quản lý.

5.5. Tăng cường kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình

Việc hoàn thiện pháp luật về phân định thẩm quyền cần gắn liền với việc thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả: tăng cường vai trò giám sát của cơ quan lập pháp đối với hoạt động của hành pháp; bảo đảm tính độc lập của tư pháp trong giải quyết tranh chấp; hoàn thiện cơ chế kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật; nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện thẩm quyền.

5.6. Nâng cao năng lực thể chế và chất lượng thực thi pháp luật

Chú trọng đến yếu tố con người và năng lực thực thi, trong đó tập trung vào nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều phối thẩm quyền; xây dựng hệ thống dữ liệu pháp luật thống nhất, hỗ trợ phát hiện và xử lý xung đột pháp luật.

Thạc sỹ Nguyễn Khắc Tuấn - Viện Khoa học Tổ chức nhà nước và Lao động

Nguồn: tcnnld.vn

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, Công văn số 174/CV- BCD ngày 02/12/2025 về tập trung tháo gỡ vướng mắc, khó khăn khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.
2. Bộ Xây dựng (2025), Báo cáo rà soát thủ tục của Bộ Xây dựng về cải cách hành chính.
3. Chính phủ (2021), Nghị định số 06/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
4. Chính phủ (2026), Nghị định số 96/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư năm 2025.
5. Chính phủ (2024), Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
6. Chính phủ (2025), Nghị định số 150/2025/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
7. Nguyễn Đăng Dung (2012), Kiểm soát quyền lực nhà nước, Nxb CTQGST, tr. 67.
8. Quốc hội (2013), Hiến pháp năm 2013.
9. Quốc hội (2025), Luật Tổ chức Chính phủ (số 63/2025/QH15).
10. Quốc hội (2025), Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.
11. Quốc hội (2020), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14.
12. Quốc hội (2025), Luật An toàn thực phẩm số 61/VBHN-VPQH/2025.
13. Quốc hội (2024), Luật Đất đai số 31/2024/QH15.
14. Quốc hội (2024), Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.

15. Trần Ngọc Đường, *Phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam*, Nxb. CTGQST, 2010, tr. 78.
16. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật hành chính Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, 2019, tr. 87.
17. OECD (2019), *Making Decentralisation Work, A Handbook for Policy-Makers* P 33.
18. International Monetary Fund (2012), *Fiscal Decentralization and Governance*.
19. World Bank (2022), *Doing Business Report*, P 37.

NHỮNG QUYẾT SÁCH VÌ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC VÀ HẠNH PHÚC CỦA NHÂN DÂN

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV diễn ra vào thời điểm toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang tập trung đưa Nghị quyết Đại hội XIV và các nghị quyết chiến lược của Đảng vào cuộc sống; đồng thời tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy sau một cuộc cách mạng sâu rộng.

Bối cảnh mới đặt ra những yêu cầu lớn hơn: tổ chức mới phải đi liền với phương thức vận hành mới; phân cấp phải gắn với năng lực, nguồn lực và trách nhiệm; bộ máy tinh gọn phải thực sự hiệu lực, hiệu quả và phục vụ Nhân dân tốt hơn.

Với 13 nội dung lớn bao quát cả xây dựng Đảng, hoàn thiện hệ thống chính trị, đổi mới mô hình phát triển, quản trị nguồn lực, bảo vệ đất nước và nâng cao chất lượng sống của Nhân dân, Hội nghị đã quyết định nhiều vấn đề hệ trọng.

Nhưng giá trị nổi bật của Hội nghị không chỉ nằm ở số lượng hay tầm vóc của các quyết sách. Điều quan trọng hơn là một phương pháp lãnh đạo mới được xác lập: *quyết sách phải gắn với thực thi và phải được đo bằng kết quả*.

Từ những câu hỏi thẳng thắn trong phát biểu khai mạc đến những yêu cầu hành động cụ thể trong phát biểu bế mạc của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, một thông điệp nhất quán đã được khẳng định: sự thống nhất về chủ trương chỉ thực sự có ý nghĩa khi được chuyển thành sự thống nhất trong hành động và những thay đổi cụ thể trong việc nâng cao đời sống của Nhân dân.

Nhìn thẳng vào điểm nghẽn lớn nhất: khâu thực thi

Một trong những dấu ấn nổi bật của Hội nghị Trung ương 3 là phương pháp nhìn thẳng vào vấn đề, không dừng lại ở mô tả hiện tượng mà truy tìm nguyên nhân gốc. Trong phát biểu khai mạc, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đặt ra hàng loạt câu hỏi lớn: phải đổi mới thể chế và cơ chế phân bổ nguồn lực như thế nào để đất đai, vốn, lao động, khoa học và công nghệ chảy vào những nơi có hiệu quả cao hơn; làm thế nào để xây dựng một xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh; làm sao để phát triển nhanh nhưng không gia tăng những điểm yếu về an ninh quốc gia; và cuối cùng, thành quả phát triển phải được phản ánh ra sao trong việc làm, thu nhập, giáo dục, y tế, nhà ở, an toàn và cơ hội phát triển của mỗi người dân.

Cách đặt vấn đề ấy cho thấy Trung ương không chỉ quan tâm quyết định làm gì, mà còn tập trung làm rõ phải làm như thế nào để những mục tiêu đúng đắn tạo ra kết quả tương xứng.

Phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 3 vừa qua của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã đưa ra câu trả lời trực diện: “Điểm nghẽn lớn nhất vẫn là khâu thực thi”. Điểm nghẽn ấy bắt nguồn từ việc thẩm quyền có nơi chưa đi liền trách nhiệm; phân cấp chưa gắn đủ với nguồn lực, dữ liệu, công cụ, năng lực cán bộ và cơ chế kiểm soát; nguồn lực còn chia cắt; dự báo và phòng ngừa chưa theo kịp những biến động nhanh chóng của thực tiễn. Vì vậy, giải pháp không thể

chỉ là ban hành thêm văn bản hay thiết lập thêm quy trình, mà phải “xử lý từ nguyên nhân gốc”, đồng bộ trên cả thể chế, tổ chức, con người và phương thức lãnh đạo, quản trị.

Sự nhận diện này đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong tư duy lãnh đạo. Khi đường hướng chiến lược đã rõ, trọng tâm phải chuyển sang năng lực hành động; khi tổ chức bộ máy đã được sắp xếp, thước đo phải là chất lượng vận hành; khi quyền hạn đã được phân cấp, giao quyền, câu hỏi quyết định phải là ai chịu trách nhiệm về kết quả cuối cùng.

Thiết kế năng lực thực thi ngay trong mỗi quyết sách

Nếu việc xác định thực thi là điểm nghẽn lớn nhất thể hiện sự nhìn nhận đúng vấn đề, thì yêu cầu “năng lực thực thi phải được thiết kế ngay trong mỗi quyết sách” chính là lời giải có tính đột phá mà Hội nghị Trung ương 3 đưa ra.

Theo cách tiếp cận truyền thống, sự tách rời giữa quá trình hoạch định chính sách và quá trình tổ chức thực hiện có thể làm cho những quyết sách đúng về định hướng nhưng khó triển khai trong thực tế: nhiệm vụ không rõ đầu mối, thẩm quyền không tương xứng, nguồn lực không được bảo đảm, tiến độ thiếu ràng buộc và kết quả không thể đo lường.

Bởi vậy, yêu cầu mới đặt ra là khả năng thực hiện phải trở thành một bộ phận cấu thành của chính quyết sách. Ngay trong quá trình xây dựng chủ trương phải trả lời rõ: cơ quan nào chủ trì, ai là đầu mối chịu trách nhiệm, thẩm quyền đến đâu, điều kiện thực hiện gồm những gì, nguồn lực được bảo đảm ra sao, thời hạn hoàn thành khi nào và sản phẩm cuối cùng là gì.

Tinh thần ấy đã được xác lập ngay từ phát biểu khai mạc, khi Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm yêu cầu các nghị quyết, kết luận phải “rõ mục tiêu, rõ nhiệm vụ, rõ nguồn lực, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm và rõ kết quả”; đồng thời phải ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra.

Trong phát biểu bế mạc, yêu cầu này tiếp tục được cụ thể hóa bằng ba nguyên tắc rất mạnh: *không giao nhiệm vụ mà không xác định điều kiện thực hiện; không phân cấp mà thiếu kiểm soát; không để trách nhiệm hòa tan trong phối hợp*. Đây chính là ba hàng rào cần thiết để ngăn ngừa những thất bại phổ biến trong thực thi: giao việc hình thức, phân quyền nửa vời và trách nhiệm tập thể nhưng không xác định được người chịu trách nhiệm cuối cùng.

Khi năng lực thực thi được thiết kế ngay từ đầu, chính sách không còn chỉ là tuyên bố về điều mong muốn, mà trở thành một chương trình hành động có thể vận hành, kiểm soát và quy trách nhiệm. Chất lượng của một quyết sách, vì thế, không chỉ nằm ở tính đúng đắn của mục tiêu, mà còn nằm ở khả năng biến mục tiêu ấy thành kết quả.

Đó cũng là ý nghĩa sâu sắc của yêu cầu: *“biến tốc độ ban hành thành tốc độ thực hiện, biến quyết tâm chính trị thành chuyển biến thực chất, kết quả cụ thể”*. Một nền quản trị hiệu quả không thể được đo chủ yếu bằng số lượng nghị quyết, chương trình hay kế hoạch được ban hành, mà phải được đo bằng khoảng cách ngày càng được rút ngắn giữa quyết định chính trị và sự thay đổi trong đời sống.

Từ đây, thực thi không còn là khâu cuối cùng, đứng sau hoạch định chính sách. Thực thi trở thành trung tâm của tư duy lãnh đạo; còn kết quả thực tế trở thành bằng chứng thuyết phục nhất về giá trị và sức sống của mỗi quyết sách.

Xây dựng một bộ máy hành động, hướng về cơ sở và Nhân dân

Một tư tưởng xuyên suốt trong phát biểu bế mạc của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm là: muốn quyết sách đi vào cuộc sống thì không chỉ cần một hệ thống chính trị thống nhất về ý chí, mà còn phải có một bộ máy thống nhất trong hành động. Vì vậy, Hội nghị Trung ương 3 không dừng lại ở việc xác định nhiệm vụ, mà còn thiết kế lại chuỗi trách nhiệm thực thi từ Trung ương đến cơ sở.

Theo đó, Trung ương tập trung vào hoạch định chiến lược, hoàn thiện thể chế, xây dựng các nền tảng dùng chung, phân bổ các nguồn lực lớn và kiểm tra việc thực hiện. Cấp tỉnh có trách nhiệm cụ thể hóa chủ trương, tổ chức không gian phát triển, điều phối nguồn lực và bảo đảm các điều kiện để cấp xã hoàn thành nhiệm vụ. Cấp xã được xác định là “*tuyến đầu của quản trị công*”, trực tiếp phục vụ Nhân dân, giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn cuộc sống và nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

Đây là một bước phát triển quan trọng trong tư duy về phân cấp, phân quyền. Nếu trước đây, phân cấp chủ yếu được hiểu là chuyển giao thẩm quyền, thì nay, Hội nghị đặt ra một yêu cầu đầy đủ hơn: *phân cấp phải đi cùng năng lực thực thi*. Chính vì vậy, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh: khi cấp xã chưa bảo đảm về thẩm quyền, nhân lực, tài chính, dữ liệu, công cụ và hướng dẫn thì cấp tỉnh có trách nhiệm tháo gỡ, không để công việc tồn đọng.

Điều đó cho thấy, Trung ương không chỉ phân định lại quyền hạn giữa các cấp chính quyền mà còn xác lập một triết lý quản trị mới: *cấp trên thành công khi cấp dưới làm được việc; Trung ương mạnh khi cơ sở mạnh; chất lượng của bộ máy được phản ánh trước hết ở năng lực phục vụ người dân*.

Quan trọng hơn, bộ máy hành động không chỉ được tạo nên từ cơ cấu tổ chức mà trước hết từ con người. Bởi vậy, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải “*nói đi đôi với làm*”, “*nhận nhiệm vụ phải làm đến cùng*”, thường xuyên tự soi, tự sửa, gương mẫu trước Nhân dân và chịu trách nhiệm trước tổ chức Đảng cũng như Nhân dân về kết quả công việc.

Những yêu cầu đó phản ánh một sự chuyển dịch sâu sắc trong phương thức lãnh đạo. Nếu trước đây trọng tâm thường đặt vào việc quản lý công việc, thì nay trọng tâm chuyển sang kiến tạo kết quả. Nếu trước đây trách nhiệm có lúc còn được chia sẻ theo quy trình, thì nay trách nhiệm phải được xác định đến từng chủ thể. Và nếu trước đây bộ máy được đánh giá chủ yếu bằng mức độ tuân thủ quy trình, thì nay bộ máy được đánh giá bằng năng lực giải quyết vấn đề của thực tiễn.

Nói cách khác, Hội nghị Trung ương 3 đã đặt nền móng cho một nền hành chính hành động, nơi mỗi cấp, mỗi cơ quan và mỗi cán bộ đều được xác định rõ vai trò trong chuỗi tạo ra giá trị công cho xã hội.

Lấy kết quả thực tế và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo

Có lẽ điểm mới có ý nghĩa lâu dài nhất của Hội nghị Trung ương 3 là sự thay đổi trong tư duy đánh giá. Nếu một quyết sách chỉ được đo bằng số lượng văn bản đã ban hành, số cuộc

hợp đã tổ chức hay số kế hoạch đã được xây dựng thì rất dễ rơi vào tình trạng “hoàn thành trên giấy”, nhưng chưa tạo ra chuyển biến trong cuộc sống.

Bởi vậy, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm khẳng định một nguyên tắc rất rõ ràng: “Giá trị và sức sống của các quyết sách phải được đo bằng kết quả thực tế”. Đó phải là những điểm nghẽn đã được tháo gỡ, những nguồn lực đã được khơi thông, những năng lực mới được tạo lập, bộ máy vận hành thông suốt hơn, năng suất và sức cạnh tranh được nâng cao, đất nước an toàn hơn và Nhân dân được thụ hưởng thiết thực hơn.

Từ quan điểm đó, Hội nghị cũng xác lập một hệ thống đánh giá mới đối với đội ngũ cán bộ. Kết quả thực hiện phải trở thành căn cứ quan trọng nhất để đánh giá tổ chức và cán bộ, nhất là người đứng đầu; đồng thời phải biểu dương những nơi làm tốt, bảo vệ người dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung và xử lý nghiêm tình trạng né tránh, đùn đẩy, làm chậm, làm hình thức.

Đây không chỉ là sự thay đổi về tiêu chí đánh giá, mà còn là sự thay đổi về văn hóa quản trị. Khi kết quả trở thành thước đo, mọi hoạt động của bộ máy sẽ hướng nhiều hơn tới việc giải quyết vấn đề của thực tiễn thay vì hoàn thành thủ tục; cán bộ sẽ quan tâm nhiều hơn đến tác động cuối cùng của chính sách thay vì chỉ dừng lại ở việc hoàn tất quy trình.

Đặc biệt, Hội nghị còn mở rộng chủ thể đánh giá ra ngoài bộ máy Đảng, nhà nước. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm yêu cầu mục tiêu, tiến độ, sản phẩm và kết quả thực hiện phải được công khai để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân theo dõi, giám sát, phản ánh và kiến nghị.

Đó là một bước tiến quan trọng của quản trị hiện đại. Khi Nhân dân trở thành chủ thể giám sát và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp trở thành tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy, thì quyền lực công không chỉ được kiểm soát bằng quy định, mà còn được kiểm chứng bằng chính chất lượng phục vụ xã hội.

Một phương thức lãnh đạo mới

Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV đã quyết định nhiều chủ trương lớn, nhưng điều có ý nghĩa lâu dài hơn cả là đã định hình một phương thức lãnh đạo mới cho giai đoạn phát triển mới của đất nước. Từ những quyết sách về xây dựng Đảng, hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình phát triển, quản trị nguồn lực đến bảo vệ Tổ quốc, tất cả đều được đặt trong một chỉnh thể thống nhất giữa mục tiêu và điều kiện thực hiện, giữa quyền hạn và trách nhiệm, giữa phát triển và kết quả cuối cùng mà Nhân dân được thụ hưởng.

Có thể nói, thông điệp lớn nhất của Hội nghị không chỉ là ban hành thêm nhiều nghị quyết, mà là làm cho mỗi nghị quyết đều có khả năng đi vào cuộc sống. Đó cũng là lý do Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhiều lần nhấn mạnh yêu cầu phải *“chuyển ngay sự thống nhất về chủ trương thành thống nhất trong hành động”*, *“biến tốc độ ban hành thành tốc độ thực hiện, biến quyết tâm chính trị thành chuyển biến thực chất, kết quả cụ thể”*.

Đó chính là thông điệp hành động sâu sắc nhất mà Hội nghị Trung ương 3 gửi tới toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị và mỗi cán bộ, đảng viên: *lãnh đạo không kết thúc ở việc ban*

hành quyết sách; lãnh đạo chỉ hoàn thành khi quyết sách được chuyển hóa thành kết quả thực tế vì sự phát triển của đất nước và hạnh phúc của Nhân dân.

Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng - nguyên Phó chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

Nguồn: baochinhhphu.vn

BƯỚC ĐỘT PHÁ VỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV đã thống nhất cao nhiều chủ trương, quyết sách lớn của đất nước về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, phát triển và bảo vệ đất nước trong giai đoạn mới, trong đó có vấn đề đổi mới mô hình phát triển Việt Nam.

Trong phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh: Đối với Đề án đổi mới mô hình phát triển Việt Nam, Trung ương quyết định ban hành Nghị quyết, xác định đây là vấn đề rất lớn, rất mới, chưa có tiền lệ, có ý nghĩa định hình mô hình phát triển quốc gia đến năm 2045 và xa hơn.

Tạo năng lực phát triển mới

Xác lập mô hình phát triển dựa vào năng suất, tri thức, công nghệ và con người là một trong bốn bước chuyển chiến lược của Hội nghị Trung ương lần thứ ba nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực và tạo năng lực phát triển mới cho đất nước, từ đó thực hiện mục tiêu và những định hướng chiến lược lớn mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đề ra.

Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Khắc Quốc Bảo, Phó Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh nhận định: Các quyết sách của Hội nghị Trung ương 3 không đơn thuần là điều chỉnh chỉ tiêu mà là một sự thay đổi trong tư duy phát triển.

Đó là chuyển đổi từ mô hình phát triển dựa vào vốn, tài nguyên, gia công, lao động giá rẻ sang mô hình dựa vào năng suất, dữ liệu, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao.

Nghĩa là chuyển căn bản khỏi mô hình tăng trưởng theo chiều rộng mà Việt Nam đã duy trì trong nhiều thập niên để chuyển sang logic tăng trưởng theo chiều sâu, nơi mà giá trị gia tăng đến từ chất xám và công nghệ thay cho khối lượng lao động hay tài nguyên khai thác.

Điều quyết định thành công của bước chuyển này phụ thuộc vào ba yếu tố. Trước hết là thể chế và quản trị, theo đó, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải “thật sự chuyển hóa thành năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng”, nghĩa là cần cơ chế cụ thể để biến tri thức thành sản phẩm thị trường, chứ không dừng ở khẩu hiệu.

Cùng với đó là vai trò kép của Nhà nước kiến tạo và thị trường, trong đó kinh tế tư nhân được xác định là động lực quan trọng nhất. Tiếp theo là gắn đầu tư nước ngoài với chuyển giao công nghệ để nâng cao năng lực nội sinh, thay vì chỉ thu hút vốn.

Từ góc nhìn vĩ mô, Tiến sĩ Nguyễn Đức Kiên, nguyên Tổ trưởng Tư vấn kinh tế của Thủ tướng nhận định, theo nhiều lý thuyết phát triển bền vững, mô hình phát triển quốc gia của các nước đang phát triển và Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dựa trên ba trụ cột chính: Phát triển kinh tế; bảo vệ môi trường; bảo đảm an sinh xã hội.

Trong đó, các lĩnh vực đều có sự liên kết chặt chẽ với nhau, tùy thuộc vào thực tế nền kinh tế-xã hội mà lựa chọn từng mũi đột phá. Vì vậy, xác định vị thế của Việt Nam trong quá trình phát triển là vấn đề rất quan trọng.

Mô hình phát triển đổi mới của Việt Nam từ nay đến năm 2045 nếu coi phát triển kinh tế là đột phá nhằm nâng cao đời sống, an sinh xã hội của Nhân dân và thực hiện cam kết bảo vệ môi trường thì có thể coi phát triển kinh tế với tốc độ tăng GDP hai con số là mũi nhọn đỉnh của tam giác; hai yếu tố bảo vệ môi trường và bảo đảm an sinh xã hội là hai điểm tạo nên đáy của tam giác phát triển.

Trong thời kỳ này, đây là hình tam giác cân với ưu tiên đầu tư mạnh mẽ cho tăng trưởng kinh tế, cải thiện mức thu nhập của người dân và thực hiện từng bước kinh tế xanh trong bảo vệ môi trường.

Các vấn đề nguồn nhân lực, hạ tầng số... là điều kiện, phương tiện để hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2045.

Nỗ lực xây dựng nền kinh tế có sức chống chịu cao

Giáo sư Trần Thọ Đạt, Đại học Kinh tế Quốc dân nhận định, tại giai đoạn phát triển mới của đất nước, chúng ta đang đặt lại một câu hỏi căn bản: Việt Nam sẽ tạo ra sự thịnh vượng, sức cạnh tranh và vị thế quốc gia bằng cách nào trong những thập niên tới?

Câu hỏi này không dừng ở yêu cầu tăng trưởng nhanh, mà hướng tới kiến tạo một năng lực phát triển mới. Mục tiêu tăng trưởng hai con số rất quan trọng, nhưng thông điệp sâu hơn là không thể đạt mục tiêu đó bằng mô hình dựa nhiều vào vốn, tài nguyên, lao động giá rẻ và gia công được nữa.

Khi dân số già hóa và cạnh tranh công nghệ gay gắt, động lực cũ có thể làm tăng quy mô nhưng không đủ nâng chất lượng nền kinh tế.

Chuyển sang mô hình dựa trên năng suất, tri thức, dữ liệu, công nghệ, đổi mới sáng tạo... vì thế là điều kiện để Việt Nam tránh quỹ đạo tăng trưởng chậm lại sau khi bước vào nhóm thu nhập trung bình cao.

Theo Tiến sĩ Nguyễn Minh Thảo, Trưởng ban Phát triển doanh nghiệp và Môi trường kinh doanh, Viện Chiến lược và Chính sách kinh tế - tài chính (Bộ Tài chính), trong nhiều năm, tăng trưởng của Việt Nam chủ yếu dựa vào vốn đầu tư, lao động giá rẻ, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và xuất khẩu.

Khi những động lực này dần suy giảm hiệu quả, yêu cầu chuyển sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất lao động, đổi mới sáng tạo, khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, dựa vào nội lực của doanh nghiệp trong nước trở thành yêu cầu cấp thiết.

Điều này là cần thiết để thực hiện mục tiêu xây dựng nền kinh tế có sức chống chịu cao. Yêu cầu đặt ra hiện nay là nỗ lực đẩy nhanh tốc độ ban hành thành tốc độ thực hiện, đưa quyết tâm chính trị thành chuyển biến thực chất, kết quả cụ thể; trong sáu tháng cuối năm phải bảo đảm bộ máy thông suốt, xử lý điểm nghẽn cấp bách, hoàn thành cao nhất mục tiêu kinh tế-xã hội.

Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Khắc Quốc Bảo cho rằng, điểm nghẽn lớn nhất đang cản trở sự phát triển của nền kinh tế là năng lực thực thi chính sách. Để tập trung tháo gỡ điểm nghẽn này cần xử lý bốn vấn đề.

Một là, khi ban hành chính sách phải bảo đảm hai yêu cầu, gồm tính hợp lý về định mức chi và khả thi về quy trình thực hiện.

Hai là, nâng cao năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ công chức với yêu cầu phải có khả năng nhận diện đúng điểm nghẽn trên cơ sở dữ liệu và bằng chứng; đồng thời chuyển mạnh từ tư duy thiên về kiểm soát sang kiến tạo, chủ động tạo lập môi trường thuận lợi để người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội phát huy năng lực.

Ba là, tăng cường liên kết giữa chính quyền địa phương, các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và cộng đồng.

Bốn là, thiết lập cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung song song với việc kiểm soát quyền lực một cách chặt chẽ. Năm 2045 không còn xa nếu tính thời gian cần để đổi mới thể chế, đào tạo nhân lực và hình thành những doanh nghiệp công nghệ mạnh.

Thông điệp có ý nghĩa nhất là: Thời cơ phát triển không kéo dài vô hạn, khát vọng chỉ trở thành hiện thực khi được chuyển hóa thành năng lực hành động, tinh thần trách nhiệm đến cùng và kết quả mà người dân và doanh nghiệp có thể cảm nhận hằng ngày.

Nguồn: nhandan.vn

ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN: KIẾN TẠO NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN MỚI CHO ĐẤT NƯỚC

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam được Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV thông qua xác định “đổi mới mô hình phát triển là nhiệm vụ chiến lược” để “hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước.”

Trên cơ sở đó, Nghị quyết xác lập một tư duy phát triển toàn diện, hiện đại, lấy đổi mới quản trị quốc gia, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát huy sức mạnh con người làm nền tảng, tạo động lực đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Đổi mới mô hình phát triển - yêu cầu tất yếu từ thực tiễn

Sau 40 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Quy mô nền kinh tế không ngừng mở rộng; cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên rõ rệt; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện.

Những thành tựu đó khẳng định tính đúng đắn của đường lối đổi mới, đồng thời tạo nền tảng để đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.

Tuy vậy, Ban Chấp hành Trung ương cũng chỉ rõ những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu phát triển của đất nước. Mô hình phát triển hiện nay đã bộc lộ những hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh mới.

Chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn chưa cao; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa thực sự trở thành động lực chủ yếu của phát triển. Văn hóa chưa được phát huy đầy đủ với vai trò là nền tảng tinh thần của xã hội, nguồn lực nội sinh và sức mạnh mềm của quốc gia...

Đây là những vấn đề có tính căn cơ, đòi hỏi phải có những quyết sách mang tầm chiến lược để tạo lập mô hình phát triển phù hợp với giai đoạn mới.

Yêu cầu đó càng trở nên cấp thiết khi thế giới đang bước vào thời kỳ biến đổi sâu sắc. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển nhanh của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh cùng những biến động địa chính trị, kinh tế và an ninh toàn cầu đang làm thay đổi căn bản các yếu tố tạo nên sức mạnh và năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia.

Trong bối cảnh đó, phát triển không còn chỉ được đo bằng quy mô nền kinh tế hay tốc độ tăng trưởng, mà còn được quyết định bởi chất lượng thể chế, năng lực quản trị quốc gia, trình độ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, khả năng thích ứng và sức chống chịu trước các biến động.

Trên cơ sở đánh giá toàn diện thực tiễn phát triển đất nước và xu thế vận động của thời đại, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam. Đây là lần đầu tiên Trung ương ban hành một nghị quyết chuyên đề về mô hình phát triển quốc gia, xác lập hệ thống quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tổng thể nhằm tạo lập mô hình phát triển phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Kiến tạo năng lực phát triển mới cho đất nước

Nghị quyết số 19-NQ/TW đã xác lập một hệ thống quan điểm toàn diện về đổi mới mô hình phát triển đất nước. Năm quan điểm chỉ đạo không chỉ định hướng quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện Nghị quyết mà còn xác định rõ bản chất, nội hàm, cơ chế vận hành và phương thức phát triển của Mô hình phát triển Việt Nam trong giai đoạn mới.

Nghị quyết xác định rõ đổi mới mô hình phát triển là “quá trình đổi mới phương thức tổ chức, quản trị và vận hành quốc gia để tạo lập năng lực phát triển mới và chuyển đổi sang Mô hình phát triển Việt Nam tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập.”

Đây là bước phát triển mới trong tư duy của Đảng về phát triển đất nước. Nếu trước đây trọng tâm chủ yếu là đổi mới mô hình tăng trưởng thì nay phạm vi được mở rộng sang toàn bộ phương thức tổ chức và vận hành quốc gia, từ lãnh đạo, quản trị, huy động và phân bổ nguồn lực đến tổ chức không gian phát triển và nâng cao năng lực thích ứng của đất nước trước những biến động của thời đại.

Quan điểm này cũng xác định rõ những yếu tố cốt lõi của mô hình phát triển mới: “lấy con người là trung tâm, là chủ thể, mục tiêu và động lực phát triển;” mục tiêu xuyên suốt là không ngừng “nâng cao sức mạnh tổng hợp, tiềm lực quốc gia, chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân”.

Đồng thời, “lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi quốc gia về trí tuệ nhân tạo làm động lực chính; lấy nâng cao năng suất lao động, hiệu quả huy động, phân bổ nguồn lực quốc gia làm những nguyên tắc trung tâm; đảm bảo phát triển kinh tế nhanh nhưng bền vững, bao trùm; gắn chặt xây dựng với bảo vệ Tổ quốc; quốc phòng-an ninh, đối ngoại đồng hành và thúc đẩy phát triển.”

Bên cạnh việc xác lập nội hàm của mô hình phát triển mới, Nghị quyết cũng đặt ra hệ thống mục tiêu theo từng giai đoạn với lộ trình rõ ràng, bảo đảm tính kế thừa và phát triển liên tục.

Cụ thể, đến năm 2030, mục tiêu là hoàn thành các nền tảng của mô hình phát triển mới trên tất cả các lĩnh vực, tạo đột phá về thể chế, quản trị quốc gia hiện đại, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng chiến lược, nguồn nhân lực chất lượng cao và doanh nghiệp dẫn dắt; đồng thời thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng đã đề ra.

Đến năm 2035, mục tiêu được nâng lên một bước quan trọng là cơ bản hoàn thành quá trình chuyển sang Mô hình phát triển Việt Nam tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập.

Điểm nổi bật của giai đoạn này là hình thành đồng bộ các mô hình thành phần, bao gồm mô hình kinh tế, mô hình phát triển xã hội, mô hình phát triển văn hóa và con người, mô hình phát triển môi trường sinh thái, mô hình quốc phòng-an ninh, mô hình đối ngoại và hội nhập quốc tế, cùng mô hình quản trị quốc gia hiện đại.

Điều đó cho thấy mô hình phát triển mới không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế mà bao quát toàn bộ các lĩnh vực của đời sống quốc gia, tạo nên một chỉnh thể thống nhất, vận hành đồng bộ và hỗ trợ lẫn nhau.

Đến năm 2045, thời điểm kỷ niệm 100 năm thành lập nước, mục tiêu là đưa Mô hình phát triển Việt Nam tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập cùng các mô hình thành phần vận hành đồng bộ, hài hòa và hiệu quả; đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đó là một nền kinh tế phát triển dựa trên tri thức, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; một xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, phát triển; văn hóa và con người thực sự trở thành sức mạnh nội sinh và sức mạnh mềm của quốc gia; quốc phòng, an ninh hiện đại, đối ngoại và hội nhập quốc tế chủ động, hiệu quả, góp phần nâng cao vị thế đất nước.

Xa hơn, định hướng tầm nhìn đến năm 2130 thể hiện tư duy chiến lược dài hạn của Đảng đối với tương lai đất nước: xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia xã hội chủ nghĩa phát triển trình độ cao, văn minh, hiện đại, giàu bản sắc; có năng lực sáng tạo và sức sống trường tồn; có vị thế quan trọng trong trật tự toàn cầu về tri thức, công nghệ, kinh tế, quốc phòng và an ninh; xây dựng xã hội thịnh vượng, công bằng, bao trùm, hạnh phúc, con người phát triển toàn diện và đủ năng lực thích ứng trước mọi biến động của thời đại.

Đây không chỉ là tầm nhìn phát triển của một giai đoạn mà còn là định hướng chiến lược cho cả thế kỷ phát triển tiếp theo của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đưa mô hình phát triển mới nhanh chóng đi vào cuộc sống

Để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Mô hình phát triển Việt Nam tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập, Nghị quyết số 19-NQ/TW đã đưa ra hệ thống nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực.

Trọng tâm là tiếp tục đổi mới thể chế và quản trị quốc gia; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi quốc gia về trí tuệ nhân tạo; xây dựng kết cấu hạ tầng chiến lược, nguồn nhân lực chất lượng cao và doanh nghiệp dẫn dắt; đồng thời phát triển hài hòa kinh tế với văn hóa, xã hội, con người, bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả đối ngoại, hội nhập quốc tế.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV (sáng 29/7/2026), Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh yêu cầu toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị phải “thống nhất nhận thức, nắm vững tư tưởng chỉ đạo, những điểm mới và mối quan hệ hữu cơ giữa các quyết sách, bước chuyển chiến lược của Trung ương; hiểu đúng để hành động thống nhất.”

Theo Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, các nghị quyết được Hội nghị Trung ương 3 thông qua là “một hệ thống liên thông, gắn kết cùng hướng tới đổi mới đồng bộ phương thức lãnh đạo, quản trị, phát triển và bảo vệ đất nước,” vì vậy quá trình triển khai phải được tiến hành đồng bộ, không để bất kỳ khâu nào trở thành điểm nghẽn.

Để các chủ trương nhanh chóng đi vào cuộc sống, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước yêu cầu khẩn trương cụ thể hóa các quyết sách thành chương trình, kế hoạch hành động sát thực tiễn, xác định rõ trọng tâm, nguồn lực, tiến độ và trách nhiệm thực hiện. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước nhấn mạnh: “Nghị quyết phải đi cùng chương trình hành động. Chương trình hành động phải mang hơi thở, nhịp sống, đặc thù của từng bộ, ngành, địa phương, cơ sở để có thể thực thi hiệu quả.”

Đồng thời, phải kiên quyết thực hiện tinh thần “việc đã rõ chủ trương, đủ căn cứ và điều kiện phải thực hiện ngay,” “tăng cường kiểm tra, giám sát, thông tin, tuyên truyền và đánh giá

bằng dữ liệu, sản phẩm, kết quả thực tế; lấy lợi ích và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo cuối cùng.”

Những chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước không chỉ làm rõ yêu cầu tổ chức thực hiện Nghị quyết mà còn nhấn mạnh trách nhiệm của mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, đảng viên trong việc đưa các quyết sách của Trung ương vào cuộc sống.

Khi các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết được cụ thể hóa bằng những chương trình hành động thiết thực, được triển khai với quyết tâm cao và phương pháp khoa học, mô hình phát triển Việt Nam mới sẽ từng bước được hiện thực hóa, tạo nền tảng để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030, 2045 và tầm nhìn đến năm 2130.

Nguồn: vietnamplus.vn

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO CỦA CHÍNH PHỦ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THÔNG BÁO SỐ 24-TB/CQTTBCĐ, THÔNG BÁO SỐ 25-TB/CQTTBCĐ VÀ KẾ HOẠCH SỐ 05-KH/BCĐTW

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng - Trưởng Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Đề án 06 ký Quyết định 88/QĐ-BCĐCP ban hành Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo của Chính phủ triển khai thực hiện Thông báo số 24-TB/CQTTBCĐ, Thông báo số 25-TB/CQTTBCĐ và Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW.

Tạo chuyển biến thực chất trong quản trị, chỉ đạo, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp

Mục đích của Kế hoạch nhằm cụ thể hóa đầy đủ, đồng bộ và tổ chức thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ thuộc phạm vi trách nhiệm của các bộ, cơ quan, địa phương thuộc khối Chính phủ được giao tại Thông báo số 24-TB/CQTTBCĐ ngày 07/07/2026 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Hội nghị toàn quốc sơ kết 01 năm 06 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (Thông báo số 24); Thông báo số 25-TB/CQTTBCĐ ngày 11/7/2026 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Phiên họp chuyên đề về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị và Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW ngày 11/7/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị; tập trung xử lý dứt điểm các điểm nghẽn, nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ chậm tiến độ về chuyển đổi số; triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp trong 100 ngày làm việc, tạo chuyển biến thực chất trong phương thức quản trị, chỉ đạo, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Đồng thời, thiết lập kỷ luật, nguyên tắc thống nhất trong quản trị dữ liệu, hạ tầng số, nền tảng số và dịch vụ công trực tuyến; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, cát cứ dữ liệu, trùng lặp hệ thống, nguồn lực đã được bố trí nhưng triển khai, giải ngân chậm; bảo đảm dữ liệu sau khi tạo lập được kết nối, chia sẻ và đưa vào khai thác kịp thời.

Tạo ra sản phẩm cụ thể, có thể đo lường, kiểm chứng và vận hành thực tế; lấy sản phẩm đầu ra, dữ liệu vận hành, số lượng người sử dụng, mức độ cắt giảm giấy tờ, thời gian, chi phí và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo kết quả.

Để đạt được các mục tiêu trên, Ban Chỉ đạo của Chính phủ đưa ra các nhiệm vụ cụ thể yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương triển khai thực hiện.

Xây dựng Nền tảng bản đồ số quốc gia tích hợp dữ liệu đa ngành

Trong đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương liên quan ngay từ năm học 2026 - 2027, rà soát, cập nhật các chương trình đào tạo, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ chiến lược; đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số, năng lực đổi mới sáng tạo và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Để xây dựng Nền tảng bản đồ số quốc gia tích hợp dữ liệu đa ngành, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nghiên cứu mô hình Nền tảng bản đồ số quốc gia tích hợp dữ liệu đa ngành, xác định kiến trúc, mô hình quản trị, các lớp dữ liệu ưu tiên về đất đai, quy hoạch, xây dựng, giao thông, logistics, tài nguyên, đầu tư công; lựa chọn địa bàn, dự án trọng điểm để thí điểm, phục vụ rút ngắn thời gian chuẩn bị, thẩm định và phê duyệt dự án...

Xây dựng Trung tâm năng lực AI quốc gia

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì nghiên cứu, xây dựng Trung tâm năng lực AI quốc gia, thực hiện các nhiệm vụ phát triển Nền tảng AI hỗ trợ công vụ dùng chung: Thực hiện các nhiệm vụ phát triển Nền tảng AI hỗ trợ công vụ dùng chung theo hướng AI-First/AI-Native; xây dựng phiên bản thử nghiệm có kiểm soát cho 04 nhóm bài toán: trợ lý AI công vụ; AI hỗ trợ dịch vụ công; AI hỗ trợ hoàn thiện thể chế; AI phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; có kho tri thức được kiểm soát, dẫn chiếu nguồn, phân quyền chặt chẽ và bảo đảm trách nhiệm quyết định cuối cùng thuộc về con người.

Về định danh phương tiện giao thông, thiết bị bay không người lái (UAV), Bộ Công an, Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan nghiên cứu, hoàn thiện cơ sở pháp lý, tiêu chuẩn kỹ thuật và xây dựng hệ thống định danh điện tử, giám sát, quản lý phương tiện giao thông, thiết bị bay không người lái; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ cấp phép, quản lý và giám sát theo thời gian thực...

Kế hoạch nêu rõ, thực hiện cao điểm trong 100 ngày làm việc, từ ngày 11/7/2026 đến hết ngày 30/11/2026. Đối với nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành sau ngày 30/11/2026, cơ quan chủ trì phải hoàn thành đầy đủ các sản phẩm trung gian và điều kiện triển khai thuộc giai đoạn 100 ngày theo yêu cầu tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này; đồng thời tiếp tục tổ chức thực hiện theo thời hạn được giao.

Nguồn: baochinhpvu.vn

QUY ĐỊNH MỚI VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KHUNG CẤP PHÓ TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Chính phủ ban hành Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định này quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể, chuyển giao, phân loại, xếp hạng và tự chủ về tổ chức bộ máy của đơn vị sự nghiệp công lập.

Nguyên tắc thành lập, tổ chức lại, giải thể, chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập

Nghị định quy định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Nghị định này (trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành); một đơn vị sự nghiệp công lập có thể cung cấp nhiều dịch vụ sự nghiệp công trong cùng ngành, lĩnh vực hoặc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của nhiều ngành, lĩnh vực.

Các đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập mới phải tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên (trừ trường hợp thành lập mới để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu). Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, khi thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (kể cả trường hợp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu) phải tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên không được làm tăng thêm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp thực hiện hợp nhất, sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính ở các mức độ khác nhau thì mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập sau khi hợp nhất, sáp nhập được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thành lập, tổ chức lại đơn vị.

Việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo nguyên tắc chuyển giao nguyên trạng đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều kiện thành lập, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập

Đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Phù hợp với quy hoạch ngành (nếu có) hoặc phương án phát triển mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Đáp ứng tiêu chí, điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành (trừ đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu đa ngành, đa lĩnh vực, bảo đảm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội tại địa bàn cấp xã).
- Xác định rõ mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu được giao là 15 người (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu được thành lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành).

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, khi thành lập các đơn vị này thì số lượng người làm việc được xác định theo đề án thành lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài thì số lượng người làm việc xác định trong đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập được phê duyệt.

đ) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài, ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c và d khoản này, cần bảo đảm phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và điều ước quốc tế giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước sở tại về việc thành lập và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Điều kiện tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập

Đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức lại khi thuộc một trong các trường hợp sau: có điều chỉnh về tên gọi, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để phù hợp với quy hoạch ngành (nếu có) hoặc phù hợp với phương án phát triển mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động và đáp ứng quy định về số lượng người làm việc tối thiểu quy định tại điểm d mục 1 ở trên; không đáp ứng đủ điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm b hoặc điểm d mục 1 ở trên; không bảo đảm mức độ tự chủ tài chính theo phương án tự chủ tài chính của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp đơn vị có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ hoặc có biến động về tình hình kinh tế, xã hội hoặc do nguyên nhân bất khả kháng dẫn đến biến động nguồn thu hoặc nhiệm vụ chỉ làm thay đổi mức độ tự chủ tài chính; đối với đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài, ngoài việc đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại điểm a, b và c mục 2, cần bảo đảm phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và điều ước quốc tế giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước sở tại về việc tổ chức lại và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Số lượng cấp phó được thực hiện theo đề án thành lập (trong trường hợp thành lập mới) hoặc đề án tự chủ của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Số lượng cấp phó của các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của bộ được bố trí bình quân không quá 03 người trên một đơn vị.

Khung số lượng cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập

Đối với phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Số lượng cấp phó thực hiện theo đề án thành lập (trong trường hợp thành lập mới) hoặc đề án tự chủ của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Có số lượng người làm việc được giao từ 7-9 người được bố trí 1 Phó Trưởng phòng; có số lượng người làm việc được giao từ 10 người trở lên được bố trí không quá 2 Phó Trưởng phòng.

Phân loại đơn vị sự nghiệp công lập

Đơn vị sự nghiệp công lập được phân loại theo các tiêu chí sau: vị trí pháp lý của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định này; cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực, gồm: giáo dục và đào tạo; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; khoa học và công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (nông nghiệp và môi trường; tài chính; xây dựng; công thương; nội vụ; tư pháp và các lĩnh vực khác); cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đa ngành, đa lĩnh vực; cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo tính chất nhiệm vụ, gồm: Dịch vụ sự nghiệp công phục vụ xã hội, dịch vụ sự nghiệp công hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước; mức độ tự chủ tài chính theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Tiêu chí xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập

Tiêu chí xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập gồm: nhóm tiêu chí về quy mô tổ chức, khối lượng công việc; nhóm tiêu chí về cơ cấu, trình độ lao động và độ phức tạp quản lý; nhóm tiêu chí về hạ tầng cơ sở vật chất, mức độ hiện đại hóa (tài sản, trang thiết bị, phương tiện làm việc) và mức độ số hóa (ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và hạ tầng dữ liệu); nhóm tiêu chí về hiệu quả hoạt động (đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, đánh giá định kỳ mức độ hài lòng của người dân, ứng dụng công nghệ số để người dân trực tiếp đánh giá chất lượng, hiệu quả, mức độ hài lòng đối với các dịch vụ sự nghiệp công) và hiệu quả quản lý tài chính, mức độ tự chủ tài chính; các nhóm căn cứ khác theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực (nếu có).

Nguồn: vietnamplus.vn

TRIỂN KHAI CÁC QUY ĐỊNH VỀ HỢP NHẤT VĂN BẢN

Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu ký Quyết định số 1418/QĐ-TTg ngày 29/7/2026 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Pháp lệnh số 01/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 250/2026/NĐ-CP quy định chi tiết về kỹ thuật trình bày văn bản hợp nhất.

Ngày 10/6/2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XVI đã thông qua Pháp lệnh số 01/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật (Pháp lệnh số 01/2026/UBTVQH16); Chính phủ đã ban hành Nghị định số 250/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 quy định chi tiết về kỹ thuật trình bày văn bản hợp nhất (Nghị định số 250/2026/NĐ-CP). Pháp lệnh số 01/2026/UBTVQH16 và Nghị định số 250/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026, với nhiều quy định mới quan trọng nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm và chất lượng công tác hợp nhất văn bản quy phạm pháp

luật trong thời gian tới. Để triển khai kịp thời, toàn diện, thống nhất, hiệu quả Pháp lệnh số 01/2026/UBTVQH16 và Nghị định số 250/2026/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch triển khai thi hành.

Mục tiêu của Kế hoạch nhằm xác định cụ thể công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Pháp lệnh số 01/2026/UBTVQH16 và Nghị định số 250/2026/NĐ-CP, bảo đảm kịp thời, thống nhất, hiệu quả.

Đồng thời, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc thực hiện các hoạt động triển khai thi hành Pháp lệnh số 01/2026/UBTVQH16 và Nghị định số 250/2026/NĐ-CP. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp (bộ, ngành, địa phương), Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong việc triển khai thi hành Pháp lệnh số 01/2026/UBTVQH16 và Nghị định số 250/2026/NĐ-CP.

Nội dung của Kế hoạch gồm: Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt triển khai thi hành Pháp lệnh số 01/2026/UBTVQH16 và Nghị định số 250/2026/NĐ-CP; thực hiện việc hợp nhất văn bản theo quy định; thực hiện rà soát, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 Pháp lệnh số 01/2026/UBTVQH16.

Đồng thời, thực hiện rà soát để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới văn bản (nếu có), bảo đảm cơ sở pháp lý được đồng bộ trong tổ chức thực hiện công tác hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức tập huấn về công tác hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật và kỹ thuật hợp nhất văn bản; xử lý sai sót trong văn bản hợp nhất; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật; chuyển đổi số trong công tác hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật...

Nguồn: baochinhphu.vn

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT

Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu vừa ký Công văn số 879/TTg-PL của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Thông báo số 01-TB/BCĐTW, Chương trình số 04-CTr/BCĐTW và Công văn số 06/CTQH.

Công văn nêu: Thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật tại Phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo (Thông báo số 01-TB/BCĐTW ngày 06/7/2026), Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật (Chương trình số 04-CTr/BCĐTW ngày 06/7/2026); căn cứ ý kiến của đồng chí Chủ tịch Quốc hội tại

Công văn số 06/CTQH ngày 03/7/2026 về tình hình thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, đồng chí Bí thư Đảng ủy Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố khẩn trương quán triệt đầy đủ nội dung Thông báo số 01-TB/BCĐTW và Chương trình số 04-CTr/BCĐTW đến các cơ quan, đơn vị có liên quan; căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi quản lý, xây dựng hoặc cập nhật chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện, bảo đảm rõ nội dung công việc, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm và tiến độ thực hiện.

Kiểm soát chặt việc ban hành mới thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xác định việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu. Kiểm soát chặt việc ban hành mới thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh; chỉ ban hành khi thực sự cần thiết, hợp pháp, hợp lý, chi phí tuân thủ thấp hơn lợi ích quản lý mang lại và không có giải pháp nào tối ưu hơn. Chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm trên cơ sở quản trị rủi ro; từ quản lý bằng giấy phép sang quản lý bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn, dữ liệu số, trách nhiệm giải trình và công tác thanh tra, kiểm tra.

Quán triệt, thực hiện nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả, bảo đảm tiến độ thực hiện nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo đúng Kế hoạch.

Tập trung nâng cao chất lượng công tác xây dựng chính sách

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ nâng cao trách nhiệm trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, gắn với việc thể chế hóa Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, các nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị; triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và của các cơ quan của Quốc hội. Tập trung nâng cao chất lượng công tác xây dựng chính sách theo đúng tinh thần đổi mới và yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khắc phục triệt để tình trạng đề xuất chính sách còn chung chung, thiếu định lượng, chưa rõ phương án lựa chọn; hạn chế trình các dự án theo thủ tục rút gọn; không để tình trạng chậm, dồn hồ sơ vào sát kỳ họp.

Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời đưa chính sách đi vào cuộc sống; tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền đi đôi với đánh giá năng lực thực thi và tăng cường kiểm tra, giám sát.

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, chia sẻ dữ liệu và từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong phân tích chính sách, dự báo tác động; khẩn trương hoàn thiện hồ sơ các dự án trình Quốc hội tại Kỳ họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2026, bảo đảm chất lượng, tiến độ; trong quá trình chuẩn bị dự án chủ động phối hợp chặt chẽ, từ sớm với các cơ quan của Quốc hội để bảo đảm trao đổi đầy đủ thông tin, thống nhất các nội dung ngay trong quá trình soạn thảo.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thường xuyên sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của những chính sách, pháp luật đã ban hành, nhất là các chính sách, pháp luật liên quan đến tổ

chức và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp, xác định những khó khăn, vướng mắc để đề xuất các giải pháp khắc phục với cơ quan, người có thẩm quyền.

Đồng thời, thường xuyên rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật tại địa phương theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW; chú trọng phản hồi thực tiễn, góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật từ cơ sở.

Đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển doanh nghiệp nhà nước

Bộ Tài chính thực hiện nghiêm ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo tại Thông báo số 01-TB/BCĐTW ngày 06/7/2026, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là: (i) Phối hợp với các cơ quan liên quan tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến kinh tế nhà nước theo hướng xác định rõ danh mục các văn bản phải sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới và lộ trình thực hiện; đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển doanh nghiệp nhà nước; (ii) Khẩn trương trình Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong tháng 7 năm 2026; tham mưu Chính phủ trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, bảo đảm chất lượng, tính cạnh tranh, khả thi và bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc.

Hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng môi trường

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nghiêm ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo tại Thông báo số 01-TB/BCĐTW ngày 06/7/2026 trong đó nhiệm vụ trọng tâm là: (i) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng môi trường không khí, xác lập chỉ tiêu chất lượng không khí bắt buộc đối với từng vùng, từng đô thị, từng giai đoạn, gắn với trách nhiệm của chính quyền địa phương, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu; chuyển từ kiểm soát từng nguồn thải rời rạc sang quản trị chất lượng không khí theo mục tiêu; thiết lập cơ chế điều phối liên vùng đủ mạnh trên cơ sở kiểm kê phát thải toàn diện, xác định rõ nguồn phát thải công nghiệp, giao thông, xây dựng, nông nghiệp, sinh hoạt; xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn thải thống nhất; phát triển hệ thống quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo chất lượng không khí hiện đại, công khai, minh bạch, đáng tin cậy; (ii) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, báo cáo kết quả thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng về xử lý ô nhiễm không khí, ô nhiễm môi trường nước, ô nhiễm môi trường đất, gửi về Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật trước ngày 30/11/2026.

Bộ Công an phối hợp với các cơ quan liên quan khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi); hồ sơ dự án Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi) theo đúng chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 184/NQ-CP ngày 09/7/2026 Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2026. Bộ Tư pháp phối hợp với các cơ quan

liên quan: (i) tham mưu Chính phủ phương án báo cáo Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện đến hết năm 2027 đối với Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật, tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan chức năng có đủ thời gian hoàn thiện các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; (ii) đảm bảo tiến độ nghiên cứu, xây dựng Đề án “Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới”, trình Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật tại Phiên họp thứ hai của Ban Chỉ đạo (tháng 12 năm 2026)...

Nguồn: baochinhphu.vn

XỬ LÝ KHÓ KHĂN TRONG LẬP, PHÂN BỐ, GIAO DỰ TOÁN CHO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66.24/2026/NQ-CP ngày 26/7/2026 về xử lý khó khăn, vướng mắc trong quy định về lập, phân bổ và giao dự toán chi sự nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Nghị quyết này quy định về xử lý khó khăn, vướng mắc trong việc lập dự toán kinh phí cho chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng năm, kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập và việc phân bổ, giao dự toán cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa thành lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm d, đ khoản 2 và điểm e khoản 3 Điều 63 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

Lập dự toán kinh phí cho chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng năm từ ngân sách nhà nước

Nghị quyết nêu rõ, dự toán kinh phí hàng năm từ ngân sách nhà nước để triển khai chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Nhà nước tài trợ, đặt hàng thực hiện gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ chuyển tiếp, dự toán kinh phí cho nhiệm vụ mở mới và dự toán kinh phí cho chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp bách theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác triển khai thực hiện theo các nghị quyết của Đảng, Chính phủ.

Dự toán kinh phí hằng năm thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Nhà nước tài trợ, đặt hàng được lập như sau:

a) Dự toán kinh phí cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chuyển tiếp dự kiến bố trí cho năm kế hoạch.

b) Dự toán kinh phí cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mở mới được thực hiện như sau:

- Dự toán kinh phí được xác định trên cơ sở số nhiệm vụ dự kiến và kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ trong các năm trước được xác định theo từng loại hình nhiệm vụ, tăng thêm khi có thay đổi chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát.

Kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ mở mới theo từng loại hình nhiệm vụ được xác định bằng cách lấy tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước giao dự toán để triển khai các nhiệm vụ mở mới chia cho tổng số lượng các nhiệm vụ mở mới trong năm của loại hình đó.

- Trường hợp năm trước liền kề năm kế hoạch không có nhiệm vụ mở mới thuộc loại hình nhiệm vụ đề xuất hoặc không xác định được loại hình nhiệm vụ mở mới, việc lập dự toán kinh phí cho nhiệm vụ mở mới được thực hiện trên cơ sở đề xuất kinh phí của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc lập dự toán cho nhiệm vụ mở mới của mỗi năm theo từng loại hình nhiệm vụ trong hai năm tiếp theo năm kế hoạch được xác định trên cơ sở tổng số nhiệm vụ mở mới dự kiến và kinh phí trung bình theo năm của nhiệm vụ mở mới theo loại hình đó trong năm trước liền kề năm xây dựng kế hoạch.

c) Dự toán kinh phí để thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt được lập trên cơ sở quyết định phê duyệt chương trình, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền và đề xuất kinh phí dự kiến của chương trình, nhiệm vụ.

Dự toán kinh phí để thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ chuyển tiếp, dự toán kinh phí cho nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ mở mới và dự toán kinh phí cho các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

d) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp bách theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác triển khai thực hiện theo các nghị quyết của Đảng, Chính phủ được lập dự toán trên cơ sở văn bản chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền và đề xuất kinh phí dự kiến cho nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lập dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Theo Nghị quyết, việc lập dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện hằng năm, trên cơ sở khối lượng nội dung hoạt động dự kiến do cơ quan chủ quản xác định và dự trù kinh phí cần thiết để thực hiện, có tính đến điều kiện năng lực nhân lực, cơ sở vật chất và lĩnh vực chuyên môn của tổ chức. Việc lập dự toán giai đoạn tiếp theo được xác định trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức trong giai đoạn trước liền kề. Dự toán kinh phí hằng năm từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở của tổ chức khoa học và công nghệ công lập gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ chuyển tiếp và dự toán kinh phí cho nhiệm vụ mở mới trên cơ sở số nhiệm vụ dự kiến và kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ trong các năm trước, tăng thêm khi có thay đổi chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát.

Trường hợp năm trước liền kề năm kế hoạch không có nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới, việc lập dự toán kinh phí cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới được thực hiện trên cơ sở đề xuất của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được cơ quan chủ quản rà soát, xác định. Việc lập dự toán cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới của mỗi năm trong hai năm tiếp theo năm kế hoạch được xác định trên tổng số nhiệm vụ cơ sở mở mới dự kiến và kinh phí trung bình của các nhiệm vụ cơ sở mở mới trong năm trước liền kề năm xây dựng kế hoạch. Kinh phí trung bình của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới trong năm được xác định trên tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước giao để triển khai các nhiệm vụ cơ sở mở mới chia cho tổng số lượng các nhiệm vụ cơ sở mở mới trong năm đó.

Việc lập dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện theo phương án tự chủ tài chính đã được phê duyệt theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập cho đến khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định giao quyền tự chủ tài chính theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Phân bổ và giao dự toán chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không thông qua quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nghị quyết nêu rõ, phân ngân sách nhà nước không phân bổ qua quỹ được giao dự toán trực tiếp cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa thành lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thì ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Nhà nước tài trợ, đặt hàng được phân bổ, giao dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chuyển tiếp thực hiện trước thời điểm quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thành lập thì tiếp tục thực hiện cơ chế giao dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước cho đến khi kết thúc nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/7/2026 và hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật chấm dứt hiệu lực.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Điều động ông Nguyễn Mạnh Hùng - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Vĩnh Long.

- Chỉ định ông Nguyễn Đức Tâm, Thứ trưởng Bộ Tài chính tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

- Điều động ông Lê Trí Thanh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng giữ chức Phó Bí thư Thành ủy Huế.

- Điều động, phân công đồng chí Lê Quang Tùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Cần Thơ thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thôi giữ chức Bí thư Thành ủy Cần Thơ nhiệm kỳ 2025 - 2030 và điều động, phân công, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Bí thư Tỉnh ủy An Giang, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Điều động, phân công đồng chí Đỗ Thanh Bình, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương giữ chức vụ Bí thư Thành ủy Cần Thơ, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Quyết định số 1429/QĐ-TTg, phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Tô Anh Dũng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh Thanh Hóa.

* Tỉnh Cao Bằng

Ông Lương Tuấn Hùng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng được bầu bổ sung Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng, nhiệm kỳ 2026-2031.

* Thành phố Hải Phòng

Đại tá Nguyễn Bình Khánh, Phó Giám đốc Công an thành phố Hải Phòng được tiếp nhận, biệt phái đến công tác tại Văn phòng Thành ủy và kiêm giữ chức Phó Chánh Văn phòng Thành ủy Hải Phòng.

* Tỉnh Ninh Bình

Điều động, bổ nhiệm ông Hoàng Văn Kiên, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, giữ chức Giám đốc Sở Tài chính.

Nguồn: Tổng hợp từ baocinhphu.vn và vov.vn